

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 Số 165 - Năm thứ 15, tháng 12-2002

Pháp lý đạo tặc

Vụ án Lê Chí Quang đã phơi bày ra ánh sáng bản chất đạo tặc của chế độ cộng sản Việt Nam.

Dự trừ ngày 28-10-2002, phiên tòa đã được dời lại vì lúc đó chủ tịch nước Trần Đức Lương đang thăm viếng Pháp và sợ gặp khó khăn. Chỉ một sự kiện này cũng đủ chứng tỏ chế độ cộng sản Việt Nam thừa biết vụ án Lê Chí Quang là một ô nhục cho họ.

Ngày 8-11-2002, phiên tòa mở ra, chỉ cha và mẹ Lê Chí Quang được phép vào phòng xử, mọi thân nhân và thân hữu không được vào vì lý do phòng họp chật. Nhưng phòng họp thực ra còn trống đến ba phần tư. Trắng trợn và thô bỉ !

Lê Chí Quang được dẫn tới phòng họp với tất cả dấu hiệu của một người đã bị cho thuốc an thần, ngơ ngác như không biết mình đang ở đâu và để làm gì. Hoàn toàn mất khả năng tập trung tư tưởng. Lê Chí Quang chỉ nói được một câu xác định mình vô tội. Tòa tuyên án bốn năm tù và ba năm quản chế, Lê Chí Quang hình như không biết gì cả. Dù sự kiện Lê Chí Quang có bị đánh thuốc mê hay không chỉ là giả thuyết, nhưng là một giả thuyết ngày càng được xác nhận bởi những tiết lộ ngay từ chính bộ máy công an. Có rất nhiều khả năng là Lê Chí Quang đã bị đánh thuốc thực, và nếu đúng như vậy thì sự bỉ ổi của chế độ đã vượt mọi tưởng tượng.

Một sự bỉ ổi khó tưởng tượng khác là sự phản bội trắng trợn của "luật sư" Ngô Ngọc Thủy. Thủy đã nhận tiền để bào chữa cho Lê Chí Quang, nhưng trước tòa và với một bản cáo trạng mà một học sinh trung học phổ thông đọc qua cũng thấy là không những vô giá trị mà còn chứng tỏ Lê Chí Quang hoàn toàn vô tội, Ngô Ngọc Thủy đã trơ trẽn nhìn nhận thân chủ của hắn có tội, sau đó lánh mặt gia đình thân chủ như một tên móc túi rồi bỏ chạy. Ngô Ngọc Thủy toa rập với

công an một cách đê tiện, nhưng chính quyền cộng sản cũng đã tỏ ra cực kỳ hạ cấp khi phải dùng đến thủ đoạn này. Ô nhục hơn nữa là Ngô Ngọc Thủy không phải là một luật sư bình thường mà còn là chánh văn phòng Đoàn Luật Sư Việt Nam và khoa trưởng khoa pháp chế đại học Luật Hà Nội. Hành động của Thủy cho thấy chế độ cộng sản và công lý của nó thối nát đến mức nào !

Nhưng sự thô bỉ không chỉ dừng lại ở đó. Ngay sau phiên tòa, luật sư Đàm Văn Hiếu và gia đình Lê Chí Quang làm thủ tục kháng án. Họ được tòa án trả lời là việc kháng án phải do chính Lê Chí Quang. Điều này đúng, nhưng điều không đúng là luật sư cũng như gia đình không được gặp mặt Lê Chí Quang trong suốt thời hạn kháng án và chỉ được thông báo vào ngày chót là Lê Chí Quang đã quyết định không kháng án. Trong bất cứ một quốc gia nào, trước một quyết định quan trọng là chấp nhận hay chống lại bản án, can phạm cũng phải được quyền tham khảo luật sư và gia đình. Lê Chí Quang đã bị từ chối quyền tự nhiên đó. Và ai biết Lê Chí Quang đang ra sao, tỉnh hay mê ? có bệnh nặng không ? có bị đánh thuốc mê hay không ? Sự kiện gia đình và luật sư không được gặp Lê Chí Quang để ít nhất biết Lê Chí Quang đang ở trong tình trạng nào có thể đã là câu trả lời khá đầy đủ.

Nếu chính quyền cộng sản tưởng rằng bằng cách xử đạo tặc này họ có thể giải quyết xong trường hợp Lê Chí Quang để tiếp tục đàn dưng những phiên tòa lỗ mãng khác đối với Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn và sau đó Nhóm Dân Chủ thì họ lầm to. Vụ Lê Chí Quang sẽ không yên. Lê Chí Quang không cô độc, anh có vô số chí hữu ủng hộ anh, anh cũng có cả lương tâm thế giới và, một cách cụ thể, các tổ chức Việt Nam và quốc tế yểm trợ anh. Quần chúng và tuổi trẻ Việt Nam sẽ ngày càng biết đến anh và ủng hộ anh. Vụ án Lê Chí Quang và những vụ án sắp tới chỉ mở đầu một giai đoạn đấu tranh quyết liệt và kéo dài cho đến khi chế độ hoàn toàn cô lập và sụp đổ.

Hồi kết thúc của chế độ độc tài bạo ngược đã bắt đầu.

Thông Luận

Hãy cấp cứu sinh mệnh Lê Chí Quang Khi còn chưa quá muộn !

Tại phiên tòa sáng 8-11-2002 xử luật gia trẻ Lê Chí Quang, trông Anh quá gầy gò ốm yếu, mặt xạm bủng như bị phù (vì bệnh viêm thận nặng mãn tính 12 năm liền), từ ngày bị bắt giam 21-2-2002 tại nhà tù B14 (tỉnh Hà Đông) lại không được chức trách nhà tù thuốc men gì hết.

Sự tiết lộ đó của vài nhân chứng khách quan hiện diện trong phiên tòa quả là nghiêm trọng cho sinh mệnh của tù nhân lương tâm Lê Chí Quang - bị tuyên án 4 năm tù giam và 3 năm quản chế sau khi hết hạn tù - chỉ vì tội nhiệt tình yêu nước và sử dụng quyền làm người và quyền công dân theo đúng như Hiến pháp (1992) đã quy định.

Tin dữ dần này tức khắc được loan truyền ngay hôm 8-11-2002 như tia chớp trên mạng quốc tế internet làm xúc động lương tâm nhân loại. Cũng ngay tức khắc một Tổ chức quốc tế nổi tiếng thế giới tuyên bố : "*Các Nhà Báo Không Biên Giới lên án phiên tòa hôm nay (thứ Sáu, 08-11-2002) đã xử Nhà Bất đồng chính kiến-trên mạng (cyber-dissident) Lê Chí Quang bị 4 năm tù giam về tội phê bình chính phủ trên mạng*". Ông tổng thư ký của Các Nhà Báo Không Biên Giới, Robert Ménard, liền gửi cùng ngày một bức thư khẩn cho ông bộ trưởng Bộ Y tế Việt Nam, trong đó có câu (trích) : "*Cho dù Chính phủ Ngài có cố tình chà đạp các quyền cơ bản của công dân mình đi nữa, thì chúng tôi cũng kêu gọi Ngài chí ít hãy trả tự do cho Lê Chí Quang đang đau ốm nặng cần phải chữa chạy khẩn cấp*".

Trong thư Ngài R. Ménard còn viết : "*Luật gia Lê Chí Quang chỉ thực thi cái quyền được khẳng định trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị của Con Người, mà Việt Nam đã ký kết (năm 1982) - đó là Quyền Tự do Ngôn luận*".

Thư Ngài R. Ménard nhấn mạnh rằng : "*Bà thân mẫu*

Tại sao tôi khổ đến thế !

LTS. Sau đây là thư của bà Kim Chung, thân mẫu Lê Chí Quang gửi cho một số bạn gái đã viết thư thăm hỏi và động viên bản nhân vụ án Lê Chí Quang. Bà Kim Chung và chồng là Lê Khắc Bạt đều là kỹ sư đã về hưu. Tựa đề là của tòa soạn, trích một câu của bà Kim Chung trong thư. Độc giả có thể viết thư thăm hỏi và động viên các phụ nữ đang có chồng hoặc con bị giam cầm vì tranh đấu cho dân chủ theo các địa chỉ dưới đây :

1. Nguyễn Thị Kim Chung (mẹ Lê Chí Quang) : 22 phố Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội.
2. Vũ Thúy Hà (vợ Phạm Hồng Sơn) : 72B Thụy Khuê, Hà Nội.
3. Bùi Thị Kim Ngân (vợ Nguyễn Vũ Bình) : 26 Tổ 67B, Phường Vinh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Quyết (mẹ Nguyễn Khắc Toàn) : 11 Ngõ Tràng Tiền, Hà Nội.

Chào các chị,

Trước hết cho phép tôi được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới tất cả các chị, đã cảm thông với nỗi lòng người

của Quang khẳng định rõ ràng rằng Quang đã nhận hết các bài mình đã viết, nhưng đã phản bác các lời buộc tội (sic-nghuyên văn) đối với các bài báo đó. Chúng tôi sẽ chống án đối với quyết định bất công đó".

Lê Chí Quang đã khẳng định nhiều lần rằng mình vô tội và phản bác các lời buộc tội vô căn cứ, phi pháp của bản Cáo trạng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao.

Lần đầu tiên tại cuộc gặp của luật sư Đàm Văn Hiếu với Lê Chí Quang tại trại giam B14, có mặt sĩ quan nhà giam ngồi giám sát cuộc gặp đó, Lê Chí Quang đồng ý tuyên bố : "*Tôi - Lê Chí Quang vô tội*". Lời tuyên bố chắc nịch này được luật sư Đàm Văn Hiếu kể lại ngay sau đó cho bố mẹ của Lê Chí Quang và cả đại tá Lê Hồng Hà cùng nghe biết.

Lần sau, một ngày trước hôm xử, một sĩ quan công an có quan hệ chặt chẽ với quá trình thẩm vấn bị cáo Lê Chí Quang, tiết lộ rằng : "*Thằng Lê Chí Quang cực rần, cực ngoan cố; nó không nhận bất kỳ tội lỗi gì, nó cứ khẳng khái là nó vô tội, rằng nó là luật gia, nó thạo luật, nó làm theo đúng luật pháp*"...

Trước, trong và sau phiên tòa đã có hàng trăm bài lên án quyết liệt bản Cáo trạng và phiên tòa 08-11-2002 là phi pháp, chống Hiến pháp, chống luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, là phản đạo lý nhân văn.

Điều tôi muốn nói với tất cả những ai có lương tri, có tình người, có ý thức tôn trọng luật pháp nhà nước và luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, hãy lên tiếng ngay dưới bất kỳ hình thái nào để đòi : "*Trả ngay tự do cho Lê Chí Quang đang đau ốm nguy kịch, sinh mệnh đang treo trên sợi tóc*" !

Vì tình người tối thượng, hãy lên tiếng ngay khi còn chưa quá muộn !

Hà Nội, ngày 13-11-2002

Hoàng Minh Chính


Địa chỉ : 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Điện thoại : Bị cắt phi pháp từ 05-9-2001

mẹ mất con như tôi. Mấy tuần vừa rồi tôi bận quá nên chưa kịp hồi âm cho các chị. Những bức thư động viên của các chị làm tôi thấy rất ấm lòng. Quả thực nếu không có đồng bào trong và ngoài nước an ủi, chắc tôi không đủ sức để vượt qua những khó khăn như lúc này.

Các chị biết đấy, tôi năm nay đã 62 tuổi rồi, con gái tôi đã đi lấy chồng, giờ chỉ còn mỗi một cậu con trai. Vậy mà cháu ốm đau bệnh tật luôn, lại còn bị giam cầm 4 năm, rồi 3 năm quản thúc nữa. Tôi không biết cháu có đủ sức để qua được 4 năm nghiệt ngã này không. Và tôi cũng là tôi không sống được đến lúc nhìn thấy con ra tù, khỏe mạnh, có công ăn việc làm ổn định. Vì điều đó quá xa vời. Mãn hạn tù và quản thúc, con tôi cũng đã xấp xỉ 40 rồi, với sức vóc ấy, lại còn bị chính quyền đè nén, không hiểu con tôi có tìm được công việc gì phù hợp không ?

Tôi không hiểu tại sao tôi lại khổ đến thế ! Ngần này tuổi rồi mà tôi vẫn không được an hưởng tuổi già, suốt ngày tôi chỉ lo lắng cho con tôi, nhất là trong tình hình hiện nay. Hiện giờ bệnh thận của cháu lại tái phát, cháu thường xuyên nhảu gia đình gửi thêm thuốc Tây y vào.

 Cháu Quang từ bé đã ốm yếu rồi, hết viêm gan siêu vi trùng, lại viêm phế quản mãn tính, từ năm 20 tuổi đến nay cháu lại viêm cầu thận, rồi vì uống nhiều thuốc quá, cháu lại bị loét dạ dày. Vậy mà người ta nỡ bỏ tù con tôi, không cho nó đi bệnh viện.

Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình, mấy tuần nay ngày nào tôi cũng phải lên tòa án, lên cơ quan công an, xuống trại giam... để xin được gặp con tôi. Nhưng nơi này họ chỉ xuống nơi kia, họ lẫn tránh trách nhiệm, và tìm mọi cách để không cho tôi được gặp. Đến hôm nay là hết thời hạn 15 ngày kháng án, họ gửi cho tôi một lá thư của con tôi. Lời lẽ trong thư rất khác thường, cháu như không còn là Quang nữa. Cháu nói cháu sẽ không kháng án, vì nếu kháng án thì thời gian điều tra sẽ tiếp tục kéo dài, và họ sẽ không cho gia đình vào thăm, các điều kiện ăn ở và điều trị bệnh sẽ không được cải thiện, cháu lo nguy hiểm đến tính mạng. Tôi hiểu rằng con tôi đã bị họ dụ dỗ, làm cho mê muội, và vì quá lo cho sức khỏe nên cháu không kháng án nữa. Vả lại, với tình hình pháp luật ở Việt Nam hiện nay thì nếu có xử phúc thẩm, bản án cũng sẽ không thay đổi. Giờ tôi chỉ còn biết trông cậy vào đồng bào nước ngoài, hãy lên tiếng để giúp con tôi sớm được trả lại tự do.

Các chị ơi, các chị giúp tôi nhé. Tôi biết ơn các chị nhiều lắm. Tôi xin phép không được ký tên dưới lá thư này. Các ch có thể liên lạc với tôi theo số phone : (84) 9041 76341. tôi cũng không biết số này có bị cắt không, vì ở Việt Nam họ muốn cắt lúc nào thì cắt, chẳng có luật pháp gì cả.

Thân ái,

Tiệc gây quỹ

Ủng hộ những chiến sĩ dân chủ trẻ đang bị giam cầm tại Việt Nam

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

và

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên Paris

sẽ tổ chức

Một buổi tiệc gây quỹ

Chủ nhật 19-1-2003

từ 12 giờ đến 18 giờ

tại nhà hàng Jardin du Printemps

40 boulevard de Nesle, 77420 Champs sur Marne.

Điện thoại : 01 64 73 98 88.

Bãi đậu xe rộng rãi.

Chương trình gồm có tiệc ăn, rượu và nước giải khát, sau đó là phần khiêu vũ với ban nhạc sống, do một số nghệ sĩ chuyên nghiệp tại Paris đảm nhiệm.

Tham dự : 30 Euros/chỗ - Ủng hộ : 40 Euros.

Ban tổ chức rất hân hạnh được đón nhận thêm những ủng hộ tài chánh khác.

Liên lạc và đặt chỗ trước :

- Nguyễn Văn Huy : 01 60 17 68 00

- Nguyễn Sơn Bá : 01 70 00 09 53

Ngân phiếu xin đề : **Vietnam Libertés** và gửi về địa chỉ : Vietnam Libertés, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes, France.

Trước phiên tòa ngày 8 tháng 11 năm 2002

Cảm thán

"Đứa con sẽ là phần thưởng hay hình phạt cho cha mẹ tùy theo sự giáo dục của mình"

P. Xê-ông



Đường đi Năm Ngựa
khấp khểnh gập ghềnh
lổ chỗ hoa

Đường Trường Sơn công khai phá ?!
Nói liền thế giới với nước ta...
Trăng sao, hồn nước kêu rả rã?
Đất nước ?

Ngập bùn !

Mưa !

Dân thán ca !

Tuổi trẻ Tình yêu ai chẳng sa
Yêu tiền, yêu gái với sida
Tha hồ khắp chốn xử qua loa
Yêu dân yêu nước phải ra tòa
Chí Quang trung thực phải hầu tòa ?!
Ái Nam Quan - hỏi - ai còn ca ?!
Ứng xử Biển Đông ấy còn xa...
Lòe người ngu dại chớ lòe ta
Như xưa Đồng trụ, dân xót xa
Cha ông ném đá, cao thành núi...



Đổ quân luôn cúi, bọn gian manh !
Cảnh báo bọn mi, chớ đành hanh
Giang sơn Tổ Quốc - muôn dân lành
Bao đời vun đắp mới thành danh
Con cháu Rồng Tiên đâu ? Bảo lãnh !

Đất nước Người tinh anh khỏe mạnh
Sánh vai cường quốc rạng thanh danh
Chí Quang sáng tỏa thành biểu tượng
Giục già thanh niên hưởng đúng đường
Dân giàu Nước mạnh. Muôn dân sướng.



Vun đắp cho nhau một tình thương
Độc ác thâm thù chớ có vương
Quang minh chính đạo một con đường

Nhà n quần luôn rộng mở tình thương
"Người trong một nước phải thương nhau cùng".

Phố Hai Bà Trưng
Giờ Ty, ngày Canh Thìn
tháng Tân Hợi, năm Nhâm Ngọ
(10^{giờ} 08-11-2002)

Dương Hùng

B2.P.67 Tập thể Văn Chương

Điện thoại : 8.515479

LTS. Dương Hùng là tên thật của một nhà đạo diễn phim có uy tín ở trong nước.

Đại hội 16 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc

AI CẦM QUYỀN ?

Nguyễn Gia Kiểng

Đại hội 16 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc trung tuần tháng 11-2002 đã thay đổi 90% ủy viên ban chấp hành trung ương và toàn bộ ban thường trực bộ chính trị, trừ một mình Hồ Cẩm Đào được đưa lên làm tổng bí thư thay thế Giang Trạch Dân. Thế nhưng tại sao một thay đổi nhân sự lãnh đạo to lớn như vậy lại không gây được tiếng vang nào cả và các nhà phân tích chính trị lại gần như nhất trí là tình hình chính trị Trung Quốc sẽ không thay đổi bao nhiêu sau đại hội này ?

Những giải thích khách quan được đưa ra như sau : Hồ Cẩm Đào chỉ là mà con người mờ nhạt, không có cá tính và cũng không có uy tín, chỉ may mắn mà được Đặng Tiểu Bình chọn và được Giang Trạch Dân chấp nhận ; Giang Trạch Dân vẫn còn giữ chức vụ then chốt chủ tịch quân ủy trung ương và đã sắp đặt được phần lớn các đệ tử thân tín của mình vào ban thường trực bộ chính trị, như thế vẫn còn chi phối được quyền lực trong ít nhất vài năm nữa ; cương lĩnh mới của Đảng Cộng Sản Trung Quốc không có gì thực sự mới so với cương lĩnh của đại hội 15, việc chấp nhận các doanh nhân vào đảng cộng sản thực ra đã được công bố từ lâu rồi.

Những phân tích này đều đúng nhưng không đi vào chiều sâu của vấn đề. Điều căn bản cần được nói ra là đại hội này, cũng như các đại hội về sau của đảng cộng sản sẽ không còn quan trọng nữa. Thay đổi lớn nhất, trong một phần tư thế kỷ qua, là Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã dần dần mất quyền lực và hiện nay nó không còn là đảng cầm quyền đúng nghĩa nữa. Thay đổi này đã không đến một cách chính thức và đột ngột nên khó nhận thấy, nhưng nó là một sự thực.

Thực ra Đảng Cộng Sản Trung Quốc chưa bao giờ thực sự là một đảng cầm quyền. Những người sáng lập ra Đảng Cộng Sản Trung Quốc và dẫn nó tới thắng lợi như Chu Đức, Mao Trạch Đông, Lưu Thiểu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, v.v. đều không phải là những lý thuyết gia, họ cũng không có trình độ văn hóa cao, cho nên về bản chất họ vẫn là những người Trung Quốc truyền thống. Họ có thể tự nghĩ mình là người cộng sản nhưng họ không khác những người nông dân Trung Quốc bao nhiêu. Đảng mà họ lập ra vì thế không phải là một đảng theo nghĩa thông thường mà ta có thể hiểu, nó chỉ là một tập hợp chung quanh một minh chủ, và vị minh chủ đó cai trị như một hoàng đế khi đã thành công. Bộ máy đảng và nhà nước không có trọng lượng nào so với ông ta cả.

Mao Trạch Đông đã có thể tự ý tổng giam và hành hạ tới chết Lưu Thiểu Kỳ (phó chủ tịch đảng và chủ tịch nhà nước), Bành Đức Hoài (thống chế, tổng tư lệnh quân đội) và vô số nhân vật "quan trọng" khác. Chính Đặng Tiểu Bình, tổng bí thư đảng, cũng bị tổng giam. Tất cả những mệnh lệnh này đều không cần một văn kiện chính thức nào

cả mà chỉ là lệnh miệng của Mao Trạch Đông. Cũng nên ghi nhận một sự kiện ngộ nghĩnh là cho tới lúc chết trong ngục Lưu Thiểu Kỳ

Đừng làm đối thủ * Lãnh đạo các Đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam không còn thực sự là những người cầm quyền * Quyền lực nằm trong tay đám tư sản đỏ

không hề bị cách chức. Ông ta có lẽ là vị nguyên thủ quốc gia duy nhất trong thế kỷ 20 vẫn còn tại chức khi ở tù. Điều này chứng tỏ rằng đảng và nhà nước cộng sản Trung Quốc không có nghĩa lý gì cả. Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông là một nước quân chủ trên thực tế.

Đặng Tiểu Bình cũng cai trị không khác Mao. Ông đưa hai thuộc hạ thân tín là Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương lên đứng đầu đảng và nhà nước nhưng chỉ coi họ như những thuộc hạ. Thấy Hồ Diệu Bang muốn cải tổ, ông ta loại bỏ và cho Triệu Tử Dương kiêm luôn cả đảng lẫn nhà nước. Trong biến cố Thên An Môn, Triệu Tử Dương tỏ ra thiếu cứng rắn, ông ta cách chức và đưa cặp Giang Trạch Dân, Chu Dung Cơ lên thay. Cho đến lúc chết Đặng Tiểu Bình vẫn nắm quyền tối cao dù ông ta không còn giữ một chức vụ chính thức nào. Đảng và nhà nước vẫn không lả gì cả dưới mắt Đặng Tiểu Bình.

Tuy vậy, trong sinh hoạt hàng ngày, không nhiều thì ít, đảng cộng sản vẫn có quyền lực. Một người không làm được tất cả, nhất là một người già yếu sắp chết. Mao và Đặng nắm quyền sinh sát trên những nhân vật chính thức đứng đầu đảng và nhà nước, nhưng những người này vẫn có quyền quyết định khi còn được hoàng đế tin cậy.

Thiên An Môn đã là khúc quanh lớn đưa Giang Trạch Dân và Chu Dung Cơ lên điều khiển đảng và nhà nước.

Khác với Mao, Đặng Tiểu Bình đã có cơ hội để hiểu thực tại của Trung Quốc sau khi Đảng Cộng Sản Trung Quốc thành công. Đặng đã là nạn nhân của Mao, đã thấy những hậu quả kinh khủng của những chính sách Trăm Hoa Đua Nở, Bước Nhảy Vọt, Cách Mạng Văn Hóa. Trong những năm bị giam cầm ở cuối đời của Mao, chính bản thân ông đã phải chịu đói khổ. Ông lên cầm quyền với một cái nhìn thực tiễn hơn nhiều. Không lý thuyết như Mao, ông ta chỉ muốn làm những gì có thể khiến Trung Quốc giàu có hơn. Đặng Tiểu Bình đã làm cho đời sống người Trung Quốc khá hơn và Trung Quốc giàu mạnh hơn so với thời Mao nhưng sẽ là một sai lầm nếu đánh giá ông ta là một lãnh tụ tài ba. Ông ta hoàn toàn không có viễn kiến, về trí tuệ ông ta còn kém hơn cả Mao. Ông không vạch ra được một định hướng nào vào giữa lúc Trung Quốc phải thích nghi với một cuộc chuyển hóa trọng đại. It ra Mao còn lý luận đủ sâu để nhìn thấy những mâu thuẫn. Đặng Tiểu

Bình chỉ có cái thông minh thực tiễn của một nông dân. Ông không chứng tỏ một trình độ văn hóa nào. Hai câu nói nổi tiếng nhất của ông là "mèo trắng, mèo đen, miễn mèo nào bắt chuột là được" và "giàu có là vinh quang", người nông dân nào cũng có thể nói.

Công lao của Đặng Tiểu Bình chỉ là đã cởi trói bớt cho Trung Quốc chứ không phải là đã có một cái nhìn xuất chúng nào. Chính vì không có viễn kiến mà Đặng đã để cho Trung Quốc phát triển một cách không tiên liệu.

Khi đem cặp Giang Trạch Dân và Chu Dung Cơ lên thay Triệu Tử Dương, Đặng Tiểu Bình vô tình đã đưa Trung Quốc vào một hướng mới. Hai nhân vật này là số 1 và số 2 của thành phố Thượng Hải, đưa họ lên cầm quyền không khác gì muốn Thượng Hải hóa cả Trung Quốc. Nhưng Thượng Hải không phải là một thành phố Trung Quốc mà là một thành phố Los Angeles được đem gắn vào một nước Trung Hoa cộng sản, nó là điển hình cho sự mâu thuẫn của Trung Quốc trong buổi giao thời. Nhưng Los Angeles đã chỉ phát triển và tồn tại được nhờ nằm trong khuôn khổ của một nhà nước dân chủ pháp trị. Thượng Hải, cũng như Thẩm Quyến, đã chỉ phát triển nhờ được cơ chế chính trị đảng cộng sản ưu đãi, giao cho vai trò khai thác và bóc lột phần còn lại của Trung Quốc, nó chỉ phồn vinh khi phần còn lại của Trung Quốc tiếp tục bị duy trì trong tình trạng bị khai thác. Mở rộng mô hình Thượng Hải cho cả Trung Quốc mà không thay đổi chế độ chính trị về lâu về dài không Thượng Hải hóa được Trung Quốc mà chỉ làm cho Thượng Hải mất đi thế ưu đãi đã tạo ra sự giàu có của nó. Mở rộng mô hình Thượng Hải có nghĩa là đẩy mạnh chủ trương do Trung Quốc tưởng tượng ra và gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", nói một cách rõ nghĩa hơn là thi hành một chính sách tư bản trong mà nước độc tài đảng trị. Nhưng đây là một vấn đề đã thảo luận xong sau hàng thế kỷ tranh cãi giữa các nhà tư tưởng chính trị, kinh tế và xã hội: kinh tế thị trường phải đi đôi với dân chủ, nếu không thay vì phồn vinh sẽ chỉ làm xã hội phân hóa và chỉ đem lại bất công, bất mãn và xung đột. Và Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân không phải là những nhà tư tưởng có đủ tầm vóc để phát minh ra một chủ thuyết mới, vả lại chính họ cũng không có tham vọng đó. Họ chỉ hành động theo bản năng khi bị thực tại xô đẩy.

❏ Mô hình xã hội đang hình thành tại Trung Quốc là một mô hình gần giống như Châu Âu trước cuộc cách mạng 1848, mà chính Karl Marx đã mô tả: nhà nước là công cụ của giai cấp tư sản để đàn áp và bóc lột giai cấp vô sản. Sự mô tả của Marx có phần đúng, chính vì thế mà ông đã được hưởng ứng, cái sai của Marx là ở chỗ xã hội Châu Âu lúc đó đang thay đổi chứ không bị trói chặt trong một khuôn khổ cứng nhắc, các cuộc tranh cãi về một định hướng mới cho xã hội đang diễn ra một cách tự do và sôi nổi chứ không bị cấm đoán, các chính quyền tìm cách thích nghi với tiến hóa chứ không ngăn chặn diễn tiến hòa bình.

Đúng hơn, phải nói là Trung Quốc đang đi vào tình trạng của Châu Mỹ La Tinh trước thập niên 1980. Hầu hết của cải nằm trong tay một thiểu số rất nhỏ, đại bộ phận

dân chúng nghèo khổ và căm phẫn. Trộm cướp, buôn lậu và băng đảng lộng hành. Chính quyền hoàn toàn bị giai cấp tài phiệt khống chế, những người cầm đầu nhà nước chỉ là tay sai của đám tài phiệt khi chính họ không phải là tài phiệt. Ai thay ai làm tổng thống cũng vẫn thế thôi, bởi vì quyền hành thực sự nằm trong tay đám tài phiệt. Không thể khác bởi vì khi một xã hội không tôn trọng con người không tôn trọng luật pháp và chỉ biết có đồng tiền thì kẻ có tiền là kẻ có quyền.

Tình trạng đó đang là thực tại ngày càng rõ rệt của Trung Quốc. Trong chín ủy viên ban thường trực Bộ chính trị thì có ít nhất bốn người bị tai tiếng nặng vì tham nhũng: Giả Khanh Lâm, Lý Trường Xuân, Hoàng Cúc và Tăng Khánh Hồng. Họ được đưa vào Bộ chính trị thay vì bị giải tòa nhờ sự bao che của chính Giang Trạch Dân. Riêng Tăng Khánh Hồng nổi tiếng lưu manh và bị chính mẹ ruột lên án là làm tay sai cho tài phiệt. La Cán do Lý Bằng vận động cho vào thường trực bộ chính trị để trả ơn đã nhẹ tay trong lúc điều tra vụ lem nhem của con trai mình. Hồ Cẩm Đào, Ôn Gia Bảo, Ngô Bang Quốc, Ngô Quan Chính đều là những con người mờ nhạt. Hồ Cẩm Đào cũng không khác Nông Đức Mạnh, lên được địa vị số 1 vì tương đối sạch sẽ và không đe dọa ai. Một bộ chính trị như thế có trọng lượng nào đối với đám tài phiệt, nhất là khi đám tài phiệt này cũng chính là thân nhân của họ hay thân nhân của những người đưa họ vào bộ chính trị? Ngay cả nếu thực sự muốn, Hồ Cẩm Đào cũng không làm gì được con trai Giang Trạch Dân, một tỷ phú đang nắm độc quyền ngành công nghệ thông tin béo bở.

Kịch bản của Trung Quốc đã gần như được sắp xếp xong: quyền hành thực sự nằm trong tay đám tư sản đỏ. Những người cầm quyền chính thức chỉ bắt giam, xử án và bỏ tù theo mệnh lệnh. Họ không có quyền lực thực sự, họ chỉ là những người thừa hành. Đám tư sản đỏ kiếm hàng chục triệu, hàng trăm triệu đô la mỗi năm, các quan chức lớn chỉ cần được chia vài ngàn, thậm chí vài trăm đô la là đã rất vui mừng và sẵn sàng làm tất cả. Trong một bối cảnh như vậy ai làm tổng bí thư, ai làm thủ tướng, ai vào bộ chính trị đều không còn quan trọng.

Nếu những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc chịu khó nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin thì họ phải thấy là tình hình này đã được Marx, Engels và Lênin giải thích. Đối với Marx và Engels, nhà nước chỉ là dụng cụ của giai cấp tư sản, bởi vì nền tảng của xã hội là kinh tế, kẻ nắm được kinh tế (ngôn ngữ cộng sản gọi là kẻ nắm được phương tiện sản xuất) tất nhiên sẽ nắm được quyền lực chính trị. Marx gọi một cách chế nhạo nhà nước là "ban chấp hành của giai cấp tư sản", với chữ "chấp hành" hiểu theo đúng nghĩa của nó là "thi hành" chứ không quyết định. Tất cả guồng máy chính quyền, quân đội, cảnh sát, luật pháp và tòa án chỉ là dụng cụ bạo lực của giai cấp thống trị. Nhà nước vì vậy chỉ có vai trò tồi tệ là đàn áp dân chúng và không đáng duy trì một xã hội cộng sản không giai cấp đã được thiết lập. Tuy nhiên trong quá trình tiến đến xã hội cộng sản, giai cấp vô sản phải trước hết nắm lấy nhà nước để thực hiện chuyên chính vô sản và xóa bỏ

giai cấp tư sản. Trong giai đoạn chuyển tiếp tiến lên chủ nghĩa cộng sản này, mà ngôn ngữ mác-xít gọi là giai đoạn xã hội chủ nghĩa, nhà nước vẫn là dụng cụ đàn áp, chỉ có điều khác biệt là nó là dụng cụ đàn áp của giai cấp vô sản thay vì của giai cấp tư sản. Lênin hoàn toàn tán thành quan niệm này và còn tỏ ra nồng nhiệt hơn cả hai ông thầy Marx và Engels. Trong cuốn "*Cuộc cách mạng vô sản và tên phản bội Kautzky*", Lênin nhấn mạnh : "*nhà nước thuộc giai cấp thống trị, đó là một guồng máy có mục đích đè bẹp sức đề kháng của kẻ thù, về điểm này chuyên chính vô sản cũng không khác gì mọi chế độ độc tài của các giai cấp khác*". Không hẳn là không có gì khác vì ngay sau đó Lênin viết tiếp : "*chuyên chính vô sản là quyền lực trực tiếp đặt nền tảng trên bạo lực và không bị ràng buộc bởi bất cứ luật pháp nào, chuyên chính vô sản là quyền lực được cướp đoạt và duy trì bằng bạo lực mà giai cấp vô sản áp đặt lên giai cấp tư sản, quyền lực này không lệ thuộc một luật pháp nào*". Ít ra các nhà nước tư bản còn tồn tại trong luật pháp. Lênin nhắc lại quan điểm này trong hầu hết các tác phẩm của ông ta.

Trong khi các chế độ tư bản, vì coi nhà nước là dụng cụ lâu dài của quốc gia để thực hiện hạnh phúc chung, liên tục tìm cách cải tiến quan niệm về nhà nước thì các chế độ cộng sản, với quan niệm nhà nước chỉ là một dụng cụ tồi tệ tạm thời, đã không hề quan tâm cải tiến nó. Họ vẫn dừng lại ở quan điểm coi nhà nước chỉ là một dụng cụ thống trị bằng bạo lực. Về mặt thuần túy lý thuyết, quan điểm này có thể bào chữa được khi mà mục đích cuối cùng là để đi đến xã hội cộng sản trong đó không còn nhà nước. Nhưng ngày nay khi mà mục tiêu tiến lên xã hội cộng sản không đặt ra nữa, các tài phiệt đã được chính thức nhìn nhận và có thể gia nhập đảng cộng sản, thì các nhà nước cộng sản chỉ còn thuần túy là dụng cụ của giai cấp tư sản đỏ. Đảng và nhà nước cộng sản chỉ còn là một thứ ban chấp hành của giai cấp tư sản đỏ, ai làm tổng bí thư, ai làm chủ tịch, thủ tướng, v.v. cũng không thay đổi gì cả. Họ chỉ là những người được đám tư sản đỏ chỉ định theo tương quan lực lượng của các phe nhóm, để bảo vệ và thực hiện sự thống trị của chúng. Họ vẫn bắt giam, xử án, bỏ tù, hành quyết, nhưng họ không quyết định. Quyền quyết định nằm ở trong tay đám tư sản đỏ đứng trong hậu trường, nắm tất cả quyền lợi nhưng không có trách nhiệm nào cả.

Chế độ cộng sản Việt Nam, như một bản năng, luôn luôn lếch thếch chạy theo Trung Quốc, nên tình trạng Việt Nam cũng không khác, quyền lực tại Việt Nam cũng đã chuyển từ tay đảng cộng sản sang tay bọn tư sản đỏ.

Một cựu tư sản Việt Nam, bây giờ đã ra sinh sống ở nước ngoài, có lần nói với tôi : "Anh chưa có cái thú sai chúng nó. Tôi đã có cái thú đó. Sống lắm, chỉ cần cho chúng nó vài ngàn, thậm chí vài trăm, đô la thôi là chúng nó chạy việc cho mình như chạy cờ, tội nghiệp lắm". "Chúng nó" là các cán bộ cao cấp của đảng và nhà nước.

■hiều người cho rằng sau đại hội 16 Trung Quốc sẽ thay đổi với Hồ Cẩm Đào, cũng như họ đã từng nghĩ rằng sau đại hội 9 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Việt Nam sẽ

thay đổi với Nông Đức Mạnh. Họ sẽ thất vọng với Hồ Cẩm Đào cũng như họ đã thất vọng với Nông Đức Mạnh. Cũng như Hồ Cẩm Đào, Nông Đức Mạnh là một nhân vật hiền lành và mở nhạt, nhưng sự đàn áp đã tăng lên chứ không giảm xuống từ ngày Nông Đức Mạnh lên "cầm quyền".

Dĩ nhiên Trung Quốc, và Việt Nam, cũng vẫn tiếp tục thay đổi, nhưng là một thay đổi liên tục về khuôn mẫu Châu Mỹ La Tinh. Cẩn cảnh giác cao ! Khuôn mẫu này có thể kéo dài rất lâu chứ không phải chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp ngắn ngủi. Châu Mỹ La Tinh đã quần quai dưới ách độc tài trong hơn một thế kỷ, xã hội hoàn toàn tan rã, và hiện nay vẫn chưa thoát ra được. Khuôn mẫu này rất bền chắc vì lý do giản dị là những kẻ thực sự nắm quyền lực, tức bọn tài phiệt, không lộ diện và do đó không chịu trách nhiệm trước ai cả, các chính quyền có thể thay đổi khi bị nghiền rủa nhưng kẻ cầm quyền thực sự vẫn còn đó.

Các nước Châu Mỹ La Tinh đã bế tắc rất lâu bởi vì những người tranh đấu cho dân chủ đã lâm đối thủ. Họ tấn công các chính quyền, và vì thế chỉ đánh vào cái bóng.

Chúng ta cũng không được lâm đối thủ. Đối thủ thực sự của chúng ta là bọn tư sản mới. Đừng để bị huyền hoặc vì danh xưng "tư sản đỏ". Tư sản không có màu sắc, không có tư sản đỏ và tư sản xanh, chỉ có **tư sản kinh doanh** trong một nước dân chủ pháp trị lành mạnh và **tư sản lưu manh** trong một chế độ độc tài tùy tiện. Tư sản đỏ tại Trung Quốc và Việt Nam hiện nay là bọn tư sản lưu manh. Chúng không kinh doanh, chúng bóp nghẹt kinh doanh và làm giàu bằng hối mại quyền thế. Chúng không làm kinh tế thị trường, chúng bóp nghẹt thị trường và làm giàu bằng đặc quyền đặc lợi. Chúng không mưu lợi cho đất nước, chúng cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để mưu lợi cho riêng chúng. Chúng không cần tài năng dù chúng đứng đầu những công ty lớn, vì chúng không phải cạnh tranh với ai cả. Chúng không cởi mở và tiến bộ dù chúng đi xe hơi sang trọng và du lịch khắp thế giới. Chúng càng không phải là một chặng đường trong cuộc chuyển hóa về dân chủ, trái lại chúng chống lại cuộc đấu tranh cho dân chủ để giữ nguyên đặc quyền đặc lợi.

■ôi đã có dịp nói chuyện với một số người dân chủ Trung Quốc. Cũng như chúng ta, họ than phiền rằng tuổi trẻ không quan tâm tới đất nước cũng không coi trọng các giá trị đạo đức mà chỉ ao ước làm giàu và thụ hưởng. Đó là vì tuổi trẻ, tại Trung Quốc cũng như tại Việt Nam, đã lấy bọn tư sản đỏ, mà một cách lầm lẫn họ coi là những doanh nhân, làm mẫu mực. Cuộc vận động dân chủ phải vạch trần bộ mặt tồi tàn của bọn cướp bóc đội lốt doanh nhân này và đem lại cho tuổi trẻ những biểu tượng lành mạnh mới, những Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình.

Trận đấu này sẽ không khó khăn. Bọn tư sản đỏ này không có bản lãnh. Chúng có thể bị đánh bại dễ dàng một khi chúng ta đã nhận diện ra chúng như là trở ngại thực sự của cuộc vận động dân chủ.

Nguyễn Gia Kiểng

Hãy trả lời rõ ràng cho toàn dân !

Bài Tin

Đảng cộng sản luôn nói : nhân dân là chủ. Mọi việc phải để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nay nhân dân nóng lòng muốn biết, đặt những câu hỏi dưới đây, yêu cầu những người lãnh đạo đảng và nhà nước trả lời minh bạch.

1. Bản hiệp ước Việt-Trung về biên giới trên đất liền ký ngày 30 tháng 12 năm 1999 tại Bắc Kinh, được quốc hội Việt Nam thông qua ngày 9 tháng 6 năm 2000 đã được phổ biến trên mạng báo *Nhân Dân* điện tử, nhưng không có 64 bản đồ đi kèm là vì sao ?

Trên mạng điện tử có thể rất dễ dàng truyền đi hàng trăm bản đồ đủ mọi tỷ lệ. Các vị có ý định trong thời gian trước mắt phổ biến các bản đồ ấy cho nhân dân được biết hay không ?

2. Bản hiệp định Việt-Trung về vịnh Bắc Bộ ký ngày 25 tháng 12 năm 2000 tại Hà Nội, tức là gần hai năm rồi tại sao đến bây giờ vẫn chưa được đưa ra Quốc hội xem xét và thông qua ? Các vị có ý định đưa ra trong phiên họp của Quốc hội khóa X cuối năm 2002 hay đầu năm 2003 không? Vì sao lại gác lại lâu không bình thường như thế ?

3. Nếu đưa ra Quốc hội thông qua các vị có ý định yêu cầu các đại biểu của dân thảo luận kỹ càng từng điều khoản của Hiệp định hay không ? Các cuộc thảo luận ấy sẽ công khai hay không công khai ?

4. Theo tiết lộ của thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng tỷ lệ phân chia mới ở vịnh Bắc Bộ là : 53,23% diện tích thuộc Việt Nam ; 46,77% diện tích thuộc Trung Quốc.

Trước đó, theo Hiệp ước Pháp-Hoa năm 1887 tỷ lệ là : 62% thuộc phía Việt Nam và 38% thuộc Trung Quốc. Theo Hiệp định mới ký, Việt Nam bị mất đi là : $62 - 53,23 = 8,77\%$ diện tích vịnh Bắc Bộ ; diện tích toàn vịnh là : 126.250 km² ; diện tích bị mất là : 10.972 km².

Xin cho biết các vị có vui lòng đồng ý nhường cho phía Trung Quốc một diện tích lớn đến vậy - hơn 10. 900 km² - hay không ? và có cho như thế là công bằng, thỏa đáng hợp lý hay không ?

5. Trong khi thương lượng, phía Việt Nam có lưu ý đầy đủ phía Trung Quốc rằng vịnh Bắc Bộ (Golfe du Tonkin ; Tonkin Gulf), từ tên gọi của nó được hình thành trong lịch sử đã chỉ rõ nó gắn liền với đất nước Việt Nam hơn bất kỳ nước nào khác. Các vị có lưu ý đoàn Việt Nam tham gia đàm phán về điểm quan trọng này hay không ?

6. Theo Luật về biển được Liên Hợp Quốc thông qua cũng như theo thông lệ tập quán quốc tế giải quyết các tranh chấp lãnh thổ vùng biển các vị có biết rằng phía Việt Nam có ưu thế pháp lý to lớn và vững chắc so với phía Trung Quốc về chủ quyền trong vịnh Bắc Bộ hay không ?

Xin được kể : phía nào có số dân đông hơn sống gần với tài nguyên của vịnh và tham gia khai thác tài nguyên ấy? Hơn 23 triệu dân Việt sống ở châu thổ sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam hay 7 triệu dân Trung Hoa sống ở bán đảo Liêu Châu và phía Tây đảo Hải Nam ? Phía nào có đường cơ bản dọc theo bờ biển và các đảo dài hơn ? Phía nào có số hải đảo nhiều hơn ? (phía Việt Nam có hơn 1.300 đảo và phía Trung Quốc chỉ có 6 đảo !) ; phía nào có nhiều sông ngòi, với lưu lượng nước chảy lớn hơn tải nhiều phù sa vào vịnh, đóng góp nhiều hơn cho việc hình thành vịnh hàng triệu năm qua ? Đó phải chăng là sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Chảy, sông Thái Bình, sông Mã, sông Chu, sông Lam, sông Gianh... mà chiều dài, chiều rộng, khối nước và phù sa gấp hàng mấy chục lần 4 con sông nhỏ, ngắn, yếu ớt của đảo Hải Nam. Trước khi đồng ý cho ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên ký vào bản hiệp định này các vị đã nắm chắc những so sánh trên đây để bảo vệ chủ quyền, tài nguyên vùng biển của đất nước ta hay không ?

7. Về Hiệp định đánh cá chung trong vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc được ký ngày 25 tháng 12 năm 2000 cùng lúc với Hiệp định phân chia vịnh Bắc Bộ nói trên các vị có định đưa ra Quốc hội thảo luận và thông qua trong thời gian sắp tới hay không ? Các vị có cân nhắc kỹ không khi chỉ thị cho ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên hạ bút ký vào bản hiệp định này ? Trên thực tế nó sẽ mở đường cho Trung Quốc đưa tàu thuyền vô cùng hùng hậu của họ tha hồ vùng vẫy ở khu vực trung tâm rộng 33.500 km² của vịnh Bắc Bộ, nơi có nhiều tài sản nhất về hải sản : cá, tôm, mực, bào ngư..., về tiềm năng hơi đốt, dầu quặng quý..., và trong 15 năm liền ! Các vị có biết rằng bản hiệp định này còn cho Trung Quốc khai thác thêm một "vùng quá độ" sát đảo tiền tiêu Bạch Long Vỹ, rộng hơn 1.000 km², vô hiệu hóa hệ thống phòng thủ đất nước ta từ hướng Đông ?

8. Trong khi các vị giữ một thái độ úp úp mở mở về các văn kiện ký kết với Trung Quốc thì đã có nhiều tiếng nói yêu nước chân thật cất lên nhằm biết rõ thực hư ngăn chặn những thiệt hại cho chủ quyền, tài nguyên của Tổ quốc. Tiêu biểu là cụ Đỗ Việt Sơn ở Hải Phòng và luật sư trẻ Lê Chí Quang ở Hà Nội người viết bài luận văn chí lý : "Hãy cảnh giác với Bắc triều".

Các vị vừa kết án anh Lê Chí Quang 4 năm tù giam và 3 năm quản thúc. Chính vì lẽ ấy mà tôi viết bài này khẩn thiết yêu cầu các vị trả lời cho 8 câu hỏi trên đây những câu hỏi mà bất kỳ một người dân nào ưu tư đến quê hương đất nước đến chủ quyền quốc gia, đến toàn vẹn lãnh thổ do cha ông ta để lại đều muốn đặt ra và mong được các vị trả lời sớm nhất !

Lẽ ra ở bất kỳ một nước dân chủ, văn minh nào những vấn đề trọng đại như thế này đã có rất nhiều nghị sỹ, đại biểu quốc hội chất vấn chính phủ nhiều ủy viên trung ương đảng chất vấn tổng bí thư nhiều nhà báo viết bài chất vấn, phỏng vấn các nhân vật lãnh đạo..., không cho phép họ tảng lờ như cam, như điếc, ngậm miệng ăn tiền. Một thái độ bất lịch sự vô văn hóa !

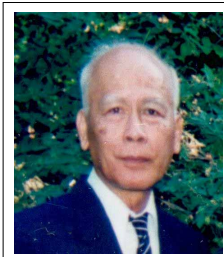
Tôi tha thiết mong rằng các bạn nhà báo nước ngoài đang có mặt ở Việt Nam, các đài phát thanh quốc tế

Thay đổi văn hóa và phát triển kinh tế Một vấn đề phức tạp, một công việc khó khăn

Kinh tế và văn hóa có liên hệ với nhau. Đây là một nhận xét mà đa số sẽ không thấy cần bàn cãi, vì nó rất tầm thường. Nhưng nó đưa đến một nhận xét khác kém hiển nhiên hơn : phát triển kinh tế đòi hỏi phải thay đổi văn hóa. Nhận xét này có thể gây bất bẽ. Vì ba lý do : 1/ danh từ "thay đổi" có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau ; 2/ "văn hóa" không được hiểu theo đúng nghĩa của nó, và 3/ thay đổi kinh tế thường được gắn liền với thay đổi chế độ và chính sách chính trị. Vậy, trước khi đi sâu vào vấn đề, những điểm này cần được minh định để tránh hiểu lầm.

Về "thay đổi văn hóa". Động từ "thay đổi" là một động từ vừa cập vật vừa bất cập vật, như động từ Pháp "changer", hay Anh "change". Ta có thể nói "changer quelque chose"/"change something" (transitif), hay "quelque chose change"/"something changes" (intransitif). Dùng tiếng Việt, ta có thể nói "nó phải thay đổi thái độ", theo nghĩa cập vật, hay "thái độ nó đã thay đổi", theo nghĩa bất cập vật. Rõ ràng là nghĩa của hai câu này khác nhau.

Cũng có người đã hiểu "Thay ĐỔI" là "Thay THẾ", và phản ứng mạnh khi thấy nói đến "thay đổi văn hóa Việt Nam", vì họ hiểu theo nghĩa hẹp : dẹp bỏ toàn bộ văn hóa Việt Nam, tạo ra một chỗ trống, và đem toàn bộ một văn hóa khác, ví dụ văn hóa Mỹ, chêm vào chỗ trống đó. Đối với những người này, ai nói đến "thay đổi văn hóa" là muốn vất bỏ hết "bốn nghìn năm văn hiến" của Việt Nam để thay thế nó bằng "the American way of life", from A to Zee. Đó là một ý nghĩ vô vẩn.



Tôn Thất Thiện

Không thể thay đổi toàn bộ

Ai có chút tri thức về các môn khoa học nhân văn - nhân chủng học, xã hội học, tâm lý học,... - hay kinh tế, chính trị, luật học, cũng biết rằng trong suốt lịch sử nhân loại không hề có chuyện thay thế văn hóa, vì con người, cũng như xã hội, có một sức ù lý kinh khủng. Kinh nghiệm của Lenin, Stalin, Mao, và gần ta hơn, Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Đỗ Mười v.v... muốn xóa bỏ hoàn toàn

xã hội "cũ" và con người "cũ", để thay thế nó với một xã hội và một con người hoàn toàn "mới", xã hội và con người "xô viết" của Lê-nin, và "xã hội chủ nghĩa" của Hồ Chí Minh, là minh chứng của nhận xét đó. Họ đã tận dùng mọi cách tuyên truyền, và sử dụng tối đa "bạo lực cách mạng", nhưng rốt cục họ đã thất bại một cách ngoạn mục.

Vậy, cần nói rõ rằng thay đổi văn hóa ở đây chỉ là thay đổi VỀ văn hóa, theo nghĩa bất cập vật nếu chú ý đến xã hội hơn, và theo nghĩa cập vật nếu chú ý đến cá nhân hơn - thêm cái này, bớt cái kia, sửa chỗ nọ, nhiều ít tùy nhu cầu, để cho kinh tế có thể tiến được dễ dàng. Nhưng có người sẽ hỏi : tại sao không dùng danh từ "sửa đổi" ? Vì "thay đổi" nghĩa rộng hơn là "sửa đổi" ; nó hàm ý cắt, bỏ, nhưng, như đã nói ở trên, nếu có cắt bỏ, sự cắt bỏ này chỉ áp dụng vào một phần nào đó chứ không cho cho toàn bộ của văn hóa.

Chủ đích của cuộc thay đổi là phát triển kinh tế, vì kinh tế Việt Nam có phát triển, thì lợi tức quốc gia mới gia tăng, xã hội Việt Nam mới có thêm hàng hóa và dịch vụ đủ mọi loại, về chất lẫn lượng. Có vậy, đời sống dân chúng mới cải thiện, dân Việt Nam mới ra khỏi cảnh nghèo đói, thiếu thốn, tụt hậu, và nước Việt Nam mới đủ sức để đương đầu với ngoại bang được. Lúc đó, khẩu hiệu "dân giàu, nước mạnh, một xã hội văn minh", mới không phải là một khẩu hiệu rỗng tuếch.

☞ có dịp liên hệ với giới cầm quyền, các bạn Việt kiều về thăm đất nước hãy cùng tôi kiên trì, nhẫn nại đặt 8 câu hỏi trên đây cho các vị lãnh đạo các cấp của đảng, nhà nước, chính phủ, quốc hội, mặt trận... cho kỳ đến khi nào có được những câu trả lời minh bạch.

Tôi không thể nhầm về điểm này : anh luật sư trẻ Lê Chí Quang, người từng dẫn lời của Hàn Phi Tử "nước mất mà không biết là bất trí biết mà không lo liệu là bất trung, lo liệu mà không liều chết là bất dũng", bị cầm tù từ tháng 2-2002, từng bản khoản trần trở về các hiệp định Việt-Trung sẽ vô cùng hân hoan khi có được những câu trả lời về 8 câu hỏi trên đây. Họ im lặng trước vô vàn câu hỏi được đặt ra liên tiếp từ nhiều người cũng là một cách trả lời. Và nhân dân luôn có thừa thông minh để hiểu, để phán đoán, để nhận định, để kết luận.

Để kết luận rằng : anh luật sư trẻ Lê Chí Quang, người báo động về những hiệp định tội lỗi và những người chủ trương ký nó thì... ai là kẻ đáng ở trong tù nếu như đất nước này thật sự có công lý và luật pháp văn minh ?

Bùi Tín

(Paris-10-11-2002)

Tốt, xấu, thích nghi

Thoạt nhìn, thay đổi kinh tế là một vấn đề chính trị : chỉ cần thay đổi chính sách, và chính sách sẽ thay đổi thay nếu chế độ chính trị và lớp người cầm quyền thay đổi. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, nhìn dài hạn và rộng hơn, nhận xét trên đây không đúng, như là khi vấn đề được đặt ra là *phát triển kinh tế*, chứ không phải *chính sách kinh tế*. Trong khi kinh tế chỉ là một khía cạnh của hoạt động của xã hội, phát triển kinh tế liên quan đến tất cả các khía cạnh của đời sống của xã hội. Phần khác, nó là kết quả của động tác của toàn thể xã hội trong thời gian dài, trong khi chính sách kinh tế chỉ là động tác của một chính phủ, một phần nhỏ của xã hội, mà quyền thế lại giới hạn trong thời gian.

Tưởng cũng cần nhấn mạnh rằng vấn đề ở đây không phải là xét định văn hóa Việt Nam trước kia, hay hiện nay, "tốt" hay "xấu". Câu hỏi cần trả lời chỉ là : văn hóa "cổ truyền/truyền thống" và hiện tại của Việt Nam có thích hợp nữa hay không, nghĩa là có thích nghi với hiện đại, có khả năng giải quyết các vấn đề thiết yếu của xã hội Việt Nam hiện nay hay không ?

Nói ngày nay cần "thay đổi văn hóa", không phải là nói rằng văn hóa Việt Nam trong quá khứ toàn là xấu, là dở. Trái lại, văn hóa đó đã làm cơ sở cho Việt Nam trở thành một quốc gia có cơ chế vững chắc và những giá trị đã hướng dẫn dân tộc Việt Nam rất hữu hiệu trong công cuộc chống xâm lăng từ phương Bắc và nhất là mở mang bờ cõi về phương Nam trong nhiều thế kỷ. Những cơ chế và giá trị đó thích hợp với tình trạng thời đó. Nhưng từ cuối thế kỷ XVII, và nhất là từ 1850, vào triều Tự Đức, tình hình đã đổi khác, và văn hóa này không còn thích hợp nữa. Đó là do nó thiếu hẳn một số nét được coi là biểu hiệu của một nền văn minh "hiện đại", một khái niệm mà ta cần xét kỹ.

Chúng ta quen thấy văn hóa kẹp với văn nghệ, văn chương, hội họa, điêu khắc, múa hát, ca kịch, và phim ảnh trong các cụm từ "hoạt động văn hóa", "trao đổi văn hóa". Nhưng khái niệm "văn hóa" bao gồm nhiều lãnh vực hơn vậy nhiều.

Một vấn đề phức tạp

Từ Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam (1), có đến năm định nghĩa của danh từ "văn hóa". Định nghĩa chính là : "Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Những định nghĩa phụ đề cập đến những hoạt động của con người ; tri thức, kiến thức khoa học ; trình độ sinh hoạt xã hội ; quá khứ. Từ điển Mỹ và Pháp (Webster, Larousse) cũng đưa ra nhiều định nghĩa đề cập đến nhiều khía cạnh rất khác nhau của văn hóa.

Định nghĩa trong các từ điển trên đây có một điểm chung nổi bật. Đó là : văn hóa là một khái niệm đa dạng; nó là tổng thể của nhiều khía cạnh khác nhau của hành vi con người trong tư cách thành viên của một cộng đồng xã hội. Những hành vi đó phản ảnh thái độ, tâm lý, trong những lãnh vực tư duy, tín ngưỡng, cư xử với kẻ khác (cùng cộng đồng hay khác cộng đồng – quốc gia, chủng tộc, tôn giáo...), cách tiếp cận về các hoạt động kinh tế, giáo dục (bản thân và con cái), cách thoả mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, hệ thống ưu tiên giá trị, v.v... Như vậy, muốn cứu xét văn hóa một cách đứng đắn phải sử dụng nhiều ngành học : nhân chủng, xã hội, chính trị, kinh tế, luật, sử, khoa học kỹ thuật, v.v... Rõ là một vấn đề rất phức tạp.

Vì văn hóa là một khái niệm phức tạp, nên cứu xét văn hóa cũng phức tạp. Khởi đầu là một cuộc xét lại. Cuộc xét lại này phải hết sức tường tận, về chiều sâu cũng như chiều rộng. Nó phải bao hàm suốt chiều dài lịch sử, và mọi lãnh vực của sinh hoạt vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam. Và quan trọng hơn cả, nó phải hết sức khách quan. Trong công cuộc xét lại này, người nghiên cứu không được để cho tình cảm cá nhân hay đoàn thể, hay tự ái dân tộc, ảnh hưởng đến sự phân tích và phán xét của mình.

Mục đích của việc cứu xét trên đây là nhận dạng và liệt kê những gì tốt, những gì xấu, những ưu điểm và khuyết điểm của xã hội, dân tộc, và con người Việt Nam trong viễn cảnh phát triển kinh tế, cái gì còn thích hợp, cái gì hết thích hợp trong viễn cảnh này.

Dân tộc, xã hội, con người Việt Nam có những ưu điểm, khuyết điểm, tính tốt, tính xấu gì ? Trong *Tổ Quốc Ăn Năn*, anh Nguyễn Gia Kiểng đã có đề cập đến vấn đề này nhiều. Những nhận xét của anh ấy rải rác trong tác phẩm. Nhân dịp điểm sách này, tôi đã gom góp nó lại, và nó đã chiếm một trang đầy (2). Vì không đủ chỗ, và tránh lặp lại tôi không chép bản liệt kê đó ở đây. Để nhường chỗ cho một tác giả khác, anh Đỗ Thông Minh. Gần đây anh Minh đã bàn khá chi tiết về vấn đề này, trong *Thế Kỷ 21* (3).

Tính xấu của người Việt

Bài của anh Minh mang tít : "Người Việt mạnh yếu ở chỗ nào ?" và anh đã can đảm nhìn thẳng vào vấn đề. Đi từ nhận định : "*nói chung dân tộc ta kém xa các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới*", anh đặt câu hỏi : "*làm sao dân tộc ta cứ mãi lâm than, khổn khổ như vậy ?*". Để trả lời câu hỏi căn bản này, anh nhìn về phía văn hóa, và lại hỏi : "*Văn hóa Việt có những ưu khuyết điểm nào ?*".

Anh Minh nêu ra một số tính tốt, mà tôi thấy không cần bàn ở đây, ngoại trừ cảnh cáo rằng, như đã nói ở trên, khi phán xét "tốt", "xấu", ta phải nhớ tốt và xấu cần phải xét theo tiêu chuẩn có thích hợp với điều kiện hiện đại hay không. Có cái trước kia tốt, nhưng nay lại bị cho là xấu, và ngược lại vì điều kiện hiện đại đã đổi khác.

Anh Minh chú ý hơn về một số tính xấu mà anh cho rằng đã làm cho dân Việt có một trình độ văn hóa thấp, "*sinh ra lãnh đạo tôi chỉ biết xâu xé nhau, sinh ra chiến tranh, và chiến tranh mới đào sâu thêm hố chia rẽ làm lụn bại dân tộc*". Về phương diện này, anh còn gay gắt hơn anh Nguyễn Gia Kiểng nữa. Theo anh, "*những người Việt dường như bị nhiễm nhiều tính xấu ở mức độ rất trầm trọng*"... Vì thiếu chỗ không thể lặp lại ở đây tất cả những gì anh Minh nói.

Đoạn trích sau đây cho ta ý niệm về những phán xét của anh ấy. Anh viết : "*Người Việt có những tính xấu gì ? Có thể nói là thiếu ý chí, thiếu sáng tạo, thiếu nghiêm cứu, thiếu mạo hiểm, thiếu tầm nhìn xa, nói dối quanh, ít nhận lỗi, thiếu trật tự, thiếu nguyên tắc, thiếu tôn trọng của công, ăn cắp vặt, tự cao, tự ty, ỷ lại, nặng mê tín, mau chán, thiếu tinh thần dân chủ vì độc đoán ít dung hợp ý kiến người khác, lúc nào cũng có cả trăm lý do để trễ hoặc không giữ lời hứa, nặng tình cảm mà thiếu lý trí, tinh thần địa phương, tôn giáo... Nhưng đáng kể nhất là thói ích kỷ và nhất là đố kỵ, đó là những tật lớn nhất đã làm cho người Việt không đoàn kết, hợp quần, tiến nhanh lên được*".

Ngoài ra, anh Minh còn nhận thấy người Việt "*sức lực kém, làm việc hay qua loa tắc trách, đại khái nếu không nói là cầu thả, nên nói chung năng xuất kém... hình như không muốn bắt cứ một luật lệ nhỏ nào ràng buộc mình. Cứ làm đại, làm càn, đến đâu hay đó... tư tưởng yếm thế... thiếu khôn ngoan về một tầm nhìn xa cho đất nước,... không biết cần rằng chịu nhục [để tiến, như Nhật Bản]... tìm cách hạ nhau, coi thành công của người khác là thiệt hại của mình...*". Anh ghi nhận rằng người Việt "hiếu học", nhưng đó chỉ là một số nhỏ, còn đa số thì "*nặng tinh thần từ chương, chỉ biết tri thức chuyên môn..., dễ tin, nên dễ bị*

lừa... luôn luôn nặng tình cảm, đôi khi đến độ che mờ lý trí". Người Việt ở ngoại quốc thì "tri thức thăng tiến bội phần, nhưng chỉ có một phần nhỏ quan tâm đến đất nước, còn phần lớn mạnh ai nấy lo làm giàu cá nhân".

Anh Minh kêu gọi "hãy cùng nhau nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình, để may ra có sửa chữa, thăng tiến hơn". Nhưng anh thực tế nhận định : "Đã trễ lắm rồi. Bây giờ mà sửa chữa thì may ra vài chục năm hay cả trăm năm sau mới bắt đầu có kết quả".

Cần đồng thuận

Những nhận xét của anh Đỗ Thông Minh, cũng như của anh Nguyễn Gia Kiểng, tuy sâu sắc, nhưng tất nhiên chỉ là những nhận xét của hai cá nhân. Chúng ta cần có nhận xét của rất nhiều người khác để so sánh, phối kiểm, thảo luận, để đi đến một sự đồng thuận lớn về các khuyết điểm của người Việt, và phương thức đối phó hữu hiệu với vấn đề này.

Tới một lúc nào đó, càng sớm càng tốt, một ủy ban lớn và nặng cân cần được thiết lập để nghiên cứu vấn đề này, gồm đại diện của tất cả các giới : trí thức, giáo dục, tôn giáo, phụ mẫu, kinh doanh, lao động... Ủy ban này phải cứu xét vấn đề một cách nghiêm túc, đưa ra những đề nghị cụ thể và được sự đồng thuận rộng rãi, về những thay đổi cần thiết, cùng những cơ quan cần thiết để thi hành những biện pháp được chấp thuận. Những cơ quan này phải có tính cách dài hạn, thành phần của nó phải là những người tri thức rộng và tiến bộ, được kính nể, trung lập, không phụ thuộc các thay đổi chính trị, vì một kế hoạch thay đổi văn hóa có thể dần dần ra hàng chục năm, như anh Minh đã nhấn mạnh ở trên.

Một điều mà ủy ban nói trên cần làm là cầu sự giúp đỡ của chuyên viên của các quốc gia đã thành công lớn trong công cuộc canh tân, hoặc đã vươn mình lên vượt qua được những trở ngại lớn lao (bại trận, bị chiếm đóng), hay từ bao nhiêu thế kỷ vẫn vững tiến đều đều, nhờ có tinh thần công dân và kỷ luật cao (kỷ luật đây hiểu theo nghĩa tự giác, chớ không phải làm theo luật pháp vì có ông cảnh sát đứng gần bên). Chuyên gia các nước này, như Nhật Bản, Đức Quốc, Thụy Sĩ, có thể giúp ta dự thảo một kế hoạch giáo dục thích hợp để huấn luyện dân chúng, đặc biệt là trẻ em từ ngay lớp mẫu giáo, sao cho có được tinh thần công dân và kỷ luật, mà tôi cho là điều kiện cơ bản, không thể thiếu được, trong công cuộc xây dựng lại một xã hội Việt Nam vững vàng, tiến bộ, lành mạnh, đáng kính, đáng yêu, sau một thời gian đã bị tụt hậu và băng hoại vì bao nhiêu năm bị đô hộ, chiến tranh, và nay, "xã hội chủ nghĩa".

Khó khăn lớn

Một trong những khó khăn lớn, nếu không nói là khó khăn lớn nhất, trong việc thay đổi văn hóa của một quốc gia như Việt Nam trong điều kiện hiện đại là làm sao cho đại đa số dân chúng, thuộc giới có ưu thế (có địa vị xã hội, có tài sản, có học thức, thường có xu hướng muốn giữ

nguyên trạng) cũng như giới thường dân, lao động hay nông dân ở những vùng xa lánh (trình độ học vấn thấp, kinh nghiệm thế giới không có, thường có xu hướng bảo thủ, và có sức ù lỳ rất lớn) chịu chấp nhận những sự thay đổi cần thiết, mà không cần dùng đến nói láo, hay bạo lực, hai phương thức chỉ có tác động ngược đích. Đó là khó khăn căn bản, mà giải quyết đòi hỏi nhiều thời gian, kiên nhẫn, thiện chí, và khéo léo.

Khó khăn lớn thứ hai là thực hiện một cuộc thay đổi văn hóa sâu rộng đòi hỏi phải có một chính quyền mà lớp người lãnh đạo không những sáng suốt, biết nhìn xa, cương quyết, trong sạch, thiết tha với tiền đồ dân tộc, và đồng thời có sức lôi cuốn quần chúng, được quốc dân kính phục, trọng nể, tín nhiệm và sẵn sàng đi theo. Rủi thay, hiện nay ta không có một chính quyền như vậy.

Chính quyền đương tại là chính quyền do một nhóm lãnh đạo cộng sản "cơ chế", không được dân chúng ưa thích, kính nể và tín nhiệm, vì họ không đáp những điều kiện nêu trên. Nắm được cơ chế của Đảng và Nhà nước, họ đã nhân danh cơ chế xử dụng uy thế và quyền lực để cột tay, bịt miệng những người "cộng sản lý tưởng" và dựng lên một chế độ độc tài toàn trị, thối nát, nhằm phục vụ quyền lợi ích kỷ của họ. Một trong những hậu quả của sự kiện này là xã hội Việt Nam đã bị đẩy vào một tình trạng hỗn loạn, băng hoại càng ngày càng trầm trọng hơn, làm cho cuộc thay đổi văn hóa phải sâu rộng hơn, nghĩa là phức tạp, khó khăn hơn. Sự tiếp tục trị vì của lớp lãnh đạo cộng sản cơ chế và chủ nghĩa xã hội kiểu bôn-sơ-vích hiện tại là chướng ngại trước mắt lớn nhất trong công việc thay đổi văn hóa Việt Nam. Ngày nào mà chướng ngại này chưa được dỡ đi thì mọi cố gắng nhằm thay đổi văn hóa Việt Nam để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của dân chúng sẽ ở tình trạng tắc nghẽn.

Tuy nhiên, có một điều vẫn có thể làm được, là : những người có thiện chí, ưu tư về tương lai dân tộc, tri thức rộng, có khả năng phân tích, với tư cách cá nhân, hay tốt hơn, thành phần của một nhóm, chịu đở thì giờ nghiên cứu vấn đề và công bố lên kết quả của những sưu khảo, cùng những nhận xét của mình, như các anh Đỗ Thông Minh và Nguyễn Gia Kiểng đã làm, để các người khác có dữ kiện để so sánh, thảo luận, suy ngẫm thêm, và chuẩn bị những đề nghị, giải pháp thích hợp, để có thể đưa ra ngay khi chướng ngại nói trên được dỡ đi.

Tôn Thất Thiện
(Ottawa, Canada)

(1) Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Trung Tâm Từ Điển Học, *Tự Điển Tiếng Việt*, Đà Nẵng, ấn bản 2001.

(2) *Thông Luận*, tháng 5, 2001.

(3) Đỗ Thông Minh, "Người Việt Mạnh Yếu Chỗ Nào ?" *Thế Kỷ 21*, tháng 10, 2001.

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

Đáp lời anh Nguyễn Minh Cần :

Việc chúng ta, chúng ta cứ làm !

Tôi đã đọc bài "Việc ta, ta cứ làm" với nhiều thích thú. Mấy bài viết của tôi đã có người quan tâm nhận xét, thật không gì bằng ! Vấn đề "quan hệ Việt-Mỹ" khá phức tạp, quan trọng, lại đang diễn biến nhiều mặt, với nhiều đối tượng khác nhau, mọi cách nhìn giản lược, theo "sơ đồ" máy móc... đều dễ sai. Đây là dịp đi sâu tìm hiểu cho rõ thêm, chỉ có lợi cho sự hiểu biết và định ra hướng đi cho đất nước.

Riêng về bài của anh Nguyễn Minh Cần, tôi xin có vài ý kiến sơ bộ như sau :

1. Anh Nguyễn Minh Cần rào đón hơi nhiều. Nhiều lần tôi mỉm cười : anh cẩn thận quá ! Nào là : phân vân, lẩn tránh ; hóa ra mình đập anh em mình; ngại đụng chạm đến anh em mình; tạm lờ nó đi, cho nó chìm trong yên lặng... Thế rồi anh lại hăng hái : không thể vì tình riêng bạn bè mà im được.

Tôi là người dân chủ đa nguyên, luôn chấp nhận, hơn nữa cổ vũ đối thoại, tranh luận, nhằm tiếp cận chân lý, xin anh Nguyễn Minh Cần chớ ngại, rào đón mà làm gì !

2. Để hiểu rõ ý tôi trong vấn đề "quan hệ Việt-Mỹ", tôi xin nói vài nhận xét khởi đầu :

- Quan hệ này trước hết là vấn đề tình cảm. Có người ca ngợi, đến độ như sùng bái nước Mỹ về mọi mặt. Có người vốn ở miền Bắc được giáo dục căm thù đế quốc Mỹ rất sâu, mang định kiến kéo dài. Có người vốn ở miền Nam rất cay, đến độ thù ghét Mỹ đã vô trách nhiệm bỏ rơi đồng minh (nhiều bạn nói đã sang định cư ở châu Âu, Canada, Úc... chỉ vì thế, mặc dù có thể sang Mỹ dễ dàng hơn), từ đó mất hẳn niềm tin ở Mỹ, nhất là chính quyền Mỹ, giới chính trị Mỹ. Yếu tố tình cảm này có khi chi phối sự phân tích quan hệ Việt-Mỹ một cách khách quan.

- Mỹ là ai ? Đây là khái niệm quá rộng, mỗi khi nói cần minh định nội hàm của từ ấy, ít nhất trong suy nghĩ của mình. Mỹ là đất nước, lịch sử, truyền thống; là nhân dân, là nếp sống, là số đông, là cử tri Mỹ ? hay là giới cầm quyền, với hai đảng thay nhau cai trị ? hay là các nhóm tài phiệt, bọn buôn súng đạn, buôn thuốc phiện cần sa, bọn gangster, mafia ?... Và Việt là ai ? là bộ máy cai trị, là đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo, là nhóm lãnh đạo trong bộ chính trị hay cả hai triệu đảng viên, hay là nhân dân mà tinh hoa chính trị, tương lai nằm ở trong các chiến sĩ dân chủ đối lập với chính quyền độc đoán toàn trị. Sự lẩn lộn vô tình hay cố ý các khái niệm ấy sẽ làm cho các chính kiến bị sai lạc. Lại cần phân biệt trước chiến lược với sách lược, mục tiêu với biện pháp, bước quá độ với đích cuối cùng, để tránh hiểu nhầm trong tranh luận.

3. Anh Nguyễn Minh Cần cảnh báo khả năng "chính quyền Mỹ qua thực hiện "Lộ trình" sẽ cải thiện, thất bại bang giao với tập đoàn thống trị Việt Nam, gây hại cho dân chủ hóa". Thoạt nghe thì thấy thật là xác đáng ! Nhưng anh Nguyễn Minh Cần nhầm, AEI không phải là

chính quyền Mỹ. Anh cũng không biết tại mấy cuộc họp của AEI, luật sư Trần Thanh Hiệp, tiến sĩ Võ Nhân Trí và tôi đã nói lên ý ấy mạnh mẽ hơn nhiều. Anh Trí nói : giới cầm quyền và các nhà kinh doanh Hoa Kỳ không nên vì một vài lợi ích thiểu cận mà tăng uy tín, vỗ béo kẻ cầm quyền tham nhũng đang đàn áp các chiến sĩ dân chủ. Anh Hiệp góp ý : chừng nào chính quyền độc đảng không



Bùi Tín

có những bước đi dù ngần nhưng rõ ràng theo hướng dân chủ hiến trị thì mọi sự hào phóng dễ dãi của phía Mỹ đối với chính quyền ấy chỉ là sự khiêu khích đối với nhân dân Việt Nam, xúc phạm các chiến sĩ dân chủ. Tôi cũng thêm ý : lực lượng dân chủ trong nước đang được mở rộng với các trí thức trẻ - như Phạm Hồng Sơn vừa bị bắt chỉ vì truyền bá tài liệu về nền dân chủ Mỹ do Sứ quán Mỹ phổ biến ; họ là tương lai tất yếu của Việt Nam, là động lực thật sự cho sự hòa nhập Việt Nam vào thế giới dân chủ, là động lực của tình bạn Việt-Mỹ. Cuộc họp đặc biệt xúc động khi nhận được một bài viết ngắn của một chiến sĩ dân chủ gửi ra, rất thâm thúy, xúc tích, nêu rõ : sự "ổn định" mà chính quyền rêu rao chỉ là tưởng tượng ; nhóm lãnh đạo hiện nay là một nhóm "người lùn" so với những người họ thay thế, về thành tích, tư cách, trí tuệ, uy tín; họ cũng rất khốn khổ gánh lấy một gia tài lý thuyết, tinh thần đã phá sản tanh bành mà không sao trút bỏ vì đã trót sùng bái ! họ cũng chỉ là nạn nhân ; dân chủ sẽ toàn thắng ở Việt Nam vì Dân chủ là Thời Đại, Văn hóa, Văn minh... Được ném món "tự do", người dân đâm ra thèm, rồi nghiện "tự do".

4. Anh Nguyễn Minh Cần chớ quá lo rằng Mỹ sẽ đi đêm với nhóm độc đoán ở Hà Nội trên lưng các chiến sĩ dân chủ và nhân dân ta. Theo chúng tôi tìm hiểu, điều lo ấy nên áp dụng cho một vài nước Đông Nam Á... Họ chỉ vì lợi ích trước mắt, vốn là những nước không dân chủ, thị trường tiểu thương, tiểu chủ, giai cấp tiểu tư sản đông đảo, không có nhân quan chính trị, giao dịch theo tình hơn là theo lý, theo luật. Châu Âu, Hoa Kỳ, Canada, Úc... khác hẳn. Truyền thống dân chủ bắt rễ sâu, thành lối sống. Họ tối kỵ với hiện tượng độc đoán, hà hiếp, quan dạng, coi thường luật, xử án lèm nhèm, bịt mồm người bất đồng chính kiến... Cho nên các nhà đầu tư các nước này rất e ngại, thận trọng, trước hết vì lợi ích của họ, rồi mới đến vì tình cảm hay thái độ chính trị. Điều này giải thích vì sao nhiều nhà tư bản vào Việt Nam rồi lại rút ra, tìm thị trường khác, nhiều văn phòng của họ đóng cửa, chờ thời, mặc cho những lời hứa hay ho, những nụ cười, cả những quà cáp, đãi đằng.

Thế còn Ngân Hàng Thế Giới (WB), Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Châu Á (AB) ? Họ đều chịu ảnh hưởng của Mỹ, và cũng chỉ giúp cho Việt Nam qua chính quyền độc đoán hiện tại trong mức độ để nó khỏi sụp đổ trong hỗn loạn ; vì nếu điều này xảy ra thì cộng đồng quốc tế, trước hết là Mỹ, phương Tây phải ề cổ ra lãnh đủ ! Họ có quá hào phóng đối với chính quyền độc đoán không ?

Theo tôi thì không. Tất cả giúp chừng hai tỷ đô-la/năm, cho 80 triệu dân, 25 đô-la/đầu người ! Và vào các chương trình: xây cầu đường, nhà ở cho dân, nước cho đời sống, cải cách hành chính, tư nhân hóa doanh nghiệp quốc doanh, cải cách ngân hàng... Các việc sau cùng này có tác dụng thúc đẩy tự do hóa, dân chủ hóa. Tất nhiên nếu có những bước dân chủ hóa có ý nghĩa thì sự giúp đỡ, đầu tư sẽ tăng lên đáng kể. Cho đến khi, một chế độ dân chủ đa nguyên được thiết lập - có nghĩa là kết thúc chế độ độc đoán độc đảng, thì sự giúp đỡ và đầu tư sẽ tăng lên gấp rất nhiều lần; các bạn ở AEI ước tính có thể lên đến 50-60 tỷ trong 5 năm. Chỉ khi ấy Việt Nam mới có thể thực hiện những điều ghi trong nghị quyết của đảng cộng sản, những mục tiêu hấp dẫn mà đảng cộng sản không sao làm nổi ; như thu hẹp khoảng cách về thu nhập theo đầu người với các nước láng giềng, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế thật cao, hơn 10% năm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng xã hội văn minh, có nền khoa học, giáo dục, y tế tiên tiến, công nghiệp hóa, hiện đại hóa... (Tất cả, hiện tại, chỉ là ngoa ngôn, đại ngôn, là bánh vẽ có tính chất mỹ dân, lừa dối). Chỉ khi ấy bà con ở hải ngoại mới thỏa sức đưa tiền của, chất xám, tài năng sáng tạo - cực kỳ hùng hậu, không ước tính nổi - về tham gia xây dựng Tổ quốc. Tất nhiên khi ấy đảng cộng sản vẫn có thể tồn tại, nhưng đã không còn là chính đảng duy nhất sau khi chịu chấp nhận một chế độ dân chủ đa nguyên, trong đó nó có thể ở địa vị ưu thế, hoặc là ở thế thiếu số, tùy theo lá phiếu của cử tri trong một cuộc phổ thông đầu phiếu hoàn toàn tự do, có quan sát quốc tế. Đảng cộng sản mất gì ? được gì ? Nó chỉ mất bản chất độc đoán, bệnh tham nhũng, những ảo tưởng viển vông, bộ mặt không đẹp trước nhân dân, thế giới.

5. Thế còn đòi hỏi bỏ "điều 4 Hiến pháp" và "Nghị định 31/CP" ? Chúng tôi bị họ cho ăn cháo lú chẳng ? Hay chúng tôi ngu lâu để không hiểu rằng đảng cộng sản Liên Xô tan vỡ chỉ vì cái nghị quyết xoá bỏ điều 6 của hiến pháp Liên bang xô viết ? Chính vì nhớ mà muốn tạm quên ! Các nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam rất sợ cái gương tày liếp của Liên Xô ; họ lại rất sĩ diện. Điều 4 là cái phao cho họ khỏi chết chìm. Nên họ bám chặt. Do đó ta cứ cho họ bám, nhưng tìm cách đâm thủng phao bằng vài chiếc kim nhỏ, phao sẽ xẹp dần, họ vẫn có thể chìm trong khi ôm phao.

Có những việc họ cho vào nghị quyết của họ, họ công bố với nhân dân và thế giới, họ buộc lòng phải thực hiện cho dù nhỏ giọt : bầu cử tự do hơn trước, có công dân tự do ra ứng cử ; tự do báo chí nơi lỏng hơn trước (báo chí tố cáo vụ Năm Cam, vạch rõ tội của Bùi Quốc Huy, Phạm Sỹ Chiến, Trần Mai Hạnh...) ; cho công dân ra nước ngoài rộng rãi hơn trước ; cho học sinh, sinh viên đi học tự túc ở các nước ngày càng nhiều (năm nay số sang Pháp học vọt lên đến hơn hai ngàn) ; xử án có luật sư biện hộ, nay còn cho luật sư nước ngoài vào biện hộ cho các vụ án kinh tế ; công an nhìn chung không còn tùy tiện cất điện thoại như trước ; cái xã hội dân sự đang lớn dần với khẩu hiệu "dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra" do họ đề ra ; nỗi sợ cường quyền giảm đi trông thấy, để người dân chỉ mặt Đổ Mười trên tivi : tên này ăn bản của tư bản Đại Hàn hơn một

triệu đô-la, chỉ Lê Đức Anh : tên này là cai đồn điền cao su chui vào đảng bằng cửa sau ; để mới đây nhà thơ Hữu Loan oang oang trả lời phỏng vấn từ nước ngoài : cái đảng cộng sản mà còn lãnh đạo thì xã hội còn là rối bết, thẳng nào cũng lừa đảo, ăn bản, trèo đầu cưỡi cổ người dân... Để thấy rằng dù có ôm chặt "điều 4", cái vị trí, uy tín, trọng lượng, quyền uy của đảng cộng sản cứ sút giảm từng ngày; cái phao đang bị thủng !

Anh Nguyễn Minh Cần nói rất đúng rằng trong hàng ngũ lãnh đạo đảng cộng sản không có phe bảo thủ với phe cấp tiến ; từ năm 1996, nhân Đại hội 8 đảng cộng sản, tôi đã nói rõ hơn rằng bộ chính trị chỉ gồm toàn những người bảo thủ, giáo điều, có khác chăng là mức độ bảo thủ giáo điều ở mỗi người ; sẽ là sai lầm nếu không thấy mức độ khác nhau trong sự phân hóa ấy. Chính từ đó mà xuất hiện Trần Xuân Bách, chủ trương đa nguyên (nhưng vẫn độc đảng !), như Nguyễn Cơ Thạch chủ trương giữ quan hệ cân bằng giữa Trung Quốc và phương Tây, bị nhóm lãnh đạo cho là nguy hiểm, để loại ngay ra khỏi bộ chính trị. Hoặc như khi sắp ký với Mỹ bản thương ước thì Lê Đức Anh đột nhiên bàn với Đỗ Mười lệnh cho thủ tướng Phan Văn Khải không ký vội, để rồi sau đó vẫn cứ phải ký ; sự do dự, thò ra thụt vào, cân nhắc đắn đo vì lợi thu được rất lớn, cực lớn, mà nguy cơ cũng ghê gớm, chết người, có thể dẫn đến chết chế độ như chơi. Họ không có sự lựa chọn.

6. Gắn bó, liên minh với ai ? Trong thời "toàn cầu hóa", không ai có thể đứng riêng, một mình, theo kiểu tự lực cánh sinh, có vẻ "yêng hùng nhất khoảnh". Việt Nam theo chúng tôi chỉ có một sự lựa chọn : liên minh, như hiện nay, với Trung Quốc (và các nước cộng sản Cu-ba, Bắc Triều Tiên, Lào) do cùng hội cùng thuyền, chung học thuyết, chung bản chất độc đảng, lại là láng giềng cực lớn; hoặc là với các nước dân chủ phương Tây do Hoa Kỳ đứng đầu. Đi theo ông anh Bắc Kinh, chính trị có thể mặn mà, nhưng về mọi mặt, nhất là về kinh tế thì lỗ to, lỗ đơn lỗ kép. Mất đất, mất vùng biển, mất vô vàn tài nguyên, mất chủ quyền, hàng lậu ngang nhiên tràn vào như sóng thần (lời báo trong nước) ; thuốc phiện, ma túy, buôn trẻ em, buôn phụ nữ... bất trị. Thiệt đơn thiệt kép. Trung Quốc khổng lồ, nhưng khó khăn cũng khổng lồ; một loạt "quả bom" nổ chậm đe dọa : phản kháng của 40 triệu tín đồ Pháp luân công âm ỷ, nạn thất nghiệp lan nhanh đã lên gần 60 triệu; việc chiếm đóng, rồi Hán hóa Tây Tạng, tiêu diệt văn hóa và tôn giáo ở đây là vết chàm lịch sử bị cả thế giới lên án; cách biệt giàu nghèo thành thị với nông thôn, vùng ven biển với vùng nội địa không ngừng mở rộng; nạn tham nhũng bất trị ; sự thức tỉnh về dân chủ mà vụ Thiên An Môn còn âm ỷ đang được tiếp sức bằng sức mạnh thần kỳ của Internet...

Phía kia là thế giới dân chủ tuy chưa toàn bích, chưa hoàn hảo nhưng ở vào một tầng văn hóa - chính trị cao hơn hẳn, đẹp hơn hẳn, mạnh hơn hẳn, vững hơn hẳn Trung Quốc và đồng minh của Trung Quốc. Hoa Kỳ đứng đầu thế giới dân chủ nay, qua cơ quan chiến lược của họ, muốn ngỏ lời kết bạn thân thiết chân thành với Việt nam, do nhu cầu chiến lược của họ, và chiến lược ấy lại hoàn toàn ăn khớp

với quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân ta. Đề nghị tốt đẹp này, thông điệp đầy thiện chí này là trước hết gửi cho toàn dân ta, người chủ của đất nước ; ngay tiếp theo là gửi đến các chiến sĩ dân chủ, tiêu biểu cho tương lai của Việt Nam ; vì đảng cộng sản đang cầm quyền, nên Hoa Kỳ cũng muốn thông tin rộng rãi cho đảng cộng sản, cho chính phủ, cho quốc hội Việt Nam biết rằng có một gợi ý rất nghiêm chỉnh như thế, tùy họ tiếp nhận, nghiên cứu, tỏ thái độ.

Các nhà học giả Mỹ trong và ngoài AEI cho rằng nếu có ai nói đây là một văn kiện để tuyên truyền, ít có triển vọng thi hành trong thời gian gần, thì có thể là không sai. Tuyên truyền một đề nghị chân thành thì có gì là sai, là vô ích ? Việc gì mới mẻ chẳng khởi đầu bằng thông tin, tuyên truyền ! Nó có tác dụng khơi động mọi người quan tâm đến hiện tình Việt Nam, suy nghĩ về những khả năng, những bước đi, những lựa chọn có thể có để so sánh, tìm tòi tìm ra một phương án tối ưu.

Một số nhà báo Mỹ cho rằng không có gì chia rẽ người Việt Nam bằng thái độ đối với nước Mỹ nói chung, chưa nói đến sự phân biệt cần thiết tôi đã nói khi mở đầu bài này (nhân dân, chính quyền, quân đội, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà tư bản, lái súng, tài phiệt, mafia...). Không ít người cho Mỹ đồng nghĩa với tội ác, đế quốc, nợ máu, ma quỷ, tham vọng, tráo trở, vô trách nhiệm, không thể tin được; một số khác thì ngược lại, đọc nhiều sách báo Mỹ, thường xem tivi Mỹ, nói chuyện với người Mỹ, có bạn trẻ còn kết bạn thân với nam nữ thanh niên Mỹ qua internet, thư từ, có một số có dịp thăm Mỹ, hoặc đi học, đi du lịch ở Mỹ về... có quan điểm khác hẳn. Có một nước Mỹ khác hẳn với nước Mỹ mà bộ máy tuyên truyền Hà Nội thường vẽ nên, theo định hướng của cái Ban tư tưởng và văn hóa kỳ dị - vô văn hóa nhất và tư tưởng xảo trá nhất ! Mỹ vẫn là thù, nó vẫn là nguồn gốc của "diễn biến hòa bình". Chồng Mỹ, ủng hộ Iraq của Saddam Hussein đang là thái độ chính thức của nhà nước Việt Nam. Vậy thì phải đánh giá ra sao gần chục nghìn thanh niên thủ đô Hà Nội nửa đêm đổ ra đường vây chào khá là nồng nhiệt tổng thống Clinton, trong đó không ít cô cậu đi mô-tô xịn, là con ông cháu cha mới giàu lên ; đâu phải chỉ là tò mò ? Và làm sao không hiểu được kết quả cuộc trưng cầu ý kiến thanh niên trên báo *Tuổi Trẻ*, các thanh niên cộng sản Hồ chí Minh lại sùng bái Bill Gate và Clinton như thần tượng riêng của mình !

Các bạn Mỹ cho biết nhiều cán bộ cấp cao ở các bộ ngoại giao, thương mại, khoa học-môi trường, công nghiệp, các giáo sư đại học, có cả các vị nguyên là ủy viên bộ chính trị, hay hiện là ủy viên trung ương đảng, là đại biểu Quốc hội, là lãnh đạo các tỉnh, thành (tôi không tiện kể tên một danh sách dài...) ca ngợi nước Mỹ đến "hết lời", đã gửi hoặc còn muốn gửi con, cháu sang Mỹ học. Vậy thì họ có còn nghe theo đảng coi Mỹ là xấu xa vẫn là "thù" để cảnh giác hay không ? Thái độ này qua thời mở cửa, thông tin tràn ngập, lan rất nhanh thu hút mọi con người có xét đoán lành mạnh, trung thực với chính mình, cả trong giới có quyền lực, có lẽ chỉ trừ nhóm cực đoan, sơ cứng bệnh hoạn là 15 "người lùn" trong bộ chính trị. Chính đó là lý do cần nói về việc tìm bạn tốt mà kết thân, bạn xấu mà cảnh giác.

Như đối với cá nhân từng người vậy. Bạn tốt hay xấu có khi có tác dụng quyết định đến thành bại cả đời người.

7. Riêng về các bước đi của "Lộ trình", thật ra các bạn Việt Nam dự hội nghị chưa thật đồng tình ; không nên hiểu đây là mặc cả, trả giá, mua bán ; cũng không thể coi là tặng thưởng... Nên coi là sự đáp ứng, sự hoan nghênh của phía Mỹ đối với mỗi bước đi tích cực.

Ý kiến không có đảng viên trong quân đội chỉ nên ghi là : "quân đội không là công cụ của một đảng, mà là của cả Quốc gia, phục vụ Quốc gia". Hoặc thực hiện đúng theo Hiến pháp về quyền tự do, "cho phép một hay vài tư nhân ra báo theo luật báo chí sẽ được sửa đổi theo tinh thần của Hiến pháp". Và: "tổ chức bầu cử Quốc hội và các Hội đồng nhân dân có quan sát quốc tế và được các nhà quan sát quốc tế công nhận là có tính chất dân chủ"...

Những người dự thảo "Lộ trình" rất mong được góp ý rộng rãi. Dự thảo chỉ mang tính chất phác thảo, gợi ý đầu tiên, đề xuất rất sơ bộ. Nói uyển chuyển là thế. Các bạn Mỹ am hiểu Việt Nam lưu ý : một số "tư bản đỏ", "con ông cháu cha", "triệu phú đô-la mới sẽ có thể cạnh tranh với lực lượng dân chủ lành mạnh, nhằm "thay mà không đổi chế độ", đề ra một kiểu "dân chủ giả cầy" sô-vanh, dựa vào các thế lực tham nhũng + mafia ở vài nước châu Á và tàn dư mafia Nga. Các lực lượng dân chủ quốc tế, các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế và cả an ninh quốc tế sẵn sàng tiếp sức Việt Nam nếu điều ấy xảy ra, như ở Nga và một số nước đông Âu. Ta sẽ có dịp bàn sâu hơn vấn đề này.

8. "Việc ta, ta cứ làm !", rất hay ! Anh Nguyễn Minh Cần ạ, tôi đề nghị thêm một chữ thôi "Việc CHÚNG ta, CHÚNG ta cứ làm !". Bởi vì thế giới đã bước vào thời kỳ "toàn cầu hóa". Thế giới nhỏ lại. Như một ngôi làng. Chúng ta cần theo hướng này, đi đến gần bó ruột thịt với thế giới dân chủ. Hãy coi mỗi con người dân chủ là bạn, bạn đường, bạn thân của ta, chí hữu của ta. Đảng cộng sản độc đoán độc đảng tự đặt nước ta vào thế chư hầu của Liên Xô, rồi của Bắc Kinh, đối lập với thế giới dân chủ. Nay cần đổi hướng. Lực và thế ta khác hẳn. Chẳng ai dám bắt nạt ta ; ta vẫn đang hoàng chung sống hòa bình với Trung Quốc. Ta không xin xỏ, quy lụy ai. Thế mới, vững chãi, kết bạn chí thiết với thế giới dân chủ là do thế tốt đẹp của ta: số dân, vị trí, tài nguyên, lao động sáng tạo, văn hóa, lịch sử, và chính sách đối ngoại đúng. Tất cả là tài sản quý, là gia tài quý của Việt Nam ta.

Việc ta, ta cứ làm ! Hay lắm ; nhưng tôi e nó gợi lại cái âm hưởng "tự lực cánh sinh" ảm ớ, vớ vẩn, đầy tính chất sô-vanh hẹp hòi của thời nào ! ; dẫn đến "ta đây, một mình trực tiếp đánh bại tên đế quốc đầu xỏ", "ta đây đỉnh cao của trí tuệ nhân loại".

Việc thành lập Tòa án Quốc tế, việc nước Anh bắt giữ Pinochet, việc Milosevich bị xử ở La Haye, việc tòa án ở Mỹ nhận đơn kiện Giang Trạch Dân, Lý Bằng của thanh niên gốc Trung Quốc về tội tàn sát thành viên Pháp Luân Công cũng như ở Thiên An Môn... cho thấy một ý thức chung : là công dân của thế giới dân chủ văn minh đang nảy nở rất nhanh.

Cần làm cho cuộc đấu tranh giành lại quyền tự do



CHÍNH TRỊ VÀ ĐẠO ĐỨC

Trong số báo *Ngày Nay* (Houston, Hoa Kỳ) ra ngày 15 tháng 8 vừa qua, ông Phan Lạc Phúc trong mục Tạp ghi có kể lại những hoạt động chính trị của ông Stephan Young liên quan đến Việt Nam. Để kết luận ông Phúc có trích dẫn một câu châm ngôn Pháp nói rằng (dịch ra tiếng Việt) : "trong chính trị không có vấn đề đạo đức".

Nếu ông Phúc dùng câu đó để chỉ trích ông Young và chính sách của chính phủ Mỹ chỉ biết có quyền lợi của nước mình mà quên đạo đức luân lý thì đó chỉ là một nhận định cá nhân. Nhận định đó có thể đúng, mà cũng có thể sai, hoặc đúng hay sai một phần.

Nhưng nếu ông Phúc, và nếu có nhiều nhà chính trị Việt Nam cho rằng đó là một phương châm nên theo trong lúc hoạt động chính trị thì thật là một bất hạnh lớn cho dân tộc và quốc gia Việt Nam lắm.

Từ ngàn xưa nhiều lý thuyết gia đã biết rằng chính trị phải đi đôi với đạo đức thì xã hội mới được thái bình. Trả lời câu hỏi của một vua chư hầu làm thế nào cho nước có lợi, Mạnh tử đã đáp rằng : "Nhà vua nên nghĩ đến nghĩa, chứ không nên nghĩ đến lợi. Vì khi nghĩ đến lợi thì vua chư hầu sẽ giết Thiên tử, quan ăn lương một vạn học sẽ giết vua, quan ăn lương một ngàn học sẽ giết quan ăn lương một vạn học, và sự giết chóc vì lợi lộc đó sẽ kéo dài mãi". Lịch sử Trung Hoa với những chuỗi chiến tranh triền miên chỉ vì các vua chúa tranh giành quyền lợi đã chứng minh câu nói đó là đúng. Rồi ở Việt Nam, chẳng vì quyền lợi mà Trịnh Nguyễn đánh nhau tới bời trong mấy trăm năm làm điêu đứng cả nước đó ư ?

Gần đây hơn nữa, sau thế chiến thứ nhất, các nước thắng trận ở Âu châu, vì quyền lợi và thù oán, đã ép nước Đức phải ký một hiệp ước hết sức thiệt thòi cho mình làm cho Hitler có cơ hội lợi dụng sự uất ức của người Đức, lên nắm chính quyền rồi gây ra thế chiến thứ hai làm chết hàng chục triệu người và làm tan hoang cả vùng ấy. Cũng vì để giữ quyền lợi của nhóm tài phiệt nước mình mà Pháp đã kéo dài cuộc chiến ở Đông Dương khiến bao nhiêu thanh niên Pháp phải bỏ mình và gây bao nhiêu tang tóc cho ba nước. Rồi cũng vì


không nghĩ đến đạo đức khi làm chính trị nên Stalin đã thủ tiêu tất cả các bạn nối khố của mình và cho thi hành những chính sách khủng bố giết hại hàng chục triệu người (có người nói con số bị giết lên đến hơn ba mươi triệu). Nhiều người Trung Hoa cho biết Mao Trạch Đông còn tàn ác hơn nhiều. Họ nói các chương trình cải cách điền địa, đấu tố, cách mạng văn hóa của họ Mao đã giết chết quãng 60 triệu dân. Đó, hậu quả của việc bỏ đạo đức ra ngoài chính trị là như vậy đó.

Hiểu theo nghĩa rộng thì chính trị là những phương pháp hoạt động để dung hòa quyền lợi, giải quyết những mâu thuẫn giữa các nhóm người với nhau, và tìm những phương pháp để mưu lợi ích chung. Vì vậy, ngoài chính trị giữa các quốc gia với nhau trên trường quốc tế, trong nước ta có chính trị giữa các đảng phái, các giai cấp, các xu hướng v.v. Vì có nhiều người cho câu châm ngôn Pháp là đúng nên ngoài chiến tranh giữa các quốc gia, trong nhiều nước các đảng phái, các giai cấp, các nhóm có xu hướng khác nhau cũng thù hận nhau, chém giết nhau tới bời. Thậm chí thời quân chủ việc con giết cha, anh em giết nhau để dành ngôi báu không phải là hiếm.

Mặt khác, nếu những người làm chính trị có quyền bỏ ngoài đạo đức, thì những giới khác cũng có quyền làm như vậy. Mà thật sự trong thương trường cũng đã có người nói : "buôn bán không thể nói đến đạo đức". Dựa trên phương châm ấy người ta tha hồ buôn một bán mười, chèn ép giá cả, treo đầu heo bán thịt chó, bỏ chất độc giết người vào thực phẩm để giữ cho tươi, buôn bán ma tuý đầu độc bao thế hệ thanh niên. Riết một hồi rồi đạo đức không còn chỗ đứng trong đời sống con người nữa. Khi ấy chúng ta sẽ còn kém hơn cầm thú. Mà việc này đã xảy ra rồi. Cứ nhớ lại những cuộc diệt chủng dân Do Thái thời Đức Quốc Xã, những cuộc tàn sát đẫm máu vừa rồi ở Đông Timor và Kosovo thì đủ thấy tính chất tàn ác của chủ thuyết : "làm chính trị không kể đến đạo đức".

Nói tóm lại, không ai có quyền đứng trên đạo đức vì mình đang làm chính trị, cũng như không ai có quyền đứng trên luật pháp vì mình đang lãnh đạo quốc gia. Những người đó không phải là ân nhân của quốc gia họ, lại càng không phải là ân nhân của nhân loại. Họ không đem lại hòa bình, thịnh vượng cho ai hết, mà chỉ gây tang tóc và tai họa cho nhân quần mà thôi.

Nguyễn Văn Mừng
(Champaign, Hoa Kỳ)

 dân chủ là công việc thiết thân của mỗi người Việt Nam yêu nước mình, thương dân mình. Đồng thời cần làm cho mỗi người có tinh thần dân chủ khắp nơi coi đó cũng là việc của mình, của CHÚNG TA.

Tôi đã sang Mỹ 12 lần, thăm 8 trường đại học lớn nhất, kết bạn thân với biết bao nhà báo Mỹ, dự hơn 10 cuộc họp lớn nhỏ về chiến tranh Việt Nam, về quan hệ Việt Mỹ... để đình ninh rằng ta có vô vàn bạn bè dân chủ đáng tin cậy trên quê hương của Washington, Lincoln, Luther King. Nước Mỹ rất trẻ, không hề có phong kiến, vua quan, sớm có dân chủ từ khi lập quốc. Họ có dân chủ trong máu. Đây là một đề tài lý thú, nhưng tôi đã lan man ngoài đề mất rồi !

Còn nhiều điều đáng nói. Xin để dịp khác. Sau khi tôi trình bày, nếu anh Nguyễn Minh Cần vẫn còn "phẫn nộ với một người đấu tranh cho dân chủ bị lầm lạc", thì tôi xin chịu tội với anh thôi. Tuổi tôi hơi bị cao, lại vừa qua một cơn đau thập tử nhất sinh, có thể cuối đời sinh ra lắm cảm, xin anh lượng thứ.

Bài Tin (Paris, 10-2002)

Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt-Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung. (trích Thành Công Thế Kỷ 21, phần Tóm lược, trong 142).

Thời kỳ xác định bản thể

Nguyễn Văn Huy

Vương quốc Chiêm Thành (Champa) cổ cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn đối với người Việt Nam. Vương quốc này ở đâu, xuất hiện từ thời nào, phát triển ra sao và tại sao biến mất? Không sử sách Việt Nam nào nhắc đến. Đọc lại sử xưa, những nhân vật lịch sử Chiêm Thành, với những tên phiên âm Hán hóa, thường được nhắc tới một cách mơ hồ, đôi khi với những lời lẽ xúc phạm, từ đó sinh ra hiểu lầm rồi hiểu sai dẫn đến tâm lý phân biệt đối xử hay khinh thường, không thông cảm lẫn nhau.

Đây là thiếu sót lớn trong quan hệ giữa người Việt và người Việt với nhau. Tình trạng này cần sớm chấm dứt vì cộng đồng người Chăm ngày nay là thành tố bất khả phân của dân tộc Việt Nam. Quá khứ của người Chăm cũng là quá khứ chung của người Việt Nam. Tìm hiểu lịch sử vương quốc Chiêm Thành xưa, chính vì thế, không những là một bắt buộc lịch sử mà còn là một biểu lộ tình cảm để hàn gắn những tai họa mà cộng đồng người Việt Nam nói chung đã gây ra cho những dân tộc anh em trước khi cùng nhau bắt tay xây dựng lại một đất nước chung.

Quan niệm về đất đai, lãnh thổ và tổ chức chính trị

Trước khi đi sâu vào phần tìm hiểu lịch sử vương quốc Chiêm Thành xưa, tưởng cũng nên duyệt lại một số quan niệm về đất đai và lãnh thổ của người Kinh và người Chăm. Nắm vững yếu tố này, chúng ta sẽ dễ dàng theo dõi những chuyển biến lịch sử tiếp theo và kết quả tất yếu của nó. Khuyết điểm của những nhà viết sử hay nghiên cứu dân tộc học là thường dựa trên những quan điểm văn hóa và tình cảm của mình để phê phán các dân tộc khác, hiểu lầm và ngộ nhận là không tránh khỏi.

Đất đai và lãnh thổ tuy là những giá trị cụ thể nhưng quan điểm của người Kinh và người Chăm rất khác nhau. Đối với người Kinh, đất đai và lãnh thổ vừa là một giá trị vật chất vừa là một biểu tượng tình cảm, trong khi đối với người Chăm đó là một giá trị tâm linh và là một biểu tượng thần quyền.

Qua những đợt di dân liên tục từ hơn một ngàn năm qua, lãnh thổ của người Kinh không ngừng mở rộng theo thời gian và cộng đồng người Kinh ngày nay đã có mặt tại khắp nơi trên thế giới. Người Kinh tuy rất quý đất đai nhưng đó chỉ là một tài sản cần phải bảo vệ, một kỷ niệm cần phải giữ gìn. Rất ít ai chịu giam mình nơi chôn nhau cắt rốn nếu điều kiện sinh sống nơi đó khó khăn. Nơi nào có thể an cư lạc nghiệp được, nơi đó trở thành quê hương, nơi nào sinh sống khó khăn thì bỏ đi tìm nơi khác. Và khi ra đi, người Kinh mang theo cả bàn thờ tổ tiên, gia phả và tín ngưỡng đi theo, do đó không có vấn đề mất gốc hay mất cội nguồn.

Suy cho cùng, người Kinh vừa là một dân tộc du mục

vừa là một dân tộc phù sa, bởi vì, một mặt, lịch sử dân tộc Kinh là một lịch sử di dân thường trực và cuộc di dân này đến nay chưa chấm dứt, mặt khác, người Kinh chỉ gắn bó với những vùng đất thấp, đất đồng bằng cạnh những dòng sông hay trục lộ giao thông, ít ai chịu gắn bó đời mình với rừng núi hay biển cả bao la.

Trên phạm vi lớn hơn là lãnh thổ. Lãnh thổ bao gồm cả đất đai, bầu trời và vùng nước, có lằn ranh nhất định và thuộc chủ quyền một quốc gia. Đối với người Kinh, lãnh thổ là một phạm trù ảo, không cụ thể, cha chung không ai tiếc. Lãnh thổ rộng hẹp ra sao là vấn đề trách nhiệm của những người lãnh đạo quốc gia, không ảnh hưởng gì đến đời sống thường ngày của người dân.

Người Chăm thì ngược lại, đất đai là một vật thể thiêng liêng không thể sang nhượng và chối bỏ. Từ ngàn xưa cha ông đã ở đây thì con cháu đời sau phải ở đó, không ai tự quyền rời bỏ quê cha đất tổ định cư nơi khác. Rời bỏ quê cha đất tổ là từ bỏ dòng tộc, từ bỏ thần linh. Chính vì thế, trong suốt dòng lịch sử đương đầu với người Kinh, cộng đồng người Chăm chấp nhận mọi hy sinh và gian khổ để giữ đất và bám đất, cho dù quê hương không còn hay bị tước mất. Tất cả những lễ lạc trong triều chính và ngoài dân gian đều nhằm vinh danh các vị thần cai quản đất đai, vì đất là nguồn sống và cũng là nơi ngự trị của các vị thần bảo vệ đất, che chở gia đình và đồng tộc. Nếu vì một lý do nào đó ngoài ý muốn một người Chăm phải rời bỏ quê hương đi nơi khác lập nghiệp, sinh hoạt tâm linh của người đó luôn gắn liền với nơi sinh quán cũ, vì không ai được quyền mang bàn thờ tổ tiên và thần linh đi theo, con người lệ thuộc thần linh chứ không ngược lại. Hơn nữa nếu phải ly hương, người đó cũng không thể đi ra ngoài lãnh thổ đã được thần linh che chở, nghĩa là chỉ giới hạn trong vùng đất của đồng tộc mà thôi. Đó là lý do giải thích tại sao tại người Chăm không di cư ra khỏi địa bàn cư trú của họ và tại nhiều nơi, nhất là ở Bình Thuận, người Chăm định cư tại một làng cách xa nơi sinh quán cũ cả trăm cây số nhưng vẫn muốn lệ thuộc về hành chánh và nghi lễ tại làng cũ. Đạo Hồi khi du nhập vào đây cũng phải thích nghi với tâm lý tôn thờ thần linh của người Chăm để được chấp nhận và đã biến cải thành đạo Bani. Tất cả chỉ vì người phụ trách lễ nghi và sổ bạ hành chánh địa phương là các thầy Paseh, Tapah (nếu là giáo dân đạo Bà La Môn) và các thầy Char, Po Adhya, Po Bac (nếu là giáo dân đạo Bani). Đây là một khó khăn về quản trị hành chánh mà các chính quyền người Kinh không hiểu nổi và muốn xóa bỏ, nhiều tranh chấp đáng tiếc đã xảy ra.

Nhiều người sẽ hỏi dân số vương quốc Chiêm Thành xưa bây giờ ở đâu? Không lẽ đã bị tiêu diệt hết sao? Con số 100.000 người Chăm tại Bình Thuận và Châu Đốc có

phản ánh đúng sự thật không ?

Câu trả lời là không và dân chúng gốc Chăm vẫn còn nguyên vẹn. Người Chăm đồng bằng không đi đâu cả, họ đã ở lại trên lãnh thổ cũ tại miền Trung và với thời gian đã trở thành công dân Việt Nam một cách trọn vẹn. Có thể nói không một người Việt Nam nào sinh sống từ lâu đời tại miền Trung nào mà không mang ít nhiều dòng máu Champa trong người. Điều này cũng rất dễ khám phá, ít nhất là về hình dáng : da ngăm đen, vai ngang, mặt vuông, tóc dợn sóng, vòm mắt sâu, mắt bầu dục hai mí, mũi cao, môi đầy, miệng kín. Cũng không phải vô tình mà cách phát âm của người miền Trung khác hẳn phần còn lại của đất nước, với nhiều âm sắc thấp của người Champa. Đó là chưa kể những danh từ có nguồn gốc Champa. Cũng không phải tình cờ mà các điệu múa hát của người Chăm trở thành những điệu múa hát trong cung đình và ngoài dân gian thời Nguyễn. Nêu ra một vài trường hợp cụ thể trên chỉ để chứng minh một điều : dân cư vương quốc Champa cũ đã hội nhập hoàn toàn vào xã hội Việt Nam. Nhắc lại quá khứ của người Chăm cũng là nhắc lại quá khứ của cộng đồng người Việt tại miền Trung nói chung.

Về chính trị, vương quốc Champa được tổ chức theo định chế liên bang. Trước khi bị xóa tên, vương quốc Chiêm Thành là một kết hợp của nhiều tiểu vương quốc, từ đèo Ngang (Quảng Bình) đến mũi Kê Gà (Bình Thuận). Mỗi tiểu vương cai trị một lãnh thổ riêng, với một dân số nhất định, sinh hoạt độc lập với các tiểu vương khác và không can thiệp vào nội bộ của nhau. Một cách không chính xác, vương quốc Chiêm Thành cũ (Campapura) có ít nhất năm tiểu vương quốc : Indrapura (Bình Trị Thiên), Amaravati (Quảng Nam), Vijaya (Nghĩa Bình), Kauthara (Phú Khánh) và Panduranga (Bình Thuận). Có thể thêm tiểu vương quốc Aryaru (Phú Yên) là sáu, nhưng sự hiện diện của tiểu vương quốc này trong lịch sử Chiêm Thành không rõ ràng.

Trong mỗi tiểu vương quốc cũng có sự phân chia quyền hành giữa các lãnh chúa địa phương. Chính sách địa phương tản quyền này đã được triều đình Việt Nam công nhận năm 1471, khi thành Đồ Bàn, kinh đô vương quốc Chiêm Thành, vừa bị đánh chiếm : đất Quảng Nam được chia thành nhiều lãnh địa khác nhau và giao cho những lãnh chúa Champa địa phương cai quản. Vương quyền trung ương Chiêm Thành chỉ giữ vai trò thần quyền, gìn giữ sự thống nhất và sự vẹn toàn lãnh thổ mà thôi, những sinh hoạt khác đều do các tiểu vương quốc địa phương đảm nhiệm. Khi có nhu cầu hay gặp nguy biến, triều đình trung ương nhân danh thần linh bảo vệ vương quốc kêu gọi các tiểu vương địa phương đóng góp nhân tài, vật lực xây dựng đền đài, chuẩn bị chinh chiến hay triều cống các thế lực lớn mạnh hơn. Vị thần bảo vệ vương quốc Chiêm Thành được biết đến nhiều nhất là nữ thần Yan Po Nagar (Bà Mẹ Đất Nước hay Thiên Y Thánh Mẫu), đền thờ đặt tại Xóm Bóng, Nha Trang.

Về biên giới, lần ranh phân chia giữa các tiểu vương quốc và vương quốc Chiêm Thành cũ với các thế lực chính trị đương thời là một biên giới thần quyền, không ai được

quyền vượt qua và cũng không ai có quyền xâm phạm. Vương triều Chiêm Thành không có tham vọng đất đai, họ chỉ tập trung phát triển và bảo vệ những đất đai thuộc quyền sở hữu mà thôi. Những chuyển biến lịch sử sau đây chứng minh điều đó.

Tượng Lâm : địa bàn xác định bản thể

Rất khó xác định mốc thời gian để biết vương quốc cổ Chiêm Thành đã được hình thành từ hồi nào. Phần lớn những nhà khảo cổ và sử học đều đồng ý là vương quốc này xuất hiện vào đầu công nguyên, tức là thời gian người Chăm bắt đầu có chữ viết, chữ Phạn cổ. Nói như vậy không có nghĩa là trước đó người Chăm không có lãnh thổ, không có tổ chức chính quyền và không có lịch sử riêng. Bản thể Chiêm Thành có trước danh xưng. Tổ chức chính quyền của họ có thể đã thành hình cùng lúc với sự xuất hiện của các Lạc hầu, Lạc tướng trên địa bàn lưu vực sông Hồng và sông Mã của nước Văn Lang, thời Hùng Vương.

Những tài liệu có dấu vết thời gian rõ ràng (sử liệu cổ Trung Hoa và các bia ký) ghi nhận vương quốc cổ Chiêm Thành chính thức xuất hiện của vào khoảng thế kỷ thứ 2, năm 192 khi quốc gia Lâm Ấp ra đời. Thật ra vương quốc này trước đó có rất nhiều tên : Hồ Tôn Tinh, Tượng Lâm. Sau này được đồng hóa với các tên Lâm Ấp, Hoàn Vương Quốc, Chiêm Thành (Campapura), Phan Rang (Panduranga), cuối cùng là trấn Thuận Thành (Pradara). Những tên gốc Phạn vừa kể đều do người Trung Hoa hay người Việt đặt ra, dựa theo cách phát âm của người địa phương mà gọi.

Về nước Hồ Tôn Tinh, sách *Lĩnh Nam Chích Quái* viết: "*Xưa kia bên ngoài lãnh thổ Âu Lạc có một vương quốc mang tên Diệu Nghiêm [có thể là Phù Nam]. Vị vua của vương quốc này có tên là Trạng Minh, hiệu Quỷ Vương [Dasanana] có mười đầu. Phía bắc vương quốc này có một vương quốc khác tên Hồ Tôn Tinh [quốc gia của người khỉ] do vua Dasaratha cai trị. Hoàng tử Chung Tư [Rama], người kế vị vua Dasaratha, có một người vợ là công chúa Bạch Tinh [Sita]. Công chúa Bạch Tinh có một sắc đẹp tuyệt trần không giống người phàm. Quỷ Vương, mê hồn trước sắc đẹp của Bạch Tinh, mang binh sang đánh nước Hồ Tôn Tinh cướp công chúa về nước. Hoàng tử Chung Tư, quá căm giận, dẫn đầu một đoàn hầu binh xẻ núi băng biển tiến vào vương quốc Diệu Nghiêm, giết Quỷ Vương, đưa công chúa Bạch Tinh về".*

Theo nhận xét của học giả Huber (*La Légende du Ramayana en Annam, Etudes indochinoises*), Hồ Tôn Tinh có thể là vương quốc Champa cổ. Những quốc gia chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ thời đó đều có sự tích giống nhau, tại Indonésia trong các đền thờ Bà La Môn lớn đều khắc chuyện thần thoại này trên tường đá. Chuyện Quỷ Vương có mười đầu chỉ là cách mô tả thô thiển ngại vàng của các vị vua trong thần thoại Ấn Độ và Phù Nam thường có hình con rắn hổ mang [naja] mười đầu.

Về đất Tượng Lâm, các sử liệu Trung Hoa xác quyết đó là phần đất ở vùng cực nam quận Nhật Nam xưa kia, trực thuộc quyền quản trị hành chánh của Giao Châu thời

Bắc thuộc, ngày nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định (có tài liệu ghi đến cửa Đại Lãnh, Phú Yên). Những nhà khảo cổ phương Tây cho rằng Tượng Lâm có thể là phần đất chạy dọc theo bờ biển, từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân, nằm trong lãnh thổ các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, gọi chung là Thanh Nghệ Tĩnh và Bình Trị Thiên. Một số học giả người Chăm xác nhận lãnh thổ Tượng Lâm bao gồm : Indrapura (Bình Trị Thiên), Amavarati (Quảng Nam) và Vijaya (Nghĩa Bình), sau này gọi chung là Bắc Chiêm Thành.

Như vậy, về văn hóa, Tượng Lâm là nơi tập cư của nhiều nhóm người xuất thân từ nhiều nền văn hóa khác nhau, một sự pha trộn văn hóa tự nhiên giữa các giống người vào thời hoang sơ. Đầu tiên là sự pha trộn văn hóa giữa các nhóm Indonésien di cư (văn hóa Indus) và cổ Mã Lai (văn hóa Sa Huỳnh), kế là với nhóm Việt tộc sơ sử (văn hóa Đông Sơn), sau có thêm người Hán (văn hóa Khổng Mạnh) từ phương bắc di cư xuống và người Môn Khmer (văn hóa Óc Eo-Phù Nam) từ tây-nam đi lên. Cuối cùng là những nhóm Malayo-Polynésien (văn hóa Mã Lai - Đa Đảo hay Nam Đảo) từ biển cả tràn vào hồi đầu công nguyên. Nhóm sau cùng, hùng mạnh hơn, đã thu phục hay đồng hóa những nhóm có trước, để chỉ còn yếu tố Nam Đảo độc tôn, và thiết đặt quyền cai trị lâu dài (thế kỷ 1 trước và sau công nguyên). Một số cư dân bản địa, không chấp nhận hay không chịu nổi sự cai trị của nhóm di dân mới tới, đã di tản lên vùng rừng núi sinh sống và trở thành những nhóm sắc tộc thiểu số ngày nay, nhưng không vì vậy mà quan hệ giữa đồng bằng và miền núi bị cắt đứt, dân cư hai vùng đã nương tựa nhau để tồn tại cho đến ngày nay.

Sang thế kỷ thứ 2, một số thương nhân Ấn Độ đến vùng đất này buôn bán và luôn tiện phổ biến nền văn minh và văn hóa mà họ thừa hưởng cho thành phần cầm quyền địa phương và một số cơ chế tổ chức quốc gia đã được thành hình từ miền Nam lên miền Bắc. Một tấm bia đá tìm được ở làng Võ Cảnh (Nha Trang) cho biết vị vương cai trị vùng đất phía nam vào thế kỷ thứ 2 tên là Sri Mara, không có phần kế tiếp. Nhiều học giả cho rằng vị vương đó là Khu Liên, người thành lập vương quốc Lâm Ấp ở phía bắc, là sai. Sri Mara chỉ là một tiểu vương Champa ở phía nam, trong khi Khu Liên là một tiểu vương khác ở phía bắc.

Do nằm cạnh lãnh thổ với Trung Quốc, sự hình thành vương quốc Champa phía bắc được biết đến nhiều nhất bởi các nguồn sử liệu Trung Hoa để lại và cũng nhờ đó người ta biết thêm quan hệ giữa người Việt (các Lạc hầu và Lạc tướng) và người Chăm trong thời Bắc thuộc đã rất gần bó.

Cũng nên biết đất Giao Châu, tức nước Văn Lang cũ là thuộc địa của nhà Đông Hán (-202 đến + 220) từ năm 111 trước công nguyên. Sau khi diệt xong nhà Triệu (Triệu Đà), Hán Vũ Đế chia đất Âu Lạc (Văn Lang cũ) ra làm ba quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Theo *Tiền Hán thư*, quận Giao Chỉ có 92.440 hộ gồm 746.237 dân, quận Cửu Chân có 35.743 hộ gồm 166.013 dân và quận Nhật Nam có 15.460 hộ gồm 69.485 dân. Quận Nhật Nam có năm huyện : Tây Quyển (Hà Tĩnh), Tỹ Cảnh hay Ty Ảnh (Quảng Bình), Châu Ngô (Quảng Trị), Lô Dung

(Thừa Thiên) và Tượng Lâm (từ Quảng Nam trở xuống).

Không chấp nhận sự cai trị của người Hán, một số dân cư (các nhóm Lạc hầu, Lạc tướng) từ các quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam hoặc trốn lên các vùng rừng núi phía tây ẩn náu, hoặc chạy xuống các vùng cực nam (huyện Tượng Lâm) hợp lực với những nhóm dân cư bản địa chống lại quân Hán. Huyện Tượng Lâm trở thành địa bàn tranh chấp quyền lực giữa quan quân nhà Hán với các nhóm cư dân bản địa trong suốt thời kỳ Bắc thuộc. Trương Tôn, thái thú quận Cửu Chân (25-56 trước công nguyên), mô tả dân chúng huyện Tượng Lâm là "*những giống người còn man di, chỉ biết bắt cá và săn thú rừng, không biết cày cấy. Bọn người này rất bất trị, thường hay nổi lên chống lại thiên triều, đốt nhà, giết người, cướp của, rồi rút vào rừng sâu mỗi khi quân tiếp viện đến*".

Tại Giao Chỉ, năm 42, một Lạc tướng tên Thi Sách nổi lên chống lại sự cai trị hà khắc của quân Hán nhưng thất bại, ông bị quân đô hộ giết chết. Vợ là Trưng Trắc, cùng em là Trưng Nhị, tiếp nối cuộc kháng chiến chống lại nhà Hán. Hai Bà chiêu mộ nghĩa binh gốc Nam Đảo phía nam và Lạc Việt phía bắc, đánh đuổi quân đô hộ ra khỏi xứ sở. Binh lực của Hai Bà chiếm 65 thành trì trong các quận Nhật Nam, Cửu Chân và Giao Chỉ. Hán vương (Quang Vũ Đế) phải cử Phục Ba tướng quân Mã Viện mang đại quân sang đánh dẹp và chiếm lại những phần đất đã mất. Để xác nhận uy quyền của nhà Hán, Mã Viện cho dựng cột đồng khắc sáu chữ : "*Trụ đồng chiết, Giao Chỉ diệt*" [Trụ đồng ngã xuống, Giao Chỉ không còn]. Thông điệp này thật ra là một lời nhấn nhủ cho các quan quân địa phương : muốn giữ yên đất Giao Chỉ phải ngăn chặn phiến quân từ phía nam tràn lên, nếu không đất Giao Chỉ sẽ mất. Quan quân địa phương ở đây phải hiểu là quan quân nhà Hán và quan quân Lạc Việt hợp tác với nhà Hán cai trị đất Giao Chỉ (gọi chung là người Kinh, tức người định cư trên đồng bằng).

Lệnh của Phục Ba tướng quân Mã Viện có lẽ đã được đông đảo dân chúng địa phương nghe theo nên, theo truyền thuyết, khi đi ngang trụ đồng để nó luôn được đứng vững. Sự kiện này giải thích sự qua lại ở khu vực biên giới phía nam quận Giao Chỉ của các thương nhân phía bắc rất là tấp nập. Lâu dần trụ đồng bị lấp, ngày nay không còn dấu vết do đó không biết ở đâu. Cũng có thể Mã Viện, sau khi diệt hai Bà Trưng, đã thi hành một chính sách cai trị mềm dẻo hơn để lấy lòng dân chúng địa phương, vì không có sử sách nào nhắc đến những cuộc bạo động của người phương Nam chống lại thiên triều trong suốt hơn 50 năm sau đó.

Trụ đồng này là mốc ranh giới đầu tiên giữa nhà Hán và dân cư gốc Nam Đảo. Sự kiện này chứng minh các nhóm dân cư gốc Kinh theo nhà Hán sinh sống trên phần đất phía nam quận Nhật Nam rất sợ những cuộc tiến công của người Nam Đảo phía dưới. Về địa điểm của trụ đồng, sử cổ Trung Hoa (*Hậu Hán Thư* và *Thủy Kinh chú*) ghi chép rằng nó nằm ở phần lãnh thổ cực nam của nhà Hán (quận Nhật Nam) ở huyện Cửu Phong (còn gọi là Cự Phong, tỉnh Quảng Trị ngày nay). Những nguồn sử khác (*Tấn thư, nam Tề thư* và *Lương thư*) cũng xác nhận trụ đồng được dựng lên

ở phía nam huyện Tượng Lâm (phía bắc Thừa Thiên). Có sách (*Tân Đường thư*) ghi trụ đồng được dựng lên ở phía nam Quảng Châu.

Dấu ngoặc về hai Bà Trưng

Nguồn gốc của hai Bà Trưng cũng cần được nghiên cứu lại, vì trong thời kỳ này đất Giao Chỉ chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa. Sau gần hai thế kỷ bị đô hộ (từ -111 đến +42) chế độ mẫu hệ của người Lạc Việt bị chế độ phụ hệ do người Hán mang tới lấn át, mất dần ảnh hưởng rồi biến mất trong xã hội thượng lưu và giới quý tộc. Người phụ nữ bản địa tuy mất đi vai trò lãnh đạo xã hội, nhường chỗ cho phái nam, nhưng uy quyền của họ vẫn được tôn trọng trong phạm vi gia tộc và gia đình.

Trong thời Bắc thuộc, nhà Đông Hán muốn xóa bỏ nền văn hóa Đông Sơn của các nhóm Lạc Việt để chỉ còn văn hóa Trung Hoa, các quan cai trị đã thay thế chế độ mẫu hệ bằng chế độ phụ hệ, cải đổi lối ăn mặc và canh tác nông nghiệp. Chế độ mẫu hệ của các dòng Lạc hầu, Lạc tướng bị xóa bỏ dần theo từng chính sách cai trị của các quan thái thú từ Bắc triều gửi xuống. Có lẽ phần lớn các nhóm Lạc Việt sinh sống trên lưu vực sông Hồng chấp nhận sự cai trị của người Hán, chỉ một số ít còn lại từ chối sự hội nhập này đã rút lên miền núi sinh sống và trở thành những nhóm người Mường ngày nay (gia đình hai Bà Trưng có lẽ ở trong nhóm này), hay chạy xuống phía nam kết hợp với các nhóm Nam Đảo, vẫn còn mang nặng yếu tố mẫu hệ.

Sử sách Trung Hoa nói rằng hai Bà Trưng, thuộc dòng "man di", là chị em sinh đôi, quê tại xã Cổ Lai, huyện Châu Diên, quận Phong Châu (làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên ngày nay). Trưng Trắc lấy chồng là Thi Sách, người huyện Châu Diên (Vĩnh Yên) và định cư tại quê chồng. Sử sách Việt Nam cho rằng hai Bà thuộc dòng Lạc hầu, Lạc tướng (văn hóa Đông Sơn), quê ở huyện Mê Linh (ngoại thành Hà Nội), từ Ba Vì đến Tam Đảo, đất bản bộ cũ của các vua Hùng, sinh sống bằng nghề nuôi tằm, do đó mới có tên Trưng Chắc (kén dâu) và Trưng Nhị (kén mông), sau đó đọc trại thành Trưng Trắc, Trưng Nhị.

Thi Sách là một quan lại bản địa thuộc dòng Lạc tướng, hợp tác với quan quân nhà Hán cai trị Châu Diên. Sau khi cưới Trưng Trắc, có thể đã bị ảnh hưởng bởi ý chí độc lập của gia tộc bên vợ, đã chống lại sự cai trị của quan quân nhà Hán. Trong giai đoạn này, có lẽ yếu tố mẫu hệ còn mạnh nên Thi Sách đã không được sự hưởng ứng của dân chúng địa phương nên đã thất bại. Khi Thi Sách bị sát hại, Trưng Trắc đã cùng với em là Trưng Nhị nổi lên chống lại quân Hán thì không những đã được dân chúng Giao Chỉ ủng hộ mà cả dân chúng phía nam (Cửu Chân, Nhật Nam, đặc biệt là huyện Tượng Lâm) hưởng ứng và tôn lên làm lãnh tụ. Yếu tố mẫu hệ nổi bật trong đạo quân kháng chiến, trong năm tộc lớn thời đó hai Bà đã kén chọn được 62 vị tướng, trong đó hơn phân nửa (32 người) là phụ nữ như Thánh Thiên công chúa, Man Thiện, Diệu Tiên, bà Lê Chân, Bát Nàn, Hoàng Thiệu Hoa, Đào Kỳ, Xuân Nương, Liễu Giáp, Việt Huy, Á Di, Á Lã, Á Tắc, Nàng Đê, v.v...

và 21 tù tướng, trong đó gần phân nửa là phụ nữ.

Cũng nên biết chữ "ả, nương, nàng, đào, liễu" là những từ Hán để chỉ người phái nữ. Yếu tố Phật giáo cũng nổi bật trong cách đặt tên người : Man Thiện, Diệu Tiên, Bát Nàn là những pháp danh Phật giáo. Yếu tố vương quyền cũng bắt đầu xuất hiện với những tước vị như người Hán : công chúa Thánh Thiên được phong binh hàm Bình Tây đại nguyên soái, bà Lê Chân giữ chức Tiên Phong nữ tướng quân... Nhưng sự kiện nổi bật nhất là đạo binh của hai Bà Trưng đã biết dùng voi xung trận, một loại quân dụng hoàn toàn xa lạ với người Hán. Đây là bằng chứng cho thấy sự hợp tác giữa các nhóm dân cư sông Hồng và phía bắc miền Trung rất là mật thiết vì thuần phục voi là nghề của những người miền núi tây-nam Bắc phần.

Những cuộc nổi dậy của người Chăm ở Tượng Lâm

Sau biến cố hai bà Trưng, có lẽ chính sách cai trị của quan quân Đông Hán đã cởi mở hơn nên đất Giao Chỉ trở nên yên bình trong hơn năm thế kỷ. Ngược lại, tình hình chính trị phía nam, huyện Tượng Lâm, luôn giao động.

Mùa hè năm 100, hơn 2.000 dân Tượng Lâm nổi lên phá đồn, đốt thành, giết một số quan quân cai trị. Chính quyền đô hộ phải huy động quân của các quận huyện khác đến dẹp, giết được chủ tướng, cuộc nổi loạn mới tạm yên. Từ đó chính quyền nhà Hán không dám ức hiếp một cách thô bạo dân cư tại đây nhưng đặt họ dưới quyền cai trị trực tiếp, do một binh trưởng sứ cầm đầu, phòng hờ những cuộc nổi loạn sau này. Để lấy lòng dân cư địa phương, quan quân nhà Hán tổ chức phát chẩn cho dân nghèo, miễn thuế hai năm...

Mục đích của chính sách cai trị trực tiếp này là thu thuế và nhận phẩm vật triều cống (vàng, bạc, sừng tê giác, ngà voi, móng chim ưng, hương liệu, vải lụa...) càng nhiều càng tốt. Thuế và phẩm vật triều cống do những lãnh chúa địa phương (thuần phục nhà Hán) thay mặt thiên triều quyên góp trong dân chúng. Như vậy nhà Hán vừa có thu nhập vừa không hao tổn ngân quỹ, lại duy trì được ảnh hưởng trên vùng đất đó, bù lại lãnh chúa địa phương được thiên triều sắc phong và được bảo vệ khi bị tấn công.

Theo sử liệu cổ của Trung Hoa (*Hậu Hán thư, Lưu Long truyện, Mã Viện truyện*) ghi lại thì người huyện Tượng Lâm luôn chống đối lại chính sách cai trị của nhà Hán và thường tranh chấp lẫn nhau về quyền cai trị tại vùng đất này. Tượng Lâm ở quá xa chính quốc nên sự cai trị trực tiếp của những quan đô hộ và binh lực thiên triều làm hao tổn công quỹ mà lợi ích chính trị và kinh tế chưa chắc đã cao.

Năm 136, khoảng 1.000 dân Tượng Lâm nổi lên chống lại sự cai trị của nhà Hán, họ đánh huyện Tượng Lâm, đốt thành, giết trưởng lại (huyện trưởng). Năm sau thứ sử Giao Chỉ là Phàn Diễn phải điều hơn 10.000 binh sĩ từ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân vào đàn áp nhưng thất bại. Thay vì đi dẹp loạn, đoàn quân này lại phối hợp với dân Tượng Lâm chống lại và chiếm đóng một số thành quách trong quận, quan quân Đông Hán rút lui khỏi huyện Tượng Lâm.

Năm 138, Giả Xương, một quan thị ngự sử nhà Hán đi

sứ phía nam, đã cùng với các quan thái thú trong quận Nhật Nam gom quân đi dẹp những cuộc nổi loạn của dân Tượng Lâm. Nhưng sau gần một năm cố gắng, tất cả đều thất bại, không những thế họ còn bị dân quân địa phương bao vây hơn cả năm trời. Từ đó nhà Hán mất tin tưởng ở đám quan quân địa phương và chỉ tin dùng quân từ Trung Hoa đưa xuống. Năm sau Hán Thuận Đế sai tướng Cổ Xương huy động 40.000 quân ở các châu Kinh, Dương, Duyên, Dự (Trung Hoa) xuống đàn áp cuộc nổi dậy. Cổ Xương bị quân nổi loạn đánh bại, Hán vương sai một tướng khác tên Lý Cố mang viện binh tiếp trợ nhưng Lý Cố viện bầy lý do để hoãn binh. Cuộc tiến quân bị khựng lại và tình hình tạm yên trở lại.

Những kế sách của Lý Cố là ly gián nội bộ những người nổi loạn bằng cách mua chuộc những lãnh chúa địa phương nhằm làm suy yếu tiềm lực của dân quân Tượng Lâm ; tránh can thiệp bằng quân sự vào những tranh chấp cục bộ của người địa phương ; chỉ để lại một quan lại người địa phương thay mặt thiên triều cai trị ; vấn đề lãnh đạo địa phương để cho người địa phương chọn lấy, người thắng cuộc được thiên triều tấn phong ; quan cai trị địa phương phải là một lãnh chúa thần phục thiên triều ; tước Vương Hầu (dành cho người nhà Hán) và Liệt Thổ (dành cho người địa phương).

Để thực hiện mưu kế của Lý Cố, Hán vương phong Trương Kiều làm thứ sử Giao Chỉ và Chúc Lương làm thái thú Cửu Chân ; cả hai có nhiệm vụ thu thuế và nhận phẩm vật từ những quan lại được nhà Hán tấn phong. Trương Kiều đã thu phục được hàng chục ngàn thường dân Nhật Nam và Tượng Lâm qui thuận Hán triều.

Năm 144, dân chúng quận Nhật Nam và huyện Tượng Lâm lại nổi lên chống lại ách cai trị của nhà Hán, nhưng bị thứ sử Hạ Phương đánh bại. Năm 157, một người tên Chu Đạt cùng với dân chúng Cửu Chân, nổi lên giết huyện lệnh ở Cư Phong và thái thú Nghê Thức chiếm quyền lãnh đạo. Sự kết hợp tự nhiên giữa dân chúng hai quận Cửu Chân và Nhật Nam gây nhiều bối rối cho các quan quân cai trị. Dưới sự chỉ huy của đô úy quận Cửu Chân là Ngụy Lăng, quân Hán phản công quyết liệt, giết hơn 2.000 dân Cửu Chân, phe nổi loạn phải chạy xuống phía nam chiếm quận Nhật Nam và chống trả lại. Trong ba năm liền, từ 157 đến 160, lực lượng nghĩa quân huyện Tượng Lâm, khoảng 20.000 người, tiến lên đánh quân Hán và chiếm nhiều huyện khác của Nhật Nam. Vài năm sau, năm 178, Lương Long cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại quân Hán, chiếm được nhiều vùng đất từ Giao Chỉ đến Hợp Phố và từ Cửu Chân đến Nhật Nam ; năm 181 Hán vương cử Lã Đại mang đại quân sang đánh dẹp tình hình mới tạm yên.

Đến đời Hán Sơ Bình (190-193), nhân nội tình Trung Hoa loạn lạc, dân chúng Tượng Lâm, phối hợp với dân cư hai quận Cửu Chân và Nhật Nam, nổi lên đánh đuổi quân Hán và đạt thắng lợi sau cùng. Năm 192, tiểu vương quốc Champa đầu tiên phía bắc chính thức ra đời, dưới tên Lâm Ấp. Tiểu vương quốc này là đầu tàu đấu tranh giành độc lập của người Kinh và sự thống nhất của Chiêm Thành.

Nguyễn Văn Huy

Việt Nam : Đất nước của các cộng đồng ?

Việt Nam là một quốc gia đa chủng gồm 54 sắc dân anh em. Dân số 80 triệu người, đông nhất là dân tộc Kinh, 88% dân số, số còn lại là các sắc tộc thiểu số. Tuy là thiểu số nhưng địa bàn sinh trú của các cộng đồng thiểu số lại trải rộng trên 80% địa bàn toàn quốc.

Về địa bàn cư trú, những nhóm sắc tộc thiểu số này sinh sống xen kẽ với nhau trên cùng một khu vực với những nhóm các sắc tộc thiểu số khác, phần lớn tập trung dọc các vùng biên giới Việt - Trung, Việt - Lào và Việt - Miên. Tuy ở những địa vực khác nhau, những nhóm sắc tộc thiểu số cùng chung nguồn gốc ngôn ngữ và nhân chủng thường tìm đến nhau để trao đổi, hợp tác, bảo tồn, phát huy văn hóa cổ truyền vì sự sống còn của giống nòi.

Trong kỳ họp quốc hội khóa 11 ngày 31-7-2002, chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An công bố danh sách 39 dân biểu sắc tộc để thành lập một Hội Đồng Dân Tộc. Đứng đầu cơ quan này là chủ tịch Tráng A Pao, với các phó chủ tịch là các bà Bùi Thị Bích, Nguyễn Thị Nương và các ông Y Ly Niê Kđăm, Mã Điền Cư, Huỳnh Đảm, Thạch Tịnh.

Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, soạn thảo hiến pháp, ban hành các luật lệ về chính sách dân tộc. Về nội dung, chính sách này tương đối hợp tình hợp lý, đáp ứng phần nào khát khao của đồng bào sắc tộc từ bấy lâu nay mong đợi trong tuyệt vọng. Nhưng trong thực tế, ác chính quyền xã, huyện, tỉnh trên Tây Nguyên đã không những không thực thi nghiêm túc các luật lệ do chính quốc hội và trung ương ban hành mà còn đàn áp không cho đồng bào sắc tộc Tây Nguyên phát biểu nguyện vọng.

Đồng bào sắc tộc Tây Nguyên ước nguyện gì ? Họ chỉ muốn chính quyền thật lòng nâng đỡ họ để bắt kịp đà tiến bộ chung của đất nước, đặc biệt là trong các lãnh vực xã hội, giáo dục, y tế. Họ muốn chính quyền đào tạo cấp bách thanh niên sắc tộc để trở thành những công nhân, chuyên viên kỹ thuật phục vụ lại buôn làng của họ. Chỉ giản dị thế thôi. Nhưng phải thành thật mà nói, đây chỉ là giấc mơ, có thể có và cũng có thể không. Chính quyền trung ương vẫn thiên vị, ưu ái các thành phần sắc tộc thiểu số miền Bắc hơn các sắc tộc thiểu số Tây Nguyên. Tại sao cùng chung một qui chế, một chính sách lại có sự phân biệt đối xử ?

Muốn có hòa bình trên Tây Nguyên, Hà Nội nên có thái độ rõ rệt về chính sách sắc tộc và sinh hoạt dân chủ. Dân chủ không phải là hàng quốc cấm, dân chủ là quyền căn bản mà mỗi công dân có quyền được hưởng. Không nên khơi dậy lại hận thù dân tộc của quá khứ. Không nên tiếp tục đàn áp người thiểu số trên Tây Nguyên, con cháu của họ không quên đâu, họ sẽ nhớ đời.

Việt Nam rất thuận lợi cho sự hội nhập của mọi cộng đồng dân tộc vì có tiếng Việt là ngôn ngữ chung. Vấn đề là thi hành chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc một cách thành tâm. Chỉ có hòa giải, đối thoại và thỏa hiệp mới tìm được giải pháp tốt đẹp nhất cho cả đôi bên.

Ya Biloh (Cheo Reo, Việt Nam)

Chân Trời Quê Hương Tôi

Natalie Hoài Châu

"Chính trị", hai chữ thật mơ hồ đối với tôi. Tôi cho rằng đó là việc làm của những bậc cha anh, chẳng liên quan gì đến tôi. Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến việc tham gia vào chính trị, hay nói đúng hơn tôi không thích và cũng biết gì về chính trị. Nhớ khi cộng sản sắp chiếm Sài Gòn, bố tôi được một ông chú trong ngành hải quân (nghe nói chú làm hạm phó tàu chiến gì đó, nhưng tôi không nhớ rõ) khá thân với bố mẹ tôi, hứa cho cả gia đình tôi lên chiến hạm rời Sài Gòn (nhưng không thành, sau này gia đình tôi vượt biên). Ngày đó, tôi nhớ bố tôi nói: "Tụi con chỉ được đem theo một hai thứ cần nhất mà thôi". Tôi không suy nghĩ trả lời bố: "Con chỉ mang theo mì gói và bàn chải đánh răng thôi bố". Thuở nhỏ chỉ ham ăn, nên tôi không ngoại lệ. Tôi học trường nội trú từ bé, được dạy là không bao giờ được quên đánh răng trước khi ngủ. Đối với tôi bấy giờ, đó là hai chuyện quan trọng nhất. Tôi chẳng biết thế nào là quốc gia, là cộng sản. Tôi cũng chẳng hiểu bố tôi định cho anh em tôi đi đâu, và bao lâu thì về.

Thấm thoát mà đã 27 năm, chế độ cộng sản đã làm gì cho đất nước khi nắm chính quyền? Tôi không thấy gì ngoài sự khổ đau, tù đày, nước mắt. Những điều tôi mới nói ra hôm nay, thì mọi người đã biết từ lâu, và những giòng chữ này đã thành thừa thãi.

San Jose là nơi có nhiều sinh hoạt của người Việt, nhưng nói đến chính trị thì tôi sợ lắm. Tôi biết nhiều chú bác cựu quân nhân ở tổ chức chính trị này, thì lại bất đồng, nói xấu, cho rằng các mấy chú bác kia ở một đoàn thể chính trị khác... là cộng sản! Tôi lại quen biết cả hai bên, nên biết chắc rằng các bác đều là các chiến sĩ anh hùng của miền Nam trước 1975. Tôi được nghe những chiến công lẫy lừng của các chú bác, cũng như năm tháng tù đầy cải tạo vô cùng đau khổ... đều do kẻ thù chung là cộng sản gây ra. Vậy mà người này lại cho người kia là cộng sản! Chính vì những chuyện đau lòng ngay giữa người quốc gia với nhau mà cộng sản mừng vì có lợi. Giới trẻ chúng tôi đứng giữa, chán nản, nghi ngờ, chẳng biết nghe ai, còn muốn bận tâm gì về quốc gia hay cộng sản...

Đời thường có những cơ duyên kỳ lạ, tôi lại có mặt tại Santa Clara Convention Center chủ nhật 27-10-2002 vừa qua, trong buổi hội luận do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tổ chức. Tên tổ chức tôi đã nghe đâu đó vài lần, có người lại cho rằng họ là cộng sản. Tôi quyết định tham dự chỉ vì cô bạn tôi là thân hữu có lên giúp vui bỏ túi trong chương trình, chứ cũng chẳng phải có ý thức gì cả. Khi đến nơi, cảm thấy một bầu không khí rất thân thiện, tôi làm quen được với các chú, các anh chị trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, họ đều là những người thân thiện dễ mến. Chương trình được mở đầu bằng một bản hợp ca "Những nẻo đường Việt Nam", cô bạn của tôi mặc áo dài trông ngộ nghĩnh, hát chung với các anh chị em khác. Sau đó là lời phát biểu của ông Nguyễn Xuân Hiệp.

Được biết ông Nguyễn Xuân Hiệp, một kỹ sư trẻ tại San Jose, là thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Với giọng nói ầm ập nhưng đầy cương quyết ông làm tôi xúc động: "Tuổi trẻ Việt Nam phải dấn thân, thì chắc chắn ngày giải thể của cộng sản sẽ không xa". Khi những lời nói phát xuất từ đáy lòng thì sức công phá thật vô biên, tiếng nói đầy nhiệt huyết của ông đã làm tôi xúc động, ngạc nhiên với chính mình, tôi đã bắt đầu chịu để ý đến chính trị. Ông Nguyễn Xuân Hiệp cho biết, mục đích của buổi hội luận là vận động đồng bào khắp thế giới, tiếp tay áp lực cộng sản Việt Nam trả tự do cho các chiến sĩ đấu tranh dân chủ đang bị giam cầm tại Việt Nam. Các chiến sĩ dân chủ như Lê Chí Quang (32 tuổi, tốt nghiệp Đại Học Luật, tôi lên án nhà nước cộng sản Việt Nam dâng đất và biển cho Trung Quốc), Nguyễn Vũ Bình (34 tuổi, tốt nghiệp Đại Học Kinh Tế, đấu tranh cho dân chủ từ năm 2000), Phạm Hồng Sơn (34 tuổi, bác sĩ y khoa và thạc sĩ quản trị, giám đốc thương mại một công ty dược phẩm, đấu tranh cho dân chủ từ năm 2001), Nguyễn Khắc Toàn... Được biết, trước đây các chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam đều hành động riêng rẽ, đến nay họ đã thành lập thành "Nhóm Dân Chủ" hiện đã có 21 chiến sĩ trong nước từ miền Bắc xuống miền Nam.

Trong buổi hội thảo, thẩm phán Phan Quang Tuệ đã phân tích sự ngu dốt của chế độ cộng sản Việt Nam. Hiến pháp cộng sản nói rằng quyền tự do thư từ cá nhân được tôn trọng tuyệt đối. Trong khi đó, họ lại dùng chính những lá thư được gửi đi bằng mạng lưới internet của Lê Chí Quang viết lên án chính quyền "bán nước cầu an" để buộc tội ông. Luật sư Nguyễn Hữu Thống (một diễn giả của buổi hội luận) đã khơi dậy lòng yêu quê nhà tưởng đã nằm yên trong tôi, khi ông nhắc lại lời Lê Chí Quang: "Nước mất, mà không biết là bất tri; Biết mà không lo liệu là bất trung; Lo liệu mà không liều chết là bất dũng"...

Nhà văn Tưởng Năng Tiến làm bầu không khí chùng buồn, khi ông phát biểu: "Cộng đồng chúng ta hơn 150 ngàn người, đấu tranh cho dân chủ mà có mặt nơi đây chỉ gần trăm người, chúng ta đã bị bỏ rơi", và những giọt nước mắt chân thành nơi khóe mắt ông đã lăn xuống lòng mọi người có mặt. Tôi không tin "sự bỏ rơi" ông nói, vì tiếng nói của những người đấu tranh cho dân chủ Việt Nam đã được thế giới lắng nghe. Một điển hình nhỏ, nhưng rất quan trọng là tôi thấy sự có mặt đặc biệt (không có trong tờ chương trình) của luật sư người Trung Quốc, Arthur Liu, ông đã đến vì cùng chung một chí hướng. Khi còn là sinh viên, ông từng tham gia vào cuộc đấu tranh cho dân chủ tại Thiên An Môn, Trung Quốc. Ông cho biết, ông đã viết thư cho chính quyền cộng sản Việt Nam xin tình nguyện biện hộ cho Lê Chí Quang. Việc làm của ông cũng cho cộng sản Trung Quốc và Việt Nam thấy rằng với cùng chí hướng dân chủ chúng ta không còn biên giới cách ngăn nào. Luật Sư Ngô Văn Quang và ông Nguyễn Gia Xương cũng có niềm tin mạnh mẽ vào một quê hương dân chủ không xa, khi tuổi trẻ trong nước và khắp nơi đã dấn thân nhập cuộc.

Nhân dịp này, tôi cũng được tiếp xúc với ông Nguyễn

Xuân Hiệp, một thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Tôi thắc mắc với ông "Dân Chủ" thì dễ hiểu, còn "Đa Nguyên" ? Ông cho biết : đó là chấp nhận nhiều đảng phái khác nhau và chấp nhận sự khác biệt của các đảng phái, miễn có cùng một mục đích tối hậu là đấu tranh cho tương lai đất nước Việt Nam dân chủ, tự do. Tôi nghĩ một cường quốc như Mỹ, sở dĩ họ giàu mạnh nhất thế giới vì họ thực sự có Dân chủ và Đa Nguyên (Pluralism). Ở Mỹ chúng ta có hai đảng chính là Dân Chủ (Democratic Party), và Cộng Hòa (Republican Party), ngoài ra còn có đảng Cộng Sản (Communist Party), đảng Tự Do (Liberty Party), đảng bảo vệ môi sinh (Green Party)... Đường lối làm việc của hai đảng chính dù có rất nhiều khác biệt, nhưng họ chấp nhận sự khác biệt của nhau, vì họ đều có chung một mục đích : phục vụ cho một đất nước Mỹ dân chủ và giàu mạnh.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã nhìn thấy được điều đó và có lẽ nhiều người khác cũng đã nhìn thấy (nhưng trong yên lặng). Tôi cho ông Nguyễn Xuân Hiệp biết rằng tôi nghe nói : "Tập Hợp có hòa giải, hòa hợp với cộng sản". Ông khẳng định : "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không bao giờ hòa giải hòa hợp với cộng sản. Chúng tôi chỉ hòa giải, hòa hợp dân tộc. Hòa hợp tất cả con người Việt Nam lại với nhau, không phân biệt là người trong nước, hay hải ngoại, không phân biệt Nam-Trung-Bắc, không phân biệt quá khứ chính trị, giữa những người từng hoạt động cho cộng sản hay quốc gia. Chỉ cần mọi người cùng chí hướng đấu tranh và xây dựng cho một Việt Nam thật sự Dân chủ". Được biết thêm là Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, do một nhóm trí thức bên Pháp thành lập năm 1982 và có ra một tờ báo bên Pháp với tên Thông Luận. Chủ trương của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là đấu tranh bất bạo động.

Chúng ta bỏ trốn cộng sản vì sự độc tài của họ, họ sẵn sàng sát hại những người không cùng đường lối. Mà trong cộng đồng chúng ta, biết bao nhiêu người đã bị cho là cộng sản. Tôi được biết nhiều người hôm nay đang là quốc gia, vài ngày sau đã trở thành cộng sản... chỉ vì cách đấu tranh và suy nghĩ của họ khác. Nếu vậy thì chúng ta có khá gì hơn cộng sản ? Tôi biết vài chú cựu sĩ quan, tôi hỏi chú có sinh hoạt gì trong các hội cựu quân đội không. Nhiều người lắc đầu chán nản, chỉ muốn được yên thân và không muốn bị tặng danh cộng sản. Vì vậy, tuổi trẻ bơ vơ, thiếu các bậc cha anh đứng dẫn hướng dẫn.

Tôi nghĩ rằng Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã bước theo đường lối đấu tranh rất hữu hiệu, đó là chủ trương giống các nước giàu mạnh trên thế giới. Điển hình là Mỹ. Lịch sử thế giới cho thấy, các nước cộng sản Đông Âu tan rã là do sự sai lầm trong căn bản của chính nó. Không một phương pháp bạo lực nào mạnh hơn bạo lực của cộng sản, để tiêu diệt nó. Nên chỉ chính cộng sản sẽ tự tan rã bởi làn sóng dân chủ mà thôi.

Làn sóng dân chủ đó là gì, từ đâu đến ? Đó là tuổi trẻ Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn... Họ là giới trí thức, thành phần được ưu đãi, quý trọng trong nước, sao không ngồi yên an hưởng sự giàu có cá nhân ? Đấu tranh ở hải ngoại đâu sợ ai bắt bớ, bỏ tù mà tôi còn thấy

ngại. Đôi khi bạn bè trên internet có gửi (forward) những thỉnh nguyện thư gửi lên quốc hội Mỹ thỉnh cầu can thiệp việc gì đó, tôi lại lười biếng, hờ hững xóa thư (delete). Ngay những việc dễ dàng như vậy, mà tôi đã không để tâm, nói gì đến chuyện hy sinh, chịu tù đầy vì lý tưởng. "Đất nước", "Dân chủ", mấy chữ mơ hồ này cũng chẳng giúp ích gì trong resume đi kiếm việc làm của tôi. Tôi đi làm, thì chắc chắn có tiền trong tay, ở nhà tốt, đi xe đẹp, shopping đều đều ở Nordstrom, Neiman Marcus... Chuyện Dân Chủ thì... đã có nhiều người khác lo.

Hôm nay, khi biết được việc làm của những người bạn trẻ, các anh chị trong nước, đang bị tù đầy, hành hạ... Tôi thấy mắc cỡ với chính mình. Tôi đi vượt biên, mà không hiểu vì sao gia đình mình chạy trốn. Tôi lớn lên ở đất nước dân chủ, nên cho "Tự Do", là chuyện đương nhiên. Tôi đi học và hát quốc ca Mỹ nằm lòng, nên quên quê hương. Nếu ai cũng như tôi, thì chúng ta làm gì có những anh hùng dân tộc, Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo... và Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã khơi dậy chút lòng cho quê hương còn sót lại. Vì hai chữ "Dân Chủ" mà các bạn trẻ trong nước của chúng ta đã dấn thân. Dù biết sự dấn thân, sẽ đem cho họ những tháng ngày giam cầm vô hạn định. Giới trẻ chúng ta ở đây, nên làm gì cho quê hương chung của chúng ta ? Cá nhân tôi sẽ làm gì ? Lý do "không thích chính trị" của tôi, không còn đủ mạnh để tôi bỏ ngoài tai chuyện đòi Dân Chủ cho Việt Nam. Tôi vẫn là con người không có khả năng làm chính trị, vẫn sợ dính vào chính trị. Nhưng tôi cảm thấy có điều gì đó, vô hình kêu gọi tha thiết, đẩy sự biếng lười, ích kỷ ra khỏi. Tôi phải làm gì cho quê hương đất nước tôi ? Tôi nghĩ,... tôi nghĩ... Ít nhất là... là một điều gì, dù rất nhỏ.

Tôi bỗng nhớ khi cô bạn rủ tôi đến với buổi hội thảo của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, tôi đã ngoe nguẩy trả lời : "Politics ? not me".

Giờ tôi ngồi đây viết lên những dòng chữ này. Ngoài trời hơi lạnh, nhưng những tia nắng ấm đang lên.

Natalie Hoài Châu
(San Jose, Hoa Kỳ)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau".
(trích *Thành Công Thế Kỷ 21*, phần tóm lược, tr. 139).

Tấm Lòng Con Bầy Đưa Đò

Tường Năng Tiến

Ngày xưa, tại vàm Cái Cau có một cô gái nổi tiếng vì nhan sắc, thùy mị và hò hay. "*Giọng hát của con Bầy đưa đò khi cất lên cao thì cao hơn tâm bay bổng của con cò, con vạc, cao vút tận mây vì sao đêm lấp lánh; giọng ấy lúc buông trầm xuống thì như hơi gió xao động cả dòng sông, chuyển rung mặt nước.* [Sơn Nam, "Con Bầy Đưa Đò", *Hương Rừng Cà Mau* (*)].

Tài sắc, cũng như đức hạnh, không mấy khi mang lại hạnh phúc và may mắn cho những kẻ sống trong thời ly loạn. Cuộc đời cô Bầy (rất) không may và (hoàn toàn) không hạnh phúc.

Thử còn con gái, tình cờ cố gặp rồi thương một người trên sông Cái Lớn. Chàng đẹp trai, đứng đắn, từng trải và lịch thiệp. Chỉ có điều đáng tiếc là người ta không "thuộc diện"... thương dân, không chịu cùng cô Bầy kết duyên đôi lứa và sống an phận thủ thường - như những đám lục bình trôi nơi ao hồ sông rạch. Nói gì thì nói, chàng vẫn nhất quyết lên đường - nằng nặc đi theo tiếng gọi của non sông.

"Lúc chia tay, con Bầy nói :

- Bao giờ chàng trở lại em xin chờ.

Chàng cười mà đáp :

- Cảm ơn.

- Lời em hứa là chắc. Hay là chàng không tin nơi lời nguyện của gái đưa đò.

- Đâu phải vậy. Chỉ sợ tôi không giữ đúng lời hứa... Chí trai bốn biển là nhà. Không có sức như chim bằng, như cá kình chớ phận con se sẻ, con tép, con tôm này cũng học đòi ngao du trong vòng đất nước nhỏ hẹp.

Dứt lời chàng đứng dậy cất mái chèo. Con Bầy xúc động rưng rưng nước mắt. Duyên may một đời chửa chắc gặp hai lần.

- Vậy thì xin chàng dạy cho em một hai câu hò để em nhớ đời.

- Cô hò đã hay mà lại có duyên. Tôi còn biết gì mà dạy thêm. Họa chăng chỉ có một tấm lòng này...

"Một tấm lòng!". Con Bầy mãi suy nghĩ về ba tiếng đó, chùng giựt mình nhìn lại thì chàng đã khuất dạng trong lớp sương khuya".

Cô Bầy chờ hoài, chờ hủy nhưng người xưa không bao giờ trở về bến cũ. Thời gian thì đâu có chịu đợi ai. Tuổi đời khiến cô Bầy Đưa Đò phải bỏ nghề và xoay ra bán thịt heo bên hông nhà lồng của chợ Vàm. Thịt luộc của dì Bầy nổi tiếng là "ngon hết biết" luôn.

Một hôm, có người năn nỉ xin chỉ cho cách luộc thịt heo. Dì Bầy thoáng ngậm ngùi :

- Cái việc hò hát cũng như cái việc luộc thịt heo vậy. Ai làm cũng được. Cách thức dễ ợt. Nhưng mà công phu lắm.

- Công phu là thế nào dì Bầy ?

- Ở đây, hồi đó có người nói là cần "một tấm lòng".

Tấm lòng của dì Bầy, của chàng trai mà dì đã trao duyên - đối với nhau, cũng như đối với đất nước non sông

- sao mà thiết tha và cao đẹp quá chừng, quá đỗi. Một đất nước đầy nhóc những con dân với tấm lòng quả cảm và vị tha như thế thì "kẻ thù nào mà không đánh thắng, khó khăn nào mà không vượt qua", và mọi người đều có quyền đặt nhiều kỳ vọng ở tương lai của dân tộc chớ - đúng không ?

Tưởng vậy mà không phải vậy đâu nha ! Từ hơn nửa thế kỷ qua, sau khi được động viên để đánh thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác, rồi bị kéo lê kéo lết qua hết trở ngại này đến trở ngại kia, người dân Việt in tuồng như kiệt sức. Tấm lòng của họ đối với tha nhân cũng như đối với xã hội và tổ quốc (chắc) không còn nữa.

"Một cái gì đó đã phá vỡ lòng tin của con người rằng xã hội luôn luôn cố gắng đem lại sự tốt đẹp cho mình, và chính mình phải có bổn phận phải giữ gìn các công trình xã hội để mình và mọi người cùng hưởng. Người ta thẳng tay cắt dây điện để bán lấy chút tiền, có thể đốt hết một kho hàng hóa để phi tang cho một vật ăn cắp không đáng là bao... Con người đối xử với xã hội thô bạo như vậy chỉ vì xã hội đã đối xử với họ tệ quá [Phạm Xuân Đài, *Hà Nội Trong Mắt Tôi*, Thế Kỷ, Hoa Kỳ 1994, tr. 32-33].

Và những chuyện "thô bạo" hay "tệ quá" như thế không phải chỉ xảy ra ở Hà Nội mà thôi. Đó là "chuyện thường ngày vẫn xảy ra ở huyện" và là tình trạng chung của cả nước mà.

"Tổ quốc đã trở thành đao phủ... Tổ quốc đồng nghĩa với chiến tranh và chết chóc... Tổ quốc bỏ tù và hạ nhục hàng triệu người. Tổ quốc hãm dọa, khống chế bằng công an thành, công an tỉnh, công an huyện, công an phường... Tổ quốc hành động như bọn giặc cướp... Tổ quốc đều cáng và lật lọng. Tổ quốc đổi tiền mấy lần để cướp giết, tổ quốc sách nhiễu từng ngày... người dân phải chịu đựng hết. Vì tổ quốc có súng". [Nguyễn Gia Kiểng, *Tổ Quốc Ăn Năn*, Paris 2001, tr. 570 - 571].

"Chịu đựng" mãi, hết thế hệ này sang thế hệ khác, khiến luân lý và đạo đức của người dân Việt cứ suy yếu dần và có nguy cơ phá sản. "*Ý thức xã hội rất thấp, trước một khó khăn chung thì phản xạ ứng xử là tìm lối nhỏ để thích nghi riêng. Lâu ngày nhụt điếm ấy phát triển thành thói vị kỷ, vô cảm và trơ trơ trước nỗi đau chung*" ["*Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ*", *Tuyển Tập Hà Sĩ Phu*, Phong Trào Nhân Quyền Cho Việt Nam Năm 2000 và *Tạp Chí Thế Kỷ 21* xuất bản tháng 1 năm 1996, trang 201].

Thản hoặc, có vài ba người chịu không nổi "trước nỗi đau chung" lên tiếng đòi hỏi những cải cách đổi thay tối thiểu để cải thiện tình trạng "tệ quá" của xã hội thì lần lượt đều bị hãm dọa, khống chế, sách nhiễu, đầu tố, quản thúc, tù đầy... trước sự đứng đưng ("vô cảm và trơ trơ") của những người còn lại !

Chỉ trong vòng tháng 10 năm 2002, đã có mấy chuyện kỳ dị như sau xảy ra ở Việt Nam - xin ghi lại theo thứ tự thời gian :

Ngày 1 tháng 10 năm 2002, cả đài VOA lẫn hãng thông tấn DPA cùng loan tin hai công dân Việt Nam là ông Phạm Trọng Sơn và bà Nguyễn Thị Thảo đã bị kết án 3 năm và 8 tháng tù vì tội "biểu tình gây rối trật tự công cộng".

Ngày 22 tháng 10 năm 2002, tại thành phố Buôn Ma Thuộc, tỉnh Đắk Lắk ba công dân khác (các ông Y Tim Ê Ban 34 tuổi, Y Coi B Krông 30 tuổi, và Y Thomas Ê Ya 47 tuổi) bị kết án tám năm tù và hai năm quản chế vì tội... "ép buộc người khác trốn đi nước ngoài" - nếu ghi theo như nguyên văn bản tin của *Thông Tấn Xã Việt Nam* và nhật báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24 tháng 10 năm 2002.

Còn theo bản tin của *Xinhua News Agency*, phát đi ngày 30 tháng 10 năm 2002, ba nhân vật vừa nêu bị kết tội "kích động dân chúng địa phương trốn ra khỏi nước" [The defendants were found guilty of inciting local people to flee the country]. "Kích động" (incite) và "ép buộc" (force) là hai hành động hoàn toàn khác hẳn nhau.

Làm thế nào để có thể "ép buộc người khác đi nước ngoài" (có lẽ) là điều mà những thông tin viên ngoại quốc không thể nào hiểu nổi. Do đó, họ "đành" phải chuyển ngữ "sai ý" của viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk !

Mà ba ông Y Tim Ê Ban, Y Coi B Krông và Y Thomas Ê Ya đã "xúi dục hay kích động" dân chúng cách nào vậy cả ? Họ cho cán bộ đóng chốt trong nhà nạn nhân rồi tuyên truyền rĩ tai hay chõ loa phóng thanh vào nhà con người ta và nói ra rả suốt ngày rằng : "đừng ở với 'bọn xấu, bọn ác, bọn bất lương, bọn khốn nạn' đó nữa và bằng mọi cách phải chạy khỏi 'tụi khốn nạn, tụi chó đẻ...' đó đi" hay sao?

Cứ cho là ba ông Y Tim Ban, Y Coi B Krông và Y Thomas Ê Ya có làm đúng như thế chẳng nữa, việc khuyến khích hay kêu gọi người khác bỏ đi khỏi một vùng đất mà "nếu cái cột đèn có chân nó cũng không chịu ở" thì cũng là chuyện "tốt thôi", chớ đâu phải là một cái "tội" - hả Trời? Căn cứ vào hình luật nào để nhà đương cuộc Hà Nội kết án ba người dân Ban Mê Thuộc 8 năm tù và 2 năm quản chế ?

Cũng thế, ông Phạm Trọng Sơn và bà Nguyễn Thị Thảo (hai cư dân ở Phú Nhuận, Sài Gòn) đã lãnh một bản án gần 3 năm tù, chỉ vì đã biểu tình phản đối chính sách giải tỏa nhà đất bất công của nhà cầm quyền địa phương - sau khi điền sản của họ bị tịch thu và đã làm đơn khiếu nại nhiều lần không có kết quả !

Chưa hết đâu, cuối tháng 10, vào ngày 30, báo *Nhân Dân* lại hân hoan sung sướng loan tin "Hai Tên Tội Phạm Ra Đầu Thú". Hai ông Y Sứ Niê (58 tuổi) và Y Khai (không rõ tuổi) - cả hai đều là cư dân của huyện Ma Đrăc, tỉnh Đắk Lắk - đã ra "đầu thú" và đã nhận tội "móc nối với những thế lực phản động ở nước ngoài để hoạt động chống phá nhà nước Việt Nam" !

Cách đây chưa lâu - vào khoảng tháng tư 1988, nếu tôi nhớ không lầm - giới truyền thông của làng Ba Đình, Hà Nội cũng hớn hờ chạy một bản tin tương tự về một nhóm Fulro ra "đầu thú" tại tỉnh Lâm Đồng. Cái được mô tả là nhóm Fulro kể trên gồm có... năm người : hai đứa bé (có đứa mới mười mấy tháng), một ông già, một phụ nữ, và một người đàn ông trung niên có trang bị vũ khí - một cái... cung !

Nhóm người này, may mắn, không bị kết án "móc nối" với bất cứ ai. Lý do (tôi trộm nghĩ) là vì Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng không đủ bằng chứng để buộc

tội. Cung và tên không thể dùng để khêu hay móc bất cứ cái gì. Khi "ra đầu thú", ngoài cung tên và xà gạc trên vai ra, tôi sợ rằng hai ông Y Sứ Niê và Y Khai đã trót dại cầm theo một hay hai cái... cù nèo gì đó !

Làm sao để "lôi kéo, ép buộc người khác trốn đi nước ngoài" (nếu ghi nguyên văn theo tiêu đề của báo *Nhân Dân* là chuyện mà tôi e rằng chỉ có Trời hay Yàng mới biết. Còn làm cách nào để "móc nối với những thế lực phản động quốc tế" bằng những cái cù nèo thì chắc có lẽ ngay cả đến Yàng và Trời, cùng với Phật Chúa thánh thần các thứ hợp sức lại, cũng phải chào thua thôi !

Có thể vì không hoàn toàn am tường tiếng Việt (nhất là cái thứ xảo ngữ của những "tòa án nhân dân" ở miền xuôi) và vì thấp cổ bé miệng nên những đồng bào miền núi đành chấp nhận những những tội danh và những bản án dành cho họ. Chuyện không đành lòng là thái độ đứng đưng của cả hàng triệu triệu người Việt khác trước những lời buộc tội ngang ngược và xác xược như thế của nhà đương cuộc Hà Nội.

Mền nắn rần buông hay được chân lân đầu là thái độ và chiến thuật cố hữu của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Vì mọi người đều im lặng, nghĩa là "đồng lòng", với những "bản cáo trạng" tháng 10 nên qua tháng 11 họ thần nhiên kết án một công dân khác (ông Lê Chí Quang) bốn năm tù và ba năm quản chế vì những tội danh rất mơ hồ : "tuyên truyền chống nhà nước" và "gây nguy hại nền an ninh của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" !

Họ tiếp tục áp chế cả dân tộc Việt vì tin rằng sẽ không gặp một phản ứng nào đáng kể, đến từ bất cứ ai. Tấm lòng của chúng ta đối với nhau, cũng như đối với non sông đất nước, đâu còn nữa ! Họ đã cố tình giết cho nó chết và chúng ta thì đành lòng để cho nó... chết luôn. Có phải vậy không? Tôi ước ao là đã vừa nói bậy và sẽ có vô số dịp để hối hận về sự hàm hồ và nông nổi của mình, trong những ngày tháng tới !

Tường Năng Tiến

(*) Sách này đã được in lại (và in "lậu") tại hải ngoại, tuyệt nhiên không có ghi một chi tiết nào về nhà xuất bản hay năm xuất bản.

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN là kết hợp của những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của **TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN** là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, **TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN** qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

Nói chuyện với nhà văn Tạ Duy Anh

"Đi tìm nỗi sợ"

LTS: Nhà văn Tạ Duy Anh, 43 tuổi, hiện là hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam. Truyện ngắn "Bước qua lời nguyện" phát hành năm 1990 gây xôn xao trong nước. Tác phẩm gần đây "Đi tìm nhân vật" đã được in nhưng bị cấm lưu hành.

- Chào Tạ Duy Anh. Tìm anh khó quá, có vẻ như anh chẳng muốn gặp ai? Và nghe nói...

- Về cuốn sách mới của tôi chứ gì? (1) Tôi cũng nghe người ta nói đến mình, và cuốn sách, chẳng hiểu rồi sẽ thế nào? Đúng là tôi ngại "quan hệ" lắm, nhưng nếu đã là bạn bè thì khó gì. Đạo này bạn làm nhà. Chỗ ở cũ chật quá, 12 ngàn cuốn "Kẹo kéo" ở nhà xuất bản Kim Đồng cho phép tôi "đổi đời". Từ lâu lắm rồi tôi ước ao có một phòng đọc riêng...

- Nhân nói đến chuyện đọc, có người bảo anh đọc nhiều đến nỗi bị sách ám.

- Quyền nói là của mọi người. Những người nghĩ kỹ rồi mới nói thì ít có điều gì đó nên nghe. Còn ý kiến của chị?

- Anh có thích nghe lời nói thật?

- Sự thật là toàn bộ ý nghĩa của ngòi bút có lương tri.

- Tôi nghĩ, chẳng phải chỉ "bị ám" từ Dostoevsky, từ Kinh Thánh, từ E. Remarque, từ Kazanzaki; từ Dummabaze, Garcia Marquez... mà nhiều nữa. Có những câu hệt như trong Quy luật muôn đời, trong Tự do hay là chết... Còn tinh thần của cuốn sách thì ảnh hưởng Anh em nhà Karamazôp, Cái trống thiếc...

- Chị thấy thế à? (Cười hơi giễu).

- Song, những người bạn của tôi bảo chuyện ấy chẳng có gì cần nói, chẳng văn học nào không kế thừa, và kế thừa được như "Đi tìm nhân vật" thì cũng nên lắm.

- (Im lặng).

- Tôi thấy, anh thừa kế được cái ưu việt trong những cuốn sách ấy. Sử dụng nhuần nhuyễn và khá tài tình. Cũng nên nhắc rằng: Đó là những cuốn không dễ đọc, đánh vật cũng không hiểu. Tôi cuộc với anh rằng có "nhà văn nổi tiếng" ở ta còn chưa chạm được tới bìa các cuốn của Đốt, Cột nước, Tân ước. Nói Nhà ca hay Thần học cũng chỉ để khoe mẽ, làm dáng tí thôi, ... Đọc "Đi tìm nhân vật" có được cái cảm giác uống rượu ngon. Thế thì nói ra là để "tri âm" với nhau một tí. Theo chỗ tôi biết anh đã "Bước qua lời nguyện" (2) từ khi mà anh chưa có nỗi cuốn sách của bất kỳ một tác giả tử tế nào của các nền văn học lớn để đọc cơ mà.

- Xin lỗi, dù đây là một lời khen đi nữa. Với tôi, điều quan trọng là cái tác phẩm đó đã viết xong, tôi đã ra khỏi cái cơn sốt của cảm xúc rờn rã bốn tháng. Ngoài ra mọi sự đều vô nghĩa... Đúng, tôi rất ít đọc, không có để mà đọc. Trước 1989 ngoài cái văn học nói dối, được mệnh danh là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa vô cùng đơn điệu ấy tôi không có trong tay một cuốn nào. Sau này tôi nhờ thư viện mới đọc được những tác giả lớn như chị vừa kể.

- Vâng, nhiều người đọc xong ngời luôn dưới cái bóng của sách. Còn anh thì đi xa hơn... Nhân nói đến chuyện ảnh hưởng

những cái bóng, anh có bao giờ định viết phê bình không?

- Từ lâu rồi. Tôi sẽ viết một kiểu riêng, phải độc lập với các "nhà sáng tác". Ý kiến khen chê chính là con mắt của mình.

- Tôi có thể dẫn ra khá nhiều trang viết rất lời cuốn, nhất là cái cách anh xót thương nhân vật "tôi- người cầm bút" và cái nghề ấy. Nhưng thích nhất câu ở trang 304 trong ngoặc kép "Khi người làm chứng đã ngủ tít thò lò thì ai là người thấp sáng lên chân lý" (của Tân Ước). Nó làm cho tôi xấu hổ. Vâng, dù chẳng ai đặt cho tôi cái vị trí người làm chứng nhưng tôi thì "đu mắt đu tai" nên không thể không vợ vào.

- Điều ấy nung nấu tôi. Nhưng chỉ có thể thôi sao? (cười).

- Từ trang 195 đến 230 nữa. Rất lời cuốn... Nhưng kể ra thì nhiều quá... "Đi tìm nhân vật" có nhắc lại mấy cái truyện cổ tích, trừ cái truyện cuối cùng "Mỵ Châu & Trọng Thủy" (bởi vì tôi cũng nghĩ có đại trai mới là đàn bà đáng giá, có chết vì tình mới đạt đến độ nhân bản, nên đương nhiên là tôi không thích cái cách người đời cứ trách những nhân vật đàn bà vì tình quên... trách nhiệm cao cả) và truyện Tấm Cám. Cô Tấm trả thù "ngoạn mục" chẳng những là cái vấp phải tinh thần Kitô giáo mà còn bị lòng nhân đạo dị ứng. Còn lại hai truyện kia, xin hỏi anh: Nếu ở địa vị con nhà nghèo, thân thể lại yếu, vị thế lại kém mà phải thi đấu với một đối thủ có cơ bắp hơn, nhiều của hơn, nếu anh không "lật sập đối phương bằng mưu mẹo" thì dùng gì?

- Người đứng đắn không lừa đảo kiểu ấy.

- Anh muốn đổi thay? Làm sao có thể đổi thay được cái đặc thù trong tâm lý ngàn đời của một dân tộc? Của một đất nước với khí hậu, địa lý, lịch sử đặc biệt? Anh không nghe chuyện châu Á này đều sắp hóa rồng?

- Ô. Xin đừng lạc quan, có thể hóa một loài nào đó nhưng không phải rồng.

- Vậy là... không khoan nhượng?

- Nhất quyết phải đổi. Tự phản tỉnh những lạc quan không cơ sở mới là cách tốt nhất để "Phát triển bền vững".

- Và anh đã viết với quyết tâm ấy? Có lấy nguyên liệu từ nỗi đau cá nhân cụ thể nào không hay từ một quan sát rộng?

- Vâng, từ những chi tiết xảy ra giữa gia đình tôi với xã hội. Điều này ở "Bước qua lời nguyện" tôi đã mô tả một phần. Nhưng chỉ mượn hình mà dựng bóng. Xung quanh tôi đầy rẫy nỗi đau, hoặc tương tự hoặc khác biệt...

- Với thi pháp riêng anh đã tìm ra nhân vật, hình như là "hắn" lại hình như là "tôi" nguyên nhân của mọi nguyên nhân ấy chưa?

- Rồi. Đó là nỗi "sợ". Tinh thần bị tan rã, thối rữa cũng bởi nó - nỗi sợ. Tất cả đều sợ. Từ thượng tầng kiến trúc đến hạ tầng cơ sở. Nỗi sợ thường trực, lúc thì mơ hồ lúc thì sờ thấy. Nó, nỗi sợ ấy biến hóa, lúc là kẻ điều khiển các cỗ máy lúc là nạn nhân của cỗ máy đó.

- Có phải lúc đầu tên sách là: "Sợ"?

- Khởi thủy là "Đi tìm nhân vật", nhưng viết xong, để một năm vẫn chưa in được, chợt nhìn trên giá thấy cuốn "Đi tìm thời gian đã mất" của M. Proust, mà tôi không muốn giống ông ta dù chỉ là một chữ, thế là tôi đổi. Nhưng "Sợ" đã phiêu du qua mấy "Nhà" từ 1998 mà chẳng nơi nào nhận, "Sợ" đã ám ảnh tất cả. Cho đến lúc có người cao tay ấn. Người ấy bảo tôi "Ông việc gì phải sợ, ông đã từng định: 'Đi tìm nhân vật'

thì cứ thế mà làm. Proust là Proust, ông là ông". Quả là số phận.

- Anh cho rằng mọi tha hóa bắt đầu từ nỗi sợ ?

- Đúng thế.

- Có một câu : "Thôi đừng hát ru, thôi đừng phiêu lãng". Nhiều người cho rằng tha hóa và suy đồi còn bắt đầu ở cả sự tự ru, tự phong anh hùng một cách... phiêu lãng đấy chứ?

- Thì tự chung cũng chỉ là một, kẻ yếu thì hay tự thổi phồng mình lên.

- Theo anh, có thể tin vào sự giáo dục à ? Mà giáo dục thì người ta thường có thủ pháp "mỹ hóa sự thật"?

- Giáo dục có sức mạnh gột rửa nếu loại trừ được "nghệ thuật làm đẹp" từ nguyên liệu sâu mọt. Phải phơi bày, lật ngửa cái xấu ra mới thấy cái đẹp chân thật. Tôi muốn thay đổi triệt để cách tư duy đang tồn tại trong chúng ta.

- Phải sống trong ngôi nhà có lối kiến trúc chiều dọc hết sức tăm tối quả là điều tệ hại nhưng thực lòng tôi cũng kinh hãi một cuộc đại cách mạng văn hóa.

- Nhưng... "Tám Cám" chẳng là dị bản của một cuộc cải cách là gì ?

- Nhiều người vẫn bảo nhắc lại quá khứ chính là bắn đại bác vào nó. Anh không ngại à ?

- Những ai ? Tôi chắc đó chỉ là nguy hiểm của những kẻ đã quá già... Thối rữa đâu chỉ bắt đầu từ vài chục năm nay... Những người có độ tuổi ấy phải cảm ơn tôi mới phải, tôi chỉ đích danh những tính xấu của chúng ta, trong đó có cả tôi. Tôi có nói riêng ai đâu. Nó được hình thành từ lâu rồi, từ cả những chuyện cổ tích mà tôi nhắc đến ấy.

- Tiềm thức, thói quen... là thứ rất khó điều chỉnh.

- Tôi không dám nói mình hiểu người Nhật nhưng tôi thích cái cách nhìn thẳng vào sự thật bằng sự chân thành. Tôi thấy rằng sở dĩ người Nhật đã không biến thành súc vật khi họ tiến những bước rất dài và rất nhanh từ man rợ sang văn minh bởi cái văn hóa biết mình và biết hối hận trước những quá khứ sai lầm.

- Song Nhật là xứ sở của công nghệ, tôi cũng kinh hãi những cơn lốc máy móc. Đó là cha đẻ của thói vô nhân. Khó có thể hiểu được những cuộc tự chết (đi vào rừng và không trở ra) của người già Nhật Bản. Tôi cho rằng nền công nghiệp vô nhân đã đẩy họ vào cảnh tự diệt kinh khủng ấy.

- Tôi có một kinh nghiệm cá nhân. Khi ấy, tôi ốm nặng, cảm giác cái chết gần kề. Tôi thấy chết là phải rồi, nếu sống mà vợ phải nuôi còn bản thân thì không biết làm gì để khỏi tan rữa thì chết là hơn. Sau này thấy cách tìm cái chết của người Nhật già tôi bỗng hiểu ra, cái chết cũng nhẹ nhàng thanh thản lắm. Chính cái cách chôn con trẻ để nuôi người già của chúng ta mới đáng bận tâm... Phải nhìn thẳng vào sự thật : Bất trắc và thối rữa. Tôi hoan nghênh "Cái trống thiếc" ở chỗ này, từ đó tinh thần các quốc gia được phục hồi, xã hội gượng dậy theo hướng nhân văn hơn hẳn.

- Song sự thật rất dễ mất lòng. Và đây nguy hiểm.

- Lại sợ chứ gì ? Chẳng lẽ để mãi cái tình trạng kiến trúc chiều dọc hết sức tăm tối và ngột ngạt ? Tôi không chịu được, nhiều người không chịu được. Tôi chẳng có gì để mất, và lại nếu có thì tôi cũng thà mất còn hơn là sống giả dối...

- Anh có sử dụng email chứ ?

- Muốn mất rồi. Đấy. Tôi và thế hệ của tôi sắp mất trắng

đến nơi rồi tất cả những cơ hội ấy. Bọn tôi phải chia thời gian ra làm nhiều mảnh, một mảnh lớn cho nghèo đói và chiến tranh...

- Nhưng bây giờ máy tính là cái rất sẵn.

- Nhưng có cái sẵn hơn mà tôi còn chưa có. Nếu không có tiền của cuốn "Kẹo kéo" thì cái buồng để đọc sách tôi còn không có cơ mà.

- Tóm lại, anh cho là mình đã già ? Người ta bảo người già là một khối hồi ức và cảm hờn ?

- Phải. Nhưng người nào còn biết xấu hổ, người ấy chưa già lắm. Tôi ít nhất còn biết xấu hổ trước một thế giới tiến bộ và văn hóa.

- Có ai đó mới viết về văn hóa từ chức. Mà nhân vật của anh thì bảo "với báo chí chỉ đọc cái tit thôi cũng đã là hạ mình" ? Anh có vẻ không ưa đọc báo ? Thế mà lại biết tự từ chức nhỉ.

- Tôi ít đọc báo thật. Tôi thấy suy ngẫm hiệu quả hơn. Và lại, có chức gì đâu mà từ, tôi chỉ từ bỏ mọi cuộc trò chuyện, đối thoại giả dối thôi.

- Trong truyện của anh 100% nhân vật không dám tiếp cận sự thật. Cái tay "tôi nhà báo" ấy phải đi điều tra để viết, vậy mà cách sự thật một vạn kilômét đã run lên cầm cập.

- Phải. Điều đó thật ghê tởm. Ở ta, làm cái gì cũng được miễn là đừng chạm đến sự thật. Điều đó sản sinh ra loại người cam và điếc không do bẩm sinh. Im lặng cũng là một kiểu tránh né sự thật nhưng nói to và những cái "tit to" để nói sai về sự thật thì một ngàn lần đáng ghê tởm hơn.

- Bây giờ cuốn sách của anh có số phận thế nào ?

- Tôi không rõ, nghe nói họ đang bàn ?

- Là thật. Là tôi, tôi cứ để thoải mái. Tôi khỏe thì việc quái gì tôi phải sợ anh ? Dân gian vẫn nói : "Chính khí tồn nội, tà bất khả can" (Cơ thể khỏe vì trùng không can thiệp được). Ô! Té ra người sợ lại không phải là anh à ?

- Hình như thế : Ai nấy đều sợ.

- Cuối cùng thì phải nói với anh rằng, tôi đọc "Đi tìm nhân vật" bằng một bản phô-tô, chẳng lẽ anh không nỡ "để nguyên giá" cho tôi một cuốn ? Tôi thích cái tủ sách của tôi có một cuốn đủ bìa. Mặc dù nhắc lại rằng tôi đã có và đã đọc đến mức có thể đọc lại nhiều trang không cần giấy, những cuốn mà chữ của họ được anh dùng lại "hơi bị nhiều".

- Tôi cũng chưa có một cuốn nào trong tay. Có thì dù chỉ là cái người... sẫm soi... hơi bị kỹ thế này tôi cũng sợ gì mà không bán cho một quyển.

- Chẳng lẽ, cuốn sách bị cấm thật sao ?

- Tôi đã nói viết xong là xong, còn lại để cho số phận được tự do làm bốn phận.

- Cảm ơn Tạ Duy Anh. Đúng là anh cũng hơi diên diên như Đốt vậy. Nhưng tôi cũng diên không kém vì đi trò chuyện với anh. Cái bài tôi sẽ thực hiện này chắc gì được in, và rồi sẽ tôi mất nhuận bút. Điều mà tôi ham hơn cả đấy.

Người thực hiện *Trần Thị Trường*

© Talawas 2002 (13-10-2002)

Chú thích :

(1) *Đi tìm nhân vật*, tiểu thuyết của Tạ Duy Anh, nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội 2002, hiện bị đình chỉ phát hành.

(2) *Bước qua lời nguyện*, truyện ngắn của Tạ Duy Anh, đăng lần đầu trên Văn Nghệ, Hà Nội 1989.

À... RA THẾ ĐẤY !

Kỳ trước, người phụ trách mục này đã trình bày cơ sở chế độ pháp quyền ở nước Việt Nam ta mà biểu tượng (*thực xứng đáng, thích hợp*) là **quả đấm xã hội chủ nghĩa**. Có thể quý vị độc giả không am tường cuộc sống ở Việt Nam, chưa nắm vững sự chuyển vận của guồng máy pháp quyền đó. Vậy mời quý vị điếm qua sự việc thời sự nóng hổi : trái đấm vừa giáng một đòn nặng xuống Anh Lê Chí Quang ở thủ đô Hà Nội.

Trước hết, "tội" của Anh Lê Chí Quang là gì ? Đó là dám có ý kiến phản đối chính sách, đường lối, hành động của nhà đương quyền, nói chung là của đảng, của nhà nước. Thời vua chúa ngày xưa tất bị khép tội khi quân, sẽ bị chém đầu cả ba họ (nội, ngoại, vợ). Dưới chế độ được hiện đại hóa gọi là dân chủ định hướng xã hội chủ nghĩa (*dân chủ tập trung - đặc sệt một khối - nên dân chủ gắp trăm lần hơn "dân chủ tư sản" - thực mà*) chỉ một mình anh bị bắt và đem xử tội. Trong nền quân chủ, tội khi quân thuộc về thẩm quyền Bộ Hình. Chế độ "phong kiến đổi mới" cũng chẳng khác, dùng bộ Luật Hình sự qui tội về tư tưởng hay chính kiến, đồng bộ với tội trộm cướp, giết người, v.v. (*trừ cướp chính quyền, thủ tiêu phản động như đảng ta thuộc loại công lao cách mạng, không thể nhầm lẫn*). Tuy xếp loại hình vụ, Bộ Tư pháp không giữ vai trò gì đáng kể trong tiến trình xử tội Anh Lê Chí Quang. Bóng dáng bộ này hết sức mờ nhạt chẳng khác luật pháp theo nghĩa thông dụng. Mặc dù có trong thành phần chính phủ, Bộ trưởng Tư pháp là người duy nhất không ở cấp ủy viên trung ương đảng (*chỉ dấu minh bạch mức độ quan hệ và sự nể trọng dành cho pháp luật*). Cơ quan có khả năng và thẩm quyền bao trùm cả bộ với lãnh vực tư pháp là Bộ Công An ; bộ trưởng là một ủy viên Bộ Chính trị, cơ cấu tối thượng của chế độ (*bực "cửu trùng dân chủ", ngự - thường nghe nói là ngòi xổm - trên pháp luật*).

Ngay bước đầu, vụ Lê Chí Quang đã có tình tiết đặc biệt. Anh bị hãng FPT, một tổ chức kinh doanh dịch vụ Internet, tố cáo với Bộ Công an. Như thế, nhiệm vụ tay sai chỉ điểm nhằm ngăn chặn mọi hành động phản kháng đã giao cả cho các hãng thương mại, quốc doanh và tư doanh. Hãng FPT (*một đặc sản kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*) phụ tá tận tình và đặc lực cho "bức tường lửa" (*công cụ kiểm duyệt mạng lưới truyền thông*) bằng cách thay thế công an đọc lén e-mail của khách hàng ; báo cáo những thư "có vấn đề" ; ai gửi, ai nhận ; dùng hộp thư nào, địa điểm nào.

Công an đã bắt anh Quang khi anh đến tiệm nối mạng quen mượn máy để gửi thư. Họ khám nhà, rồi giữ anh để "đấu tranh" (*nguyên văn cáo trạng*) từ 21-2 đến cuối tháng 10-2002 ; biệt giam ; không cho ai tiếp xúc với anh. Thủ tục này cốt để bảo vệ anh (*thực mà*), cho khỏi bị xúi giục: "*từ năm 2000, Lê Chí Quang thường xuyên nghe đài RFI, BBC... với những nội dung bôi nhọ, xuyên tạc, nhằm chống Nhà nước Việt Nam*" (nguyên văn cáo trạng). Ra rả nói xấu chế độ ta như thế, tội nặng hơn Lê Chí Quang nữa, mà Nhà

nước rộng lượng, chưa thêm nhờ Interpol - Viện Cảnh sát Quốc tế - bắt giữ , dẫn độ các giám đốc, ký giả mấy đài "phản động" đó để trừng phạt mà thôi (*hú vía cho họ*).

Sau Bộ Công an đến Viện Kiểm sát Nhân dân (*hiểu là Kiểm VÀ Sát - điếm mặt và điếm bỏ - thì cũng đúng thôi*) nếu Bộ Chính trị bật đèn xanh (*theo vụ việc, tỉ dụ vụ Lê Chí Quang*), đảm nhiệm lập cáo trạng, phụ trách truy tố trước tòa. Cuối cùng, sự chỉ định thẩm phán, ngày xử, bản án, đều do "trên" ấn định (*gia đình và bạn bè cùng dư luận Hà Nội biết trước là Lê Chí Quang sẽ bị xử 4 năm tù và vài năm quản chế*). Vì mọi sự an bài rồi nên chánh án nước ta không cần rành luật pháp, thủ tục tranh tụng, không cần có lương tâm chức nghiệp (*lương tâm là gì ? có trong tư tưởng Hồ Chí Minh hay đảng qui không đã ? có bán ra cây - vàng - ra kim - USD - chăng ?*). Tiêu chuẩn đòi hỏi chỉ là giỏi đóng kịch : có thể giả tảng như chăm chú nghe cáo trạng với biện hộ trong lúc tha hồ ngủ gà (*miễn là đừng ngáy to lộ liễu quá*). Phải lấy bộ mặt nghiêm chỉnh phù hợp khi tuyên phán quyết (*nếu trí nhớ kém, cứ việc mang bản án đã được trao, ra đọc thì chắc ăn*).

Kỳ này, tấn tồng xử án có thêm một màn phụ nổi đình đám. Anh Lê Chí Quang, dù thần trí không tỉnh táo do tài nghệ thẩm vấn "khoa học" (*chuyên ngành hóa học*) của công an, khi được lên tiếng, vẫn còn đủ sức nói rành mạch : "tôi không có tội" mặc dù cáo trạng trình bày là bị can hối lộ và nhận tội. Không sao cả, đã dự phòng rồi. Một trong hai thầy cãi - ông Ngô Ngọc Thủy (*tiến sĩ dõm, theo nguồn tin giới luật học*) - vẫn tất và thành khẩn "bào chữa" rằng "bị can có tội, xin tòa khoan hồng". Thế là tòa có đầy đủ bằng chứng để đọc bản án trong tay. Như thường lệ, không có gì lạ (*rien de nouveau...*) ; mọi sự diễn tiến tốt đẹp nhất trong thế giới hay ho nhất (*tout est pour le mieux dans le meilleur des mondes...*).

Gia đình Anh Lê Chí Quang và dư luận lúc đó mới ngã ngửa. Thoạt tiên, ông Thủy hăng hái vỗ ngực đứng ra biện hộ khiến ai nấy vừa ngạc nhiên vừa cảm kích. Bất thần ông xin rút lui. Gia đình chưa kịp phản ứng thì ông lại xin tiếp tục. Mọi người lầm tưởng ông bị áp lực (*bởi ai, xin khỏi nói cho thừa thãi*) sợ sệt muốn bỏ cuộc, nhưng rồi nghĩ đến thể diện ở trường Luật (*chủ nhiệm khoa tư pháp !*), đành miễn cưỡng theo đuổi việc ông chót xin gánh vác. Cho nên không nghi ngờ nhiều : ít ra ông sẽ làm trọn nhiệm vụ, phụ lực cho vị luật sư thứ nhất - ông Đàm Văn Hiếu, cao tuổi, tai nghe không rõ nên có thể sơ hở. Vả chẳng số thù kim (mấy triệu bạc) phải trả gia đình đã nạp rồi. Té ra ông Thủy chỉ ở lại vì được giao phó vai trò "nhận tội".

Người ta có thể chê trách ông Thủy muối mặt phản thù, quên lương tâm chức nghiệp (*có đâu mà quên ? xin coi ở đoạn trên*) tiếp tay với nhà nước bỏ tù thân chủ. Duy người viết khâm phục ông (*thực mà*) đúng là phần tử tiêu biểu cho xã hội chủ nghĩa đương đại : rất thực tế, tiền (*không cần phân biệt xuất xứ*) nghiêm nhiên bỏ túi rủng rỉnh, còn cộng thêm cơ hội lập thành tích công trạng để hy vọng đảng cho leo cao, rất cao, tới những vị trí bất buộc da mặt dày - dày cộm - để không bao giờ đổ mặt.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

NHỮNG KẺ ANH HÙNG

"Chữ rằng kiến nghĩa bất vi
Làm người như thế cũng phi anh hùng"...

Đó là lời ông đồ Nguyễn Đình Chiểu kể chuyện người anh hùng Lục Vân Tiên đời Tây Minh lúc ra tay cứu nàng Kiều Nguyệt Nga. Cụ Chiểu sống vào đời Nguyễn mạt. Lúc đó đất nước ta cần anh hùng và anh hùng chúng ta đã có. Từ vua đến dân : Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, Nguyễn Thái Học, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Cô Giang, Cô Bắc v.v... Có ai mà không ngưỡng mộ một anh hùng?

Vụ khủng bố tại hòn đảo du lịch Bali nằm trong vùng biển Nam Dương vào tháng 10 năm 2002 đã cướp đi hơn 200 mạng người. Kinh hoàng thật, đáng tởm thật nhưng bên cạnh đó chúng ta chứng kiến những hành động phi thường của những con người bình thường. Trong phút chốc họ đã trở nên anh hùng. Họ quên đi an toàn bản thân để cứu người khác. Có rất nhiều người anh hùng này chúng ta không biết tên vì chính họ đã chết theo những người lạ mà họ nhảy vào để cứu.

Hôm thứ hai 21-10-2002 một vụ tàn sát gây thương vong xảy ra tại Đại học Monash, Australia. Giáo sư Lee Gordon Brown, dù đã bị bắn, vẫn liều mạng cùng với một sinh viên trong lớp học của ông, là anh Alistair Boast, vật lộn với tên sát nhân trang bị 4 cây súng để ngăn chặn một cuộc tẩm máu đang diễn ra.

Cuộc khủng bố tàn khốc ngày 11-9-2001 tại New York đã nêu cao những hành động phi thường của nhiều người trong đó có hơn 300 người cứu hỏa chết trong lúc đang lo cứu người khác.

Tại sao ở cùng hoàn cảnh, một số người quá sợ hãi nên trở nên bất động và phớt lờ. Một số khác bỏ chạy và một số khác lại lăn xả vào cứu kẻ khác quên cả an toàn bản thân? Vì rằng họ là Anh Hùng! Ông bà chúng ta dạy khôn rằng: "Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau". Thế nhưng vẫn phải có người đi đầu tiên và kẻ đi sau chót. Những người đó thường được chúng ta ca ngợi.

Charles Darwin đưa ra "thuyết tiến hóa" (the theory of evolution). Theo ông thì sinh vật nào khôn nhất, khỏe nhất sẽ tiếp tục sinh tồn và phát triển - cá lớn nuốt cá bé, dẫm lên nhau để tranh sống (survival of the fittest). Thế nhưng hành động "Anh Hùng" trong nghịch cảnh thật đã ra ngoài thuyết Darwin. Hành động anh hùng không giúp gia tăng cơ hội sinh tồn mà là ngược lại.

Hoàng gia và chính phủ nước Úc có truyền thống mang huân chương, mề đai Hiệp sĩ phong cho những người hùng bất đắc dĩ trong một hoàn cảnh hiểm nghèo đã tỏ ra gan dạ phi thường. Nhưng có một điều chắc chắn là không ai có hành động anh hùng lại vì muốn có huân chương mà làm như vậy. Sau này khi phỏng vấn những "anh hùng" lúc mọi chuyện đã qua, đa số đều không cho rằng mình anh hùng, họ vẫn bị xúc động, vẫn khóc, vẫn bị xáo trộn và ở một hoàn cảnh khác có thể họ không tỏ ra anh hùng. Nhưng ở mỗi con người chúng ta, có một giây phút để "nổi

Đôi nét về cộng đồng

Người Việt Bắc Carolina

Nói rằng sinh hoạt cộng đồng của người Việt tại Mỹ rất phong phú và có phần phức tạp là một nhận xét rất huề vốn. Viết thật đầy đủ về tính đa dạng này lại là một vấn đề khác; nó chắc chắn phải đòi hỏi ở người viết một sự đầu tư nghiêm chỉnh về thời gian lẫn công sức.

Hơn mười năm cư ngụ tại tiểu bang Bắc Carolina là một khoảng thời gian không dài để một ai có thể hiểu hết về mọi sinh hoạt của người Việt tại địa phương. Những khái quát dưới đây, tuy vậy, lại được viết ra từ góc độ của người có chút tham gia đóng góp cho công việc cộng đồng, nên không thể tránh được tính chủ quan.

Về mặt địa lý, Bắc Carolina nằm ở phía đông-nam nước Mỹ. Kể từ những năm đầu của thập niên 70, Bắc Carolina - địa danh của bãi chiến trường cuối cùng trong cuộc nội chiến lịch sử nước Mỹ - đã dang tay đón nhận những người Việt đầu tiên đến định cư. Tiếp sau đó, ba đợt sóng tị nạn người Việt của 1975, những năm đầu thập niên 80 và 90 đã làm gia tăng nhanh chóng số cư dân gốc Việt ở tiểu bang này. Đồng bào sắc tộc thiểu số miền cao, đặc biệt là đợt tị nạn sau vụ biểu tình lớn ở Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam vào hồi tháng 2 năm 2001, cũng hầu hết tập trung ở cả hai tiểu bang Bắc và Nam Carolina.

So với hai trung tâm người Việt kế cận Washington

máu anh hùng".

Nếu thuyết tiến hóa dành quyền sinh tồn cho kẻ mạnh nhất, khôn nhất đúng hoàn toàn thì chúng ta không có một anh hùng nào cả. Những chàng trai trẻ được chế độ cộng sản ưu đãi như các anh: nhà báo Nguyễn Vũ Bình, luật sư Lê Chí Quang, bác sĩ Phạm Hồng Sơn và Nguyễn Khắc Toàn đã quên đi an toàn cá nhân để mạnh dạn tranh đấu cho người khác. Các anh có hành động phi thường - và ra ngoài thuyết Darwin.

Chế độ Hà Nội đã thẳng tay đàn áp những người trẻ nói trên vì chế độ này sợ. Sự sợ hãi của những kẻ không phải anh hùng. Hành động của Hà Nội giống y hệt như cảnh những người bị kẹt trong cuộc xô xát vì tranh nhau coi đá banh (đá bóng) tại Anh Quốc. Có những người dẫm lên đầu người khác để chạy thoát thân. Chế độ Hà Nội đang có những hành động tương tự để tự cứu lấy bản thân của họ. Họ sợ hãi thấy rõ.

Bất cứ ở đâu, xã hội nào con người cũng cần có anh hùng. Những hành động phi thường vị tha ngoại lệ là những lời trấn an, có tác động xoa dịu như tiếng hát à ơi. Giữa biết bao xáo trộn kinh hoàng dồn dập vẫn có những tấm lòng vàng. Giữa những cuộc khủng bố tại New York, Bali, và cuộc khủng bố Nhóm Dân Chủ của chế độ Hà Nội, chúng ta thấy những viên kim cương sáng ngời, kết tinh của những hành động anh hùng ngoại lệ. Chung quanh ta vẫn có những anh hùng. Anh hùng của hôm nay và anh hùng của ngày mai.

Và Thanh Liêm
(Narre Warren, Úc)

DC và Atlanta, không khí sinh hoạt chung của cộng đồng người Việt ở Bắc Carolina có phần ít náo nhiệt hơn. Theo dữ liệu của thống kê dân số năm 2000 thì cộng đồng người Việt Bắc Carolina có được sự hiện diện khá quân bình của cả nam lẫn nữ (8.821 nam, 8.321 nữ). Thật ra thì con số thống kê này chỉ phản ánh được khoảng trên 50% của con số thực sự. Một dẫn chứng điển hình của sự sai biệt này là dữ liệu thống kê dân số năm 2000 cho biết chỉ có khoảng một triệu một người Việt sống ở Mỹ ; song trên thực tế, hai triệu mới là con số tương đối chính xác được mọi người biết tới.

Trong hơn 17.000 người Việt sinh sống tại tiểu bang này (số liệu thống kê), sự phân phối của các độ tuổi (29,5% dưới 18 tuổi ; 11,8% từ 18 đến 24 tuổi ; 36,8% từ 25 đến 44 tuổi; 18,5% từ 45 đến 64 tuổi ; và 3,4% trên 65 tuổi) cho thấy người gốc Việt ở đây thuộc vào thành phần dân số trẻ (3,4% người Việt trên 65 tuổi so với 12% trên 65 tuổi của toàn tiểu bang). Với 67.1% thuộc độ tuổi từ 18 đến 64, nguồn nhân lực lao động người Mỹ gốc Việt này - với những đức tính chịu khó, cần mẫn có sẵn - tự nó đã là một nguồn lợi nhuận hấp dẫn cho các hãng xưởng địa phương nói riêng.

Những con số thống kê chính xác về sự phân loại trong hoạt động ngành nghề không được tìm thấy. Theo quan sát cá nhân thì những công việc không bắt đầu từ mức lương tối thiểu (được quy định bởi chính quyền liên bang) phần lớn rơi vào độ tuổi từ 25 đến 44. Bên cạnh những sinh hoạt thương mại của người Việt trong các khu tiểu thương khá sầm uất, đa số trong lứa tuổi lao động từ 18 đến 64 là công nhân dây chuyền ; hàng rào ngôn ngữ vẫn còn là một trở ngại tiến thân cho hầu hết những người lớn tuổi mới đến định cư.

Điểm cần ghi nhận đó là có gần bảy mươi một phần trăm (70.7%) gia đình người Việt ở đây sở hữu nhà riêng; điều này được chính quyền địa phương đánh giá là người Việt ổn định nhanh chóng đời sống, nếu không muốn nói là sự thành công trên một chừng mực nào đó, so với các cộng đồng sắc dân khác đến định cư trong cùng khoảng thời gian.

Sinh hoạt xã hội của người Việt ở đây phần lớn giới hạn vào khuôn khổ của từng tôn giáo. Sinh hoạt cộng đồng hải ngoại nói chung, ở địa phương này nói riêng, không được quần chúng quan tâm đến nhiều, do những giới hạn của khuôn mẫu xơ cứng thường thấy trong gần ba mươi năm qua. Thái độ thờ ơ ngay cả với đời sống chính trị xứ Mỹ (mainstream politics) là hệ quả không tránh khỏi của tâm lý thụ động, tự cô lập của tập thể người Việt mà sự trì trệ trong mô thức làm việc cộng đồng là một trong những nguyên nhân lớn.

Trông mong vào một tập thể, sẵn sàng phó mặc ngay cả nhu cầu tranh đấu cho quyền lợi của chính bản thân mình, để giải quyết những vấn đề của đất nước - luôn là gánh nặng và tai họa đối với họ - là một suy tính hơi quá lạc quan.

Nguyễn Vinh An
(Charlotte, North Carolina, Hoa Kỳ)



BÀI THƠ NHỎ

Khi xe quay vòng vòng bay từ xa lộ này qua xa lộ kia gần nhà em

Tôi còn sống biết đời này rất ngắn

Thứ hai thức dậy-nghe em-tiếng chim đầu ngày-và nhìn ngoài kia nắng

Tôi nhủ lòng hãy thương đời này như ngày em thương tôi

Tôi nhủ lòng cố sống cho-trọn- vẹn thôi

Cần nói-phải nói-đi bằng chân đầu có mồi

Tôi nhủ lòng-ngày thương em-đó đây xa-làm sao với

Sáng đứng nhìn trời rồi nhìn đất chơi vui

Tôi nhủ lòng-coi chuyện thiên hạ-là chuyện thiên hạ thôi

Nhưng đã buồn buồn nghe tin người bị bắn

Khi xe hết quay vòng vòng đời chúng ta rất ngắn

Nên làm bài thơ chờ đi làm tặng em và san sẻ đời vui

Tôi còn mẹ già hơn tám mươi cũng cố bám đời thôi

Dầu cội rẽ thì xa như quê nhà bằng bạc

Nhưng mắt và tai vẫn sống

Chẳng chủ nghĩa gì sóng động trường giang

Mà mơ ruộng vàng lúa chín

Quê hương mình thanh bình không súng nhắm vào nhau

Và tôi còn em-gặp muộn-thuở thương nhau

Cho biết-chúng ta chỉ giàu-khi trái tim sung túc

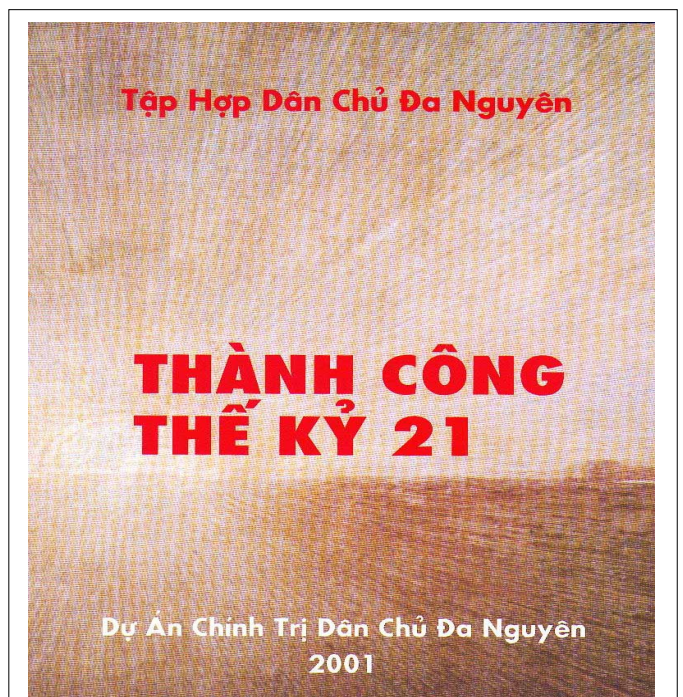
Và ngày mai-thơ khuất phục

Súng ống vệ đường vì thơ là máu tim nhỏ vào tay

Tôi làm bài thơ-gửi em-gửi bè bạn-vui thay

Tin trên "net": Sáng nay có người bị bắn .

N. N. A.
28.10.2002



Thư độc giả

VỀ HỘI GIÁO VÀ THIÊN CHÚA GIÁO

Tôi có đọc bài của anh Nguyễn Gia Kiểng, trong *Thông Luận* số tháng 9 vừa rồi, về tình trạng của Thiên Chúa giáo và Hội giáo. Tôi rất đồng ý với anh về thời đại huy hoàng của Hội giáo, những đóng góp của họ về mặt khoa học, triết lý, văn chương và đạo đức cho nhân loại trong quá khứ cũng như tình trạng khó khăn của họ trong hiện tại.

Tôi cũng rất đồng ý với anh về sự bê bối của hàng giáo phẩm Công giáo, kể cả các giáo hoàng, trong thời Trung cổ và Phục hưng, chính sách đàn áp và khủng bố dân Do thái ở Âu châu trong thời đó, phong trào Thập tự quân và thái độ bất bao dung đối với các giáo phái Tin lành cho đến một ngày rất gần đây. Đó là những vết dơ khó rửa sạch của giáo hội Công giáo. Những người Công giáo thật sự có thiện tâm chỉ có thể có một thái độ về những lỗi lầm đó của giáo hội mình là thành tâm xin lỗi với những nhóm người mà giáo hội mình đã đối xử tàn tệ, và ăn năn trước tòa Thiên Chúa để xin Thiên Chúa tha thứ cho những lỗi lầm tày trời của giáo hội mình.

Tuy nhiên, nếu xét về một vài phương diện khác, giáo hội Công giáo và Thiên Chúa giáo nói chung, không phải không có những hoạt động có ích cho nhân loại. Thứ nhất, tôi nghĩ rằng Thiên Chúa giáo đã đem lại cho Âu châu một nhân sinh quan nhân đạo và bình đẳng hơn văn hóa Hy Lạp và La Mã. Cho mãi tới thời kỳ Phục hưng, các tu viện là nơi tàng trữ duy nhất kiến thức ở đó ngoài các cộng đồng Do thái.

Về phương diện giáo dục, các trường học đầu tiên cũng do các dòng tu hay các tu viện tổ chức. Các nữ tu và nam tu sĩ Công giáo cũng đi tiên phong trong các công việc bác ái như mở các nhà thương, các viện mồ côi, các trại tế bần v.v. Lẽ cố nhiên khi phong trào Tin lành được thành lập họ cũng tích cực hoạt động về mọi mặt văn hóa và xã hội. Hiện nay, ngoài việc truyền giáo, mà ta có thể cho là tốt hay xấu tùy theo quan điểm của mỗi người, các giáo hội Thiên Chúa giáo (Tin lành và Công giáo) có mặt khắp mọi nơi để giúp đỡ người nghèo, săn sóc người đau ốm, dạy dỗ các trẻ em nghèo bị thất học. Sự hy sinh của họ để phục vụ nhân loại trong những hoàn cảnh rất thiếu thốn và nhiều khi rất nguy hiểm, như trường hợp các nữ tu bị mấy nhóm quá khích thiên hữu và thiên tả ám sát trong mấy năm vừa rồi, không phải là không đáng khâm phục.

Lẽ cố nhiên, về sự thịnh suy của Thiên Chúa giáo ở Âu châu anh phải biết rõ hơn chúng tôi ở bên này. Nhưng ở đây tôi thấy sinh hoạt của các giáo hội Thiên Chúa giáo vẫn còn phần thịnh lắm. Các nhà thờ Công giáo thường mỗi cuối tuần có năm lễ, đó là chưa kể lễ hằng ngày mà phần lớn những người tham dự là những người già (tuy nhiên phải nhận rằng số người đi tu càng ngày càng ít). Những nhà thờ Tin lành thường có ít lễ hơn, phần nhiều chỉ có một lễ ngày chủ nhật, nhưng có nhiều nhà thờ cũng có đến ba lễ. Nhưng trái lại tôi có cảm tưởng họ đóng góp cho

các chương trình xã hội nhiều hơn.

Tôi nghĩ cái may mắn của Công giáo là sớm bị áp lực chính trị (chủ nghĩa quốc gia, tư bản ?) tước mọi thế quyền để trở về vị trí thuần túy tôn giáo và đạo đức của mình nên không có cơ hội để tham nhũng và trụy lạc nữa, mặc dù nhiều khi vẫn còn những vụ lợi dụng uy quyền để làm bậy như mọi người đều biết. Nhưng nay thì giáo hội Công giáo không còn cái thế cả vú lấp miệng em nữa, mà phải trả lời trước dư luận và, nếu cần, trước tòa án như mọi thành viên khác trong xã hội.

Cũng như các anh, chúng tôi cho rằng văn minh Hội giáo đã có những đóng góp rất quan trọng cho nhân loại. Chỉ tiếc là hiện nay khối Hội giáo Ả rập không chịu hòa nhập vào sinh hoạt chung của thời hiện đại mà cứ ăm ứ vì cho rằng bị Tây phương lấn lướt. Chỉ mong sao họ sớm tỉnh ngộ, tham gia vào sự sinh hoạt của toàn cầu để lấy lại cái địa vị mà họ đáng được hưởng.

Nguyễn Văn Mừng (Champaign, Hoa Kỳ)

NÓI THÊM VỀ LUẬT SƯ NGÔ NGỌC THỦY

Vừa qua các web site của quý báo có đưa thông tin về luật sư Ngô Ngọc Thủy trong vụ Lê Chí Quang là tiến sĩ luật, trưởng khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Là một cựu sinh viên trường Luật Hà Nội, tôi xin cung cấp thông tin về ông Ngô Ngọc Thủy để điều chỉnh lại.

Thứ nhất, ông Ngô Ngọc Thủy là chủ nhiệm khoa Tư pháp Đại học Luật Hà Nội (chứ không phải Đại học Tổng hợp). Ở trường, ông có tên tục là "Thủy râu" (vì bộ râu của ông ta).

Thứ hai, ở trường Luật không ai không biết ông Thủy là một tiến sĩ dỏm. Ông này có đi nghiên cứu sinh ngắn hạn ở Nga (nghĩa là phải làm trước luận văn ở trong nước và sang thực tập trong thời gian ngắn để bảo vệ luận văn tại nước bạn), tuy nhiên khi ông Thủy về nước thì không hề thấy mang bằng cấp gì về cả cho nên có thể nói học sĩ tiến sĩ là ông ta "tự phong" thôi. Thiết nghĩ một người không có liêm sỉ khi mạo nhận bằng cấp như vậy thì việc bán rẻ danh dự nghề nghiệp trong phiên tòa là chuyện bình thường. Chúng tôi, những cựu sinh viên Luật và sinh viên trường Luật không cảm thấy ô nhục hay tủi hổ gì cả ; vì ở trường Luật chúng tôi đã biết rõ ông Thủy là ai.

CSV (Trường Luật, Hà Nội)

Yêu cầu tôn trọng độc giả

Là độc giả trung thành của *Thông Luận*, trong số báo vừa qua tôi không thấy đăng tiếp bài viết về người Chăm, mà tôi rất thích vì kiến thức được mở rộng thêm. Yêu cầu tòa soạn tôn trọng độc giả và tiếp tục cho đăng tiếp các bài viết về người Chăm trong các số báo tới.

Huyền Thị Phương Thủy (Vélizy, Pháp)

LTS : Chúng tôi xin nhận lỗi. Trong *Thông Luận* số 164 vừa qua, vì tính cấp bách của vụ án Lê Chí Quang, chúng tôi đã tạm gác lại một kỳ các bài viết về người Chăm.

Thời sự Việt Nam và quốc tế

Lở mãng và ô nhục

Phiên tòa xử Lê Chí Quang đã diễn ra ngày 8-11-2002 và kéo dài từ 8 giờ 30 đến 12 giờ.

Đúng như một nguồn tin từ Viện Kiểm Sát Nhân Dân cho biết từ ba tuần trước, Lê Chí Quang đã bị xử bốn năm tù và ba năm quản chế.

Lê Chí Quang đã được giải đến tòa bằng cổng sau nên không ai thấy được anh trước đó. Gia đình Lê Chí Quang đã đến rất đông đủ, ngoài cha mẹ và em gái còn nhiều thân quyến khác. Các thân hữu của Lê Chí Quang thuộc Nhóm Dân Chủ cũng kéo đến rất đông, số người tụ tập trước cửa phòng xử khoảng 200 người. Các khuôn mặt dân chủ nổi tiếng tại Hà Nội như Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Trần Dũng Tiến đều có mặt.

Mặc dầu vậy, đã chỉ có bà Nguyễn Thị Kim Chung, thân mẫu Lê Chí Quang, được phép vào phòng xử. Bà Kim Chung đã phải phản đối rất mãnh liệt nên ông Lê Văn Bát, cha của Lê Chí Quang, sau cùng mới được vào. Công an viện lý do phòng họp đã hết chỗ để từ chối những người muốn tham dự phiên tòa, kể cả các ký giả nước ngoài (AP, AFP, Dow Jones, FEER, Reuter). Tuy nhiên, theo lời gia đình Lê Chí Quang, phòng xử, với trên 200 chỗ ngồi, còn trống quá 3/4. Ngoài cha và mẹ Lê Chí Quang, tất cả những người khác có mặt trong phòng đều là công an.

Phần nô trước một phiên tòa dàn dựng lộ liễu, nhiều người đã lớn tiếng phản đối. Bà Kim Chung hét lên : "Tân Thủy Hoàng và Hitler cũng không tráo trở như các người. Đồ chó má !". Ông Trần Dũng Tiến, một cựu cảm tử quân, đọc lớn tiếng một bản tuyên ngôn đã soạn sẵn. Ông Nguyễn Thế Đàm hô lớn : "Thằng Trần Đức Lương là thằng bất lực, bất lương !". Hai ông Trần Dũng Tiến và Nguyễn Thế Đàm đã bị bắt chở đến trụ sở công an phường Trần Quốc Toản. Tới 3 giờ chiều ông Nguyễn Thế Đàm được trả tự do. Ông Tiến vẫn còn bị giữ.

Sau phần đọc lý lịch bị can và cáo trạng, luật sư Ngô Ngọc Thủy đã biện hộ đầu tiên. Trước sự ngạc nhiên của ông Bát và bà Kim Chung, ông Thủy đã nhìn nhận Lê Chí Quang có tội và chỉ xin tòa giảm án.

Kế tiếp, đến lượt luật sư Đàm Văn Hiếu biện hộ. Ông Hiếu đã quá già yếu ở tuổi 86 nên chỉ nói sơ lược là bản cáo trạng không đủ yếu tố buộc tội Lê Chí Quang.

Công tố viện đã dựa vào lời luật sư Ngô Ngọc Thủy để nhận định Lê Chí Quang quả nhiên đã phạm tội "tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa" bởi vì chính luật sư bào chữa cho Lê Chí Quang đã nhìn nhận Lê Chí Quang có tội và chỉ xin giảm án. Nhưng công tố viện nhấn mạnh, tội này không có dự trù trường hợp giảm án.

Đến lượt Lê Chí Quang được chất vấn. Lê Chí Quang có mọi triệu chứng của một người đã bị tiêm thuốc an thần. Mệt mỏi và ngơ ngác như người không biết mình đang ở đâu, Lê Chí Quang đã chỉ nhìn nhận có viết những bài tham luận và có liên lạc bằng điện thư với các bạn ở nước ngoài

và chỉ nói được một câu : "nhưng đó là những việc làm hợp pháp", rồi không tập trung tư tưởng nữa. Nhiều lần quan tòa phải nhắc Lê Chí Quang theo dõi phiên xử.

Sau cùng tòa đã xử Lê Chí Quang đúng như bản án mà các nguồn tin từ Viện Kiểm Sát Nhân Dân cho biết trước đó : bốn năm tù và ba năm quản chế. Bản án này do ban lãnh đạo đảng cộng sản quyết định và chỉ thị cho các thẩm phán để tuyên bố.

Đây là một vụ xử án cực kỳ lở mãng và ô nhục.

Ô nhục cho các thẩm phán Việt Nam, trước hết là cho những thẩm phán ngồi xử phiên tòa này, vì họ đã để bị tước đoạt chức năng thẩm phán. Họ đã phản bội chức nghiệp của mình, dầy mặt đọc những bản án do kẻ khác quyết định.

Ô nhục cho các luật sư Việt Nam qua người đại diện trong phiên tòa này là Ngô Ngọc Thủy. Ngô Ngọc Thủy đã lãnh tiền bào chữa cho Lê Chí Quang nhưng đã phản bội thân chủ mình, làm tay sai một cách vô liêm sỉ cho chế độ, trắng trợn nhìn nhận Lê Chí Quang có tội. Nếu các luật sư Việt Nam còn chút danh dự, họ phải coi thái độ của Ngô Ngọc Thủy là một xúc phạm lớn đối với họ.

Ô nhục cho Đoàn Luật Sư Việt Nam, vì Ngô Ngọc Thủy cũng là chánh văn phòng Đoàn Luật Sư. Qua vụ án này, cái gọi là "Đoàn Luật Sư Việt Nam" đã lộ rõ bộ mặt bất lương.

Ô nhục cho Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội và đặc biệt cho Trường Luật vì Ngô Ngọc Thủy cũng là khoa trưởng Trường Luật.

Ô nhục cho ngành công an và cho Viện Kiểm Sát Nhân Dân, tác giả một cáo trạng tồi tệ và trơ trẽn. Công an đã hành động như một bọn cướp, Viện Kiểm Sát Nhân Dân đã hành động như một bọn đồng lõa. Thêm vào sự gian ác còn có sự dốt nát.

Nhưng ô nhục lớn nhất là đối với đảng cộng sản và chế độ cộng sản. Cả một khối người khổng lồ với gần ba triệu đảng viên, một triệu quân đội và công an mà đã phải run sợ trước một thanh niên yếu bệnh như Lê Chí Quang.

Vụ án này chứng tỏ chế độ cộng sản đã ung thối tột độ, không còn thuốc nào chữa chạy được nữa. Khi ngay cả công lý cũng đã trở thành bất lương thì không còn gì có thể duy trì ở chế độ này.

Đây không phải là một phiên tòa mà chỉ là một hành động khùng bố lở mãng bằng tòa án. Nhưng ngay cả mục tiêu khùng bố này cũng sẽ không đạt được mục đích của nó. Nhưng kẻ đang run sợ có thể khùng bố được ai ? Họ chỉ biến Lê Chí Quang thành một biểu tượng.

Lê Chí Quang bị đánh thuốc mê và bị ngăn cản không cho kháng án ?

Hiện nay những nguồn tin được tiết lộ từ quân đội và công an ngày càng xác nhận khả năng Lê Chí Quang bị đánh thuốc mê.

Nguồn tin từ quân đội cho hay đó là một loại thuốc do Trung Quốc chế tạo dùng để thẩm vấn, làm tê liệt mọi ý chí đề kháng và khiến nạn nhân hoặc chấp nhận tất cả

hoặc hoàn toàn bị vô hiệu hóa. Đây là một loại thuốc bột màu trắng, không có mùi vị gì cả được trộn vào thức ăn hoặc nước uống. Nạn nhân hoàn toàn không biết mình bị thuốc. Giả thuyết ngày càng được nhiều người tin là buổi sáng trước khi đến tòa án, Lê Chí Quang đã được cho ăn sáng hoặc uống nước có pha thuốc. Chỉ có giả thuyết này mới giải thích được thái độ hoàn toàn lạ lùng của Lê Chí Quang trong phiên tòa.

Ngay sau phiên tòa ngày 8-11-2002, gia đình Lê Chí Quang đã quyết định kháng án, luật sư Đàm Văn Hiếu đã lập tức làm thủ tục kháng án và được tòa trả lời rằng họ không có quyền kháng án mà phải chính Lê Chí Quang kháng án mới được. Luật sư Hiếu và bà Kim Chung xin được gặp Lê Chí Quang thì được trả lời là việc này do an ninh quyết định. Sang công an, họ được yêu cầu hãy chờ quyết định. Cuối cùng không ai biết tình trạng sức khỏe của Lê Chí Quang ra sao, thời hạn để kháng án đã qua đi. Lê Chí Quang đã bị ngăn chặn không cho kháng án.

Phụ quý sinh lễ nghĩa

Vụ án Năm Cam đã được qui định xét xử trong trọn một tháng từ 12-12-2002 đến 12-1-2003. Tin pháp đình cho hay băng đảng Năm Cam đã thuê một trăm luật sư để bào chữa. Trong khi vụ án người trí thức trẻ Lê Chí Quang được xử một cách tổng tháo trong vòng ba giờ và trước đó các luật sư bị làm áp lực từ chối bào chữa thì vụ băng đảng trộm cướp này lại diễn ra một cách long trọng, các can phạm có toàn quyền nhờ bất cứ luật sư nào.

Giải thích của giới thạo tin Hà Nội là nhà nước cố làm đình đám vụ Năm Cam để một mặt chứng tỏ mình có quyết tâm chống tham nhũng, mặt khác để dư luận không quan tâm đến những vụ án khác có thể cũng diễn ra trong cùng giai đoạn đối với Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn và có thể đối với cả Nhóm Dân Chủ.

Thực ra nhà nước cộng sản không sợ vụ Năm Cam. Cùng lắm nó chỉ làm chế độ mang tiếng xấu, một điều không còn quan trọng nữa vì dân chúng đều đã biết nhà nước tham nhũng rồi. Nhưng họ sợ những vụ án chính trị và muốn xử một cách thật gọn nhẹ.

Hiện nay gia đình Nguyễn Vũ Bình vẫn chưa tìm được luật sư dám chấp nhận bào chữa cho anh.

Tranh chấp đất đai trong dịp quốc hội nhóm họp

Ngày thứ ba 5-11-2002 đã xảy ra một cuộc đụng độ lớn giữa công an và dân chúng phường Hòa Lạc, Hà Nội. Khoảng 200 công an có trang bị chống biểu tình đã được điều động tới Hòa Lạc để giải tán một cuộc biểu tình của hơn một ngàn đồng bào tại đây. Đồng bào đã chống trả rất mạnh, cuộc ẩu đả đã làm nhiều người bị thương, một số người biểu tình đã bị bắt.

Nguyên nhân của cuộc biểu tình này là chống lại hành động cướp đoạt đất đai. Hòa Lạc nằm gần Cầu Giấy, trên đường đi về Láng và Hà Đông. Gần đây chính quyền Hà Nội đã qui hoạch vùng này để mở rộng thành phố. Một sân

vận động và một sân bay đã được thiết lập. Rất nhiều người cư ngụ tại đây đã bị truất hữu đất với lý do xây dựng công trình lợi ích công cộng. Trên thực tế, các quan chức đã lợi dụng cơ hội truất hữu nhiều đất hơn số đất cần thiết, sau đó chia cho nhau rồi bán lại với giá cao, có khi gấp 20 lần giá tiền bồi thường cho người bị truất hữu. Tình trạng cướp đoạt đất đai đang là vấn đề sôi nổi nhất tại Việt Nam.

Quốc hội cũng vừa nhóm họp từ thứ hai 12-11 và tình trạng đồng bào tụ tập để phản đối những vụ cướp bóc đất đai lại tái diễn, nhưng với số người đông đảo hơn. Điểm đặc biệt là lần này có cả những đồng bào sắc tộc thiểu số, nhiều người tới từ Tây Nguyên. Một số phụ nữ sắc tộc đã ăn mặc rất sơ sài, có người gần như không có áo quần, một phần vì tập quán y phục của họ, một phần để nói lên tình trạng họ bị bóc lột quá đáng để không thể mua sắm nổi những áo quần cần thiết.

Kỳ họp quốc hội này không gây được sự chú ý nào, ngoại trừ một phát biểu của bác sĩ Tôn Thất Bách, giám đốc bệnh viện Việt-Đức, con trai bác sĩ Tôn Thất Tùng. Báo chí thuật lại lời chất vấn của ông Bách về ngân sách theo đó số dự thu là 100.000 tỷ VND trong khi số dự chi là 800.000 tỷ VND. Ông Bách nói rằng không bao giờ một ngân sách lại có số chi gấp 8 lần số thu (báo *Tiền Phong* ngày 14-11-2002).

Đôi trọng với Hoa Kỳ ?

Từ sau thế chiến II, nước Pháp của De Gaulle rất cay cú vì đã không được mời tham dự hội nghị Yalta tháng 2-1945 phân chia lại nước Đức và Châu Âu. Từ đó Pháp muốn xây dựng cho mình một thế lực riêng, ngoài những quan hệ với các quốc gia đồng minh khác, để bảo vệ quyền lợi tại các thuộc địa cũ. Nhưng ước muốn này đã không được sự đồng tình của các đồng minh nên đã lần lượt mất Đông Dương (1954) rồi Algeria (1963). Từ sau hai thất bại này, Pháp xoay qua củng cố vai trò của mình tại Châu Âu bằng cách thành lập một Cộng Đồng Châu Âu hùng mạnh, chung quanh hai trục Pháp - Đức, và đã thành công.

Với thời gian, nhận thấy vai trò của khối Anh ngữ (Commonwealth) ngày càng áp đảo, từ thập niên 1980 Pháp quyết tâm xây dựng cho mình một thế lực riêng, chung quanh "khối nói tiếng Pháp" (francophonie), nhưng không mấy thành công. Cơ hội chỉ đến sau khi bức tường Bá Linh và khối cộng sản châu Âu sụp đổ, chiến tranh lạnh chấm dứt, Pháp tăng cường vai trò của "khối nói tiếng Pháp", gọi tắt là OIF (Organisation internationale de la Francophonie), để làm hậu thuẫn cho mình trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế, và thành công mỹ mãn.

Khối OIF ngày nay qui tụ 55 quốc gia hội viên lớn nhỏ trên khắp năm châu, với một dân số tổng cộng trên 500 triệu người, trong đó trục Pháp và Québec (Canada) là hai trục chính. Với tổ chức này, cùng với Liên Hiệp Quốc và tư cách đồng minh trong khối NATO, Pháp muốn được thế giới nhìn nhận như một thế lực đối trọng với Hoa Kỳ trong các vấn đề quốc tế, nhất là các vấn đề thuộc thế giới thứ ba và Châu Âu.

Trong hội nghị thượng đỉnh Pháp thọai Beyruth, từ 14 đến 20-10-2002, tổng thống Pháp Jacques Chirac xác nhận lại vai trò quyết định của Pháp trong cuộc khủng hoảng Hoa Kỳ - Iraq. Bất cứ can thiệp bằng quân sự nào tại Iraq cũng phải được sự chấp thuận của Pháp, với tư cách là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, và bất cứ nghị quyết quan trọng nào của Liên Hiệp Quốc cũng phải thông qua Pháp, nhân danh công pháp quốc tế và ổn định tại Trung Đông.

Hoa Kỳ có lẽ đã ý thức được tầm vóc mới của một đồng minh "không ngoan ngoan" này nên đã dành cho Pháp một sự nể trọng hơn.

NATO và Châu Âu : lần cần trong việc thành lập một lực lượng quân sự chung

Trong hai ngày 21 và 22-11-2002, một hội nghị thượng đỉnh của khối NATO đã được tổ chức tại Praha, thủ đô nước Tiệp, với sự tham dự của 19 vị nguyên thủ quốc gia hội viên. Đây là hội nghị lần thứ năm từ sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989 và chiến tranh lạnh chấm dứt, và là lần đầu tiên được tổ chức tại một cựu quốc gia cộng sản Đông Âu, thành viên mới của NATO.

Hội nghị Praha 2002 lần này chính thức hóa sự gia nhập của 7 quốc gia cựu cộng sản Đông Âu (Bulgaria, Estonia, Latvia, Lithuania, Romania, Slovakia và Slovenia) vào khối NATO trong năm 2004 ; ra tuyên bố ủng hộ nghị quyết 1441 của Liên Hiệp Quốc về Iraq và cụ thể hóa việc thành lập một lực lượng quân sự hỗn hợp tại Châu Âu.

Sự thành lập một lực lượng quân sự chung này đã là đề tài tranh cãi gay go giữa Pháp và NATO. Từ khi chiến lạnh lạnh chấm dứt, khối NATO mất đi tầm quan trọng vì Châu Âu không còn lo sợ một cuộc chiến tranh nguyên tử nữa. Ngược lại, sự tan vỡ của liên bang Nam Tư, một quốc gia cựu cộng sản, làm xáo trộn sự ổn định cả vùng Balkan, một lực lượng gìn giữ hòa bình tại đây do đó rất là cần thiết. Lực lượng nào, đó là cả vấn đề.

Liên Hiệp Châu Âu đang thành lập một lực lượng quân sự, gồm 60.000 quân, để thay thế quân đội NATO trong vùng Balkan, đặc biệt là tại Macedonia, vào đầu năm tới, trong khi hội nghị thượng đỉnh Praha đề nghị thành lập một lực lượng quân sự hỗn hợp, gồm 21.000 người, để đối phó với những cuộc tấn công khủng bố.

Pháp đã tỏ ra dè dặt về vấn đề này vì sợ bị dẫm chân. Cũng nên biết, Pháp là người chủ xướng việc thành lập một lực lượng quân sự chung gìn giữ hòa bình tại Châu Âu, vì quân đội Pháp tương đối đông và được trang bị khá đầy đủ so với các quốc gia khác, nhưng Pháp lại không muốn quân đội mình bị đặt dưới quyền chỉ huy của người khác. Thực ra Pháp rất muốn nắm quyền lãnh đạo lực lượng này nhưng NATO, nhất là Hoa Kỳ và Anh, chưa đồng ý vì cho rằng quân đội Pháp không khách quan.

Trong thực tế, lực lượng quân sự hỗn hợp của Châu Âu, mà Pháp chủ trương để thay thế các lực lượng quân sự NATO tại vùng Balkan, đến nay vẫn chưa sẵn sàng.

Mục lục

1. *Pháp lý đạo tặc* *Thông Luận*
2. *Khi còn chưa quá muộn !* *Hoàng Minh Chính*
Tại sao tôi khổ đến thế ! *Nguyễn Thị Kim Chung*
3. *Cảm thán* *Dương Hùng*
4. *Ai cầm quyền ?* *Nguyễn Gia Kiểng*
7. *Hãy trả lời rõ ràng cho toàn dân* *Bùi Tín*
8. *Một vấn đề phức tạp, một công việc khó khăn* *Tôn Thất Thiệu*
11. *Việc chúng ta, chúng ta cứ làm* *Bùi Tín*
14. *Chính trị và đạo đức* *Nguyễn Văn Mừng*
15. *Thời kỳ xác định bản thể* *Nguyễn Văn Huy*
19. *Việt Nam : đất nước của các cộng đồng ?* *Ya Biloh*
20. *Chân trời quê hương tôi* *Natalie Hoài Châu*
22. *Tám lòng con Bảy đũa đò* *Tường Năng Tiến*
24. *"Đi tìm nỗi sợ"* *Trần Thị Thuồng*
26. *À... ra thế đấy !* *Nghiêm Văn Thạch*
27. *Những kẻ anh hùng* *Võ Thanh Liêm*
27. *Người Việt Bắc Carolina* *Nguyễn Vinh An*
28. *Bài thơ nhỏ* *N. N. N*
29. *Thư độc giả*
30. *Thời sự*

Đừng quên

những người dân chủ đang bị giam giữ vì tội lương tâm :

- **Nguyễn Khắc Toàn**, từ ngày 8-1-2002
- **Vũ Ngọc Bình**, từ tháng 1-2002
- **Lê Chí Quang**, từ ngày 21-2-2002
- **Phạm Hồng Sơn**, từ ngày 27-3-2002

Những người này chỉ có một tội :
Họ đòi dân chủ cho Việt Nam !

Tim đọc **THÔNG LUẬN** điện tử và nhiều tiết mục khác trên

Website ThongLuan :

<http://www.thongluan.org>